

THIÊN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 2

**TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)**

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	11
1 NIKĀYA CHINH PHỤC THẾ GIỚI.....	17
1.1 Nikāya truy sát Vô Minh như thế nào?.....	17
1.2 Nikāya triệt hạ Kiết Sử như thế nào?.....	24
1.2.1 Kiết sử là gì?.....	24
1.2.2 Vì sao thành tựu Chánh kiến, phá được ba hạ phần kiết sử?	26
1.2.3 Vì sao diệt được Năm hạ phần kiết sử, khi mạng chung không quay lại đời này?	28
1.3 Nikāya triệt phá Năm Thủ Uẩn như thế nào?.	32
1.4 Nikāya triệt tiêu Tham, Sân, Si, Bản ngã như thế nào?.....	34
1.5 Nikāya diệt tận Lậu Hoặc như thế nào?.....	37
1.6 Nikāya cắt đứt Luân hồi sanh tử như thế nào?	40

1.7	Pháp Tám Đúng trong Nikāya là vị cứu tinh của thế giới.....	43
1.8	Tối Thượng Thừa trong đạo Phật	45
1.8.1	Kinh Bà-la-môn (<i>Tương V, 13</i>).....	45
1.8.2	Tám Đúng - Cỗ xe vô thượng chinh phục thế giới	48
2	NIKĀYA TINH HOA PHẬT TRÍ.....	55
2.1	Pháp Tám Đúng và Bốn Thánh Quả.....	55
2.1.1	Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?	55
2.1.2	Vì sao bậc Dự lưu chỉ sanh tử tối đa bảy lần, giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào cảnh giới thấp?	57
2.2	Sự thâm sâu thần diệu của Pháp Tám Đúng ...	59
2.2.1	Thánh đạo	59
2.2.2	Thánh pháp	60
2.2.3	Thánh phát minh.....	63
2.2.4	Thánh châu báu	64
2.2.5	Thánh dục.....	66

2.2.6	Thánh thanh lọc	71
2.2.7	Thánh bát nhã	72
2.2.8	Thánh hùng ca	76
2.2.9	Thánh trí tuệ	77
2.2.10	Thánh sự thật	77
2.2.11	Thánh chân lý	79
2.2.12	Thánh hiền pháp	80
2.3	Tinh Hoa Phật Trí.....	81
2.4	Phật đạo - Phật thừa - Tối thượng thừa.....	86
2.4.1	Kinh Thành Ấp (<i>Trung II</i> , 185).....	86
2.4.2	Điều mà Đức Phật đã giác ngộ.....	91
2.4.3	Đường lối tu của chư Phật ba đời.....	97
2.4.4	Thánh chuông đánh thức nhân gian	102
2.5	Kệ đánh lễ Phật đạo vô thượng.....	109
3	GIỚI ĐỊNH TUỆ TRONG NIKĀYA.....	117
3.1	Pháp Tám Đúng được Giới Định Tuệ thâm nhiếp	117
3.2	Thế nào là Giới Định Tuệ trong Đạo Phật?..	117

3.3	Năm nguy hiểm cho người phạm giới.....	119
3.4	Dòng chảy của Giới Định Tuệ.....	122
3.4.1	Kinh Sở Y (<i>Tăng IV</i> , 241).....	122
3.4.2	Kinh Có Lợi Ích Gì (<i>Tăng IV</i> , 645) .	124
3.5	Dòng chảy của Chánh niệm và Giới Định Tuệ	126
3.6	Giới Định Tuệ - Ba việc cần làm của người tu	128
3.7	Ta cũng là con bò - Kinh Sa-môn (<i>Tăng I</i> , 415)	131
3.8	Vị trí và tầm quan trọng của Giới Định Tuệ trong đạo Phật	132
3.9	Mục đích của Giới Định Tuệ.....	136
3.10	Tam Pháp Ấn trong đạo Phật.....	140
4	GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ HÁN VIỆT.....	145
4.1	Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã luận thủ	145
4.2	Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu	146
4.3	Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, hóa sanh.	147

4.4	Lậu hoặc	148
4.5	Vô minh	149
4.6	Niết-bàn	153
4.6.1	Niết-bàn là gì?	153
4.6.2	Hữu dư y Niết-bàn.....	157
4.6.3	Vô dư y Niết-bàn	158
4.6.4	Kinh Không Có Dư Y (<i>Tăng IV, 103</i>)	159
4.6.5	Kinh Tissa (<i>Tăng III, 379</i>).....	162
4.6.6	Kinh Sanh Thú Của Loài Người (<i>Tăng III, 371</i>).....	169
5	MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT TRONG NIKĀYA	177
5.1	Mục đích đạo Phật là gì?	177
5.1.1	Kinh Với Mục Đích Gì (<i>Tương V, 16</i>)	177
5.1.2	Kinh Ly Tham (<i>Tương V, 47</i>)	178
5.1.3	Kinh Kiết Sử (<i>Tương V, 48</i>) (<i>Samyojanam</i>)	180
5.1.4	Kinh Không Chấp Thủ (<i>Tương V, 49</i>)	

.....	181
5.1.5 Kinh Sa-Môn Hạnh 1 (<i>Twong V</i> , 45)	183
5.1.6 Kinh Sa-Môn Hạnh 2 (<i>Twong V</i> , 45)	183
5.1.7 Kinh Devadaha (<i>Twong III</i> , 16)	184
5.1.8 Kinh Phạm Hạnh (<i>Tăng I</i> , 597)	189
5.1.9 Kinh Tôn Giả Mahàkotthita (<i>Tăng IV</i> , 108).....	190
5.1.10 Kinh Trạm Xe (Rathavivutasutta) (<i>Trung I</i> , bài 24).....	195
5.1.11 Kinh Bất Tử (<i>Twong V</i> , 65).....	205
5.1.12 Kinh Các Vị A-La-Hán (<i>Twong III</i> , 155).....	207
5.1.13 Giải mã các mục đích trên.....	210
5.2 Truy tìm nguồn cội mục đích đạo Phật.....	214
5.2.1 Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia vì mục đích gì?	214
5.2.2 Vì sao có sự trầm luân trong sanh tử?	215
5.2.3 Bốn sự thật về Sanh tử.....	220
5.2.4 Mục đích đạo Phật.....	225

6	CHÁNH PHÁP TRONG NIKĀYA	227
6.1	Chánh pháp là gì?	227
6.2	Định nghĩa Chánh pháp trong kinh Nikāya..	233
6.3	Đức Phật đã trao truyền Chánh pháp gì?	241
6.3.1	Kinh Nghĩ Như Thế Nào (<i>Trung</i> III, bài 103).....	241
6.3.2	Kinh Làng Sāma (<i>Trung</i> III, bài 104)	243
6.3.3	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường</i> I, bài 16).....	248
6.3.4	Kinh Anurādhā (<i>Trường</i> III, 210)	250
6.3.5	Kinh Ví Dụ Con Rắn (<i>Trung</i> I, bài 22)	253
6.3.6	Kinh Thế Giới (<i>Tăng</i> I, 592)	257
6.3.7	Lời kết	259
6.4	Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bồ-đề phần.....	261
6.5	Sự phối hợp các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần	263

6.6	Có thể thêm bớt gì trong Chánh pháp không?	269
6.6.1	Kinh Thanh Tịnh (<i>Trường II, bài 29</i>)	269
6.6.2	Thấy mà không thấy	273
6.6.3	Vì sao không thể thêm bớt giáo pháp của Đức Phật?.....	274
6.7	Trường hợp không thể thâm nhập Chánh pháp	284
6.7.1	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 1 (<i>Tăng II, 595</i>)	284
6.7.2	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 2 (<i>Tăng II, 596</i>)	285
6.7.3	Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 3 (<i>Tăng II, 597</i>)	286
6.7.4	Kinh Không Ưa Nghe (<i>Tăng III, 252</i>)	287
6.7.5	Kinh Chương Ngại (<i>Tăng III, 250</i>) ..	289
6.7.6	Kinh Nghiệp Chương (<i>Tăng III, 251</i>)	290

6.7.7	Kinh Không Có Cung Kính 1 (<i>Tăng II</i> , 325).....	291
6.7.8	Kinh Không Có Cung Kính 2 (<i>Tăng II</i> , 326).....	293
6.7.9	Kinh Vô Thường (<i>Tăng III</i> , 259).....	294
6.7.10	Kinh Khở (<i>Tăng III</i> , 260)	295
6.7.11	Kinh Vô Ngã (<i>Tăng III</i> , 260).....	295
6.7.12	Kinh Niết-bàn (<i>Tăng III</i> , 260)	296
6.7.13	Tổng kết.....	297
6.8	Phân biệt Tà Pháp và Chánh pháp.....	299
6.8.1	Kinh Che Giấu (<i>Tăng I</i> , 516).....	299
6.8.2	Kinh Pháp Tóm Tắt (<i>Tăng III</i> , 660) .	300
6.8.3	Kinh Thông Điệp (<i>Tăng III</i> , 479).....	302
6.8.4	Kinh Bệnh (<i>Tương V</i> , 237).....	303
6.8.5	Lời kết	305
6.9	Pháp truyền thống của các Đức Phật là gì? ..	308
6.9.1	Kinh Đại Bát Niết-Bàn (<i>Trường I</i> , bài 16).....	308
6.9.2	Truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác	312

6.10 Hồi hướng.....317

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả tập sách này, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy các trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikaya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya; khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ được thêm một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận Năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng, sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực là điều khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh tạng Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch Chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực tập hành trì. Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập, đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Tại vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã phân tích từng bước, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thể nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát chánh đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hànhgiả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả. Với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tâm, Sài Gòn, mùa An cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 NIKĀYA CHINH PHỤC THẾ GIỚI

Để biết rõ Nikāya chinh phục thế giới như thế nào, sau đây chúng ta sẽ cùng khảo sát sự hoàn hảo, sự tinh tế, sự thần diệu của Pháp Tám Đúng trong Vô Thượng Pháp Luân trong Nikāya.

1.1 Nikāya truy sát Vô Minh như thế nào?

Vô minh là trạng thái tâm bị vẩn đục, tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang vận hành, đang hoạt động trong nội tâm. Tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm; không thấy biết rõ những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; không thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tâm; không thấy biết rõ những cấu uế, rác bẩn trong tâm; không thấy biết rõ những pháp bất thiện đang khống chế tâm, đang áp bức tâm như thế nào. Tâm vẩn đục, tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang có mặt, đang vận hành, đang dẫn dắt tâm, đang chi phối tâm, đó gọi là vô minh.

Chúng sanh với tâm bị vô minh che đậy, bị vô minh phong tỏa, không thấy biết rõ trạng thái nội tâm của mình, không thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm nên chúng sanh nói trong vô minh,

làm trong vô minh, suy nghĩ trong vô minh. Chúng sanh sống trong vô minh, sống trong si ám mà không hay không biết. Chúng sanh cho mình tài giỏi, cho mình thông minh nhưng chúng sanh không biết rằng sự tài giỏi, sự thông minh của mình cũng chỉ nằm trong vô minh, trong lậu hoặc, trong dục, ái, tham, sân, si. Chúng sanh tài giỏi, thông minh, biết sự đời việc này việc kia nhưng không biết rõ nội tâm của mình, không biết rõ những gì đang vận hành đang hoạt động trong nội tâm, không biết rõ những gì đang khống chế tâm, đang dẫn dắt tâm, đang chi phối tâm.

Chúng sanh thông minh, tài giỏi có thể đọc chữ, đọc sách, đọc được nhiều thứ tiếng, đọc nhiều tài liệu khoa học, đọc ý nghĩa trong lời nói của những người xung quanh, đọc ý nghĩa trong những hình vẽ, trong những bộ phim, trong những tập sách... Chúng sanh thông minh, tài giỏi có thể đọc được nhiều thứ bên ngoài nội tâm nhưng lại không đọc được những thứ đang có bên trong nội tâm của mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã được lòng dục trong mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã được lòng ái trong mình. Chúng sanh không đọc được, không giải mã lòng sân hận, hờn giận, hơn thua, ích kỷ, hẹp hòi, bản ngã, độc ác, xảo trá, nguy hiểm, giả dối trong mình. Đó gọi là vô minh.

Tóm lại, vô minh là trạng thái tâm không trong sáng, không thấy biết rõ những gì đang có mặt trong nội tâm, không

thấy biết rõ những gì đang diễn ra trong tâm, không thành tựu trí tuệ về tự thân, không nhìn ra được những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, không chế ngự được, không nhiếp phục được những pháp ác bất thiện trong nội tâm, không thấy biết rõ cái gì đang dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử.

Với một trạng thái tâm vô minh, vô trí sâu dày như vậy, nên chúng sanh không thoát khỏi sanh tử, không thoát khỏi phiền não, không thoát khỏi khổ đau.

Nhưng đối với bậc Thánh đệ tử, đối với vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, sau khi được nghe những lời dạy chân chánh của Ngài về vô minh, về dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vị này khéo tiếp nhận lời dạy này, vị này thành tựu đức hạnh của một người tu. Với đức hạnh chân chánh của người tu, vị này khéo như lý tác ý, khéo tác động tâm ý của mình hướng đến thể nhập vào trí tuệ, thể nhập vào sự thực chứng, thực thấy biết các sự thật mà Đức Phật đã chỉ dạy. Cuối cùng, vị này với tự thân đã thực giác, thực chứng, thực thấy, thực biết những sự thật, những trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Vô minh được vị này thấy biết rõ, bản ngã được vị này thấy biết rõ, dục, ái, tham, sân, si được vị này thấy biết rõ. Vị này thấy biết rõ nội tâm cấu uế của mình. Vị này có thể đọc được, có thể giải mã được tất cả những gì đang có mặt, đang diễn ra trong nội tâm vô minh, lậu

hoặc của mình. Vị này được gọi là bậc đã thành tựu Chánh tri kiến.

Với bậc đã thành tựu chánh kiến thì chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định dần đi đến thành tựu. Tức là, với vị có sự thấy biết đúng, thấy biết chân chánh về tự thân và cuộc sống thì thân khẩu ý của vị này dần điều chỉnh theo sự suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Những vô minh trong thân khẩu ý của vị này được nhìn thấy, và dần được nhiếp phục, dần được diệt tận dưới ánh sáng của chánh tri kiến, của sự thấy biết đúng.

Pháp hành Tám Đúng là một pháp hành thực tế, một đường lối tu thực tế rõ ràng, có kết quả thiết thực ngay trong đời sống hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Nhân và quả của pháp hành này là ngay trong lòng bàn tay, không có gì là hư vọng, hão huyền, không rõ ràng, không minh bạch, không có thể xác chứng được ngay trong hiện tại. Kết quả tu tập trong pháp hành Tám Đúng là minh bạch, trong sáng, rạch ròi, được những người trí tu tập trong Thánh pháp này tự thân thấy biết rõ, không phải nương tựa vào người khác.

Phương Pháp Tám Đúng là một phương pháp tu thân diệu, thiện xảo và hoàn hảo trong việc đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận tham sân si, tẩy sạch hoàn toàn những rác bần trong nội tâm.

- Chánh Tri Kiến hay **Thấy Biết Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ cái nhìn, cái thấy sai về thân tâm, khai sáng Bốn sự thật về Ngũ uẩn trong thân tâm. Diệt tận vô minh trong khía cạnh cái nhìn, cái thấy của người tu về thân tâm và thế giới.
- Chánh Tư Duy hay **Suy Nghĩ Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những tư duy, những suy nghĩ sai quấy có chất chứa tham sân si ra khỏi tâm. Diệt tận vô minh trong khía cạnh ý hành của người tu.
- Chánh Ngữ hay **Nói Lời Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những thói quen nói trong vô minh si ám. Diệt tận vô minh trong khía cạnh khẩu hành của người tu.
- Chánh Nghiệp hay **Hành Động Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những hành động sai quấy, bất thiện do vô minh si ám dắt dẫn. Diệt tận vô minh trong khía cạnh thân hành của người tu.
- Chánh Mạng hay **Nuôi Mạng Đúng** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những cách kiếm sống sai quấy trong vô minh si ám. Diệt tận vô minh trong khía cạnh kiếm sống, nuôi mạng sống của người tu.

- Chánh Tinh Tấn hay ***Siêng Đúng Việc*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những siêng năng sai trong sự tu đạo. Diệt tận vô minh trong khía cạnh siêng năng, tinh tấn của người tu.
- Chánh Niệm hay ***Quán Đúng Chỗ*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ sự quán sát sai chỗ, nhớ biết sai chỗ trong sự tu đạo. Diệt tận vô minh trong khía cạnh nhớ nghĩ, quán niệm, quán sát của người tu.
- Chánh Định hay ***Định Đúng Cách*** trong Pháp Tám Đúng dùng để phá bỏ những cách định tâm sai của người tu. Diệt tận vô minh trong phương diện thiền định, phương diện định tâm.

Vô minh ẩn nấp trong mọi phương diện của đời sống. Vô minh ẩn nấp trong mọi phương diện của sự tu. Nếu tu mà không thấy biết rõ vô minh thì sẽ tu trong vô minh. Nếu tu trong vô minh thì sẽ không thể nào thoát ra khỏi vô minh, không thể nào thành tựu trí tuệ về tự thân, không thể nào diệt tận hoàn toàn tất cả những cấu uế lậu hoặc trong nội tâm. Và như vậy, nếu tu trong vô minh thì sẽ không thể nào và không bao giờ chấm dứt được khổ, không bao giờ chấm dứt được trầm luân sanh tử.

Vì vậy, cần phải biết rõ vô minh, cần phải biết rõ những chỗ ẩn nấp của vô minh, cần phải biết rõ những hình thức thô tế của vô minh, cần phải biết rõ những hoạt động của

vô minh, cần phải biết rõ những góc độ, những khía cạnh của vô minh, cần phải biết rõ nhân duyên vô minh sanh khởi, nhân duyên vô minh diệt tận, cần phải biết rõ đạo lộ tu tập, phương pháp tu tập để đi đến diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

Vô minh ẩn nấp trong sự thấy biết, vô minh ẩn nấp trong sự suy nghĩ, vô minh ẩn nấp trong lời nói, vô minh ẩn nấp trong hành động, vô minh ẩn nấp trong cách kiếm sống, vô minh ẩn nấp trong sự nhớ biết, quán niệm, vô minh ẩn nấp trong cách định tâm. Đây là tám chỗ trú ẩn của vô minh trong cuộc sống. Đây cũng là tám góc độ, tám khía cạnh, tám chỗ hoạt động của vô minh.

Với trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả những chỗ trú ẩn của vô minh đã bị phơi bày, bị vạch trần, bị chỉ rõ. Đức Phật đã phát giác, phát hiện tất cả những chỗ trú ẩn của vô minh, tất cả những khía cạnh của vô minh và Ngài đã dùng những pháp thích hợp và thiện xảo để triệt phá chúng. Những pháp thích hợp đó chính là Pháp Tám Đúng.

Với Pháp Tám Đúng thì vô minh đã bị thấy biết hoàn toàn và bị diệt tận một cách hoàn toàn. Không có một góc độ nào, một khía cạnh nào, một hình thức thô tế nào của Vô minh và Khát ái trong đời sống của người tu mà có thể thoát khỏi trí tuệ của Đức Phật. Với trí tuệ của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác thì vô minh đã bị thấy biết một cách hoàn toàn và bị diệt tận hoàn toàn bởi Phương Pháp Tám Đúng. Phương pháp Tám Đúng đã truy sát vô minh và diệt tận vô minh một cách hoàn toàn.

1.2 Nikāya triệt hạ Kiết Sử như thế nào?

1.2.1 Kiết sử là gì?

Kiết sử là sự trói buộc và sai sử. Có năm sự trói buộc tâm ở dạng thô và năm sự trói buộc tâm ở dạng vi tế. Năm sự trói buộc tâm dạng thô gọi là Năm hạ phần kiết sử. Năm sự trói buộc tâm dạng tế nhị, vi tế gọi là Năm thượng phần kiết sử. Vì tâm bị mười sự trói buộc này, bị mười kiết sử này mà tâm phải ở trong cái rọ của Ngũ uẩn; không thoát khỏi ba cõi là dục giới, sắc giới và vô sắc giới; không thoát khỏi cảnh sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, chìm nổi trong biển sanh tử trầm luân trong phiền não và khổ đau.

Năm hạ phần kiết sử là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục tham và sân.

- **Thân kiến:** sự nhìn nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình, là tự ngã của mình. Đây là sợi dây

vô minh đầu tiên trói buộc tâm lòng nhùng trong sanh tử.

- **Hoài nghi:** sự nghi ngờ, bất an, dao động, nghi ngờ Tam bảo, nghi ngờ không biết mình là ai, hay ai là mình trong những đời sống trước. Đây là sợi dây vô minh thứ hai trói buộc tâm chìm nổi trong sanh tử.
- **Giới cấm thủ:** sự tuân thủ, sự cố chấp, sự thực hành theo các giới cấm nhưng không biết rõ nhân quả của việc làm này. Đây là sợi dây vô minh thứ ba trói buộc tâm trầm luân trong sanh tử.
- **Dục tham:** lòng tham dục, tham muốn, thèm muốn, khao khát, khát ái, ái luyến, quyến luyến, thương yêu, thích muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của thế gian, của cõi dục giới này. Đây là sợi dây vô minh thứ tư trói buộc tâm trong trầm luân sanh tử.
- **Sân:** sự sân hận, bực bội, tức giận, thù hận, oán hận, ghim gút, dính mắc đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của cõi dục giới này. Đây là sợi dây vô minh thứ năm trói buộc tâm trong các cõi dục giới và sắc giới.

Năm thượng phần kiết sử (năm sự trói buộc tâm dạng vi tế) gồm: Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

- **Sắc ái:** Yêu thích cảnh giới của chư Thiên có hình tướng như chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, Dạ-ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc

Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên... Đây là sự trói buộc tâm thứ nhất, dạng vi tế.

- **Vô sắc ái:** Yêu thích cảnh giới của chư Thiên không hình tướng như chư Thiên ở Không vô biên xứ Thiên, Thức vô biên xứ Thiên, Vô sở hữu xứ Thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ Thiên. Đây là sự trói buộc tâm thứ hai, dạng vi tế.
- **Mạn:** Ngã mạn, bản ngã. Đây là sự trói buộc tâm thứ ba, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì chỉ còn chút tàn dư ngã mạn “Tôi là” (tôi kém, tôi bằng, tôi hơn).
- **Trạo cử:** Tâm dao động. Đây là sự trói buộc tâm thứ tư, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì tâm chỉ còn dao động chút ít.
- **Vô minh:** Tâm không trong sáng. Đây là sự trói buộc tâm thứ năm, dạng vi tế. Đối với bậc Bất lai thì tâm chỉ còn vài lúc không trong sáng hoàn toàn.

Như vậy, tổng cộng có mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm dạng thô và dạng vi tế.

1.2.2 Vì sao thành tựu Chánh kiến, phá được ba hạ phần kiết sử?

Khi thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong tự thân, không còn lầm chấp cho rằng: sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là mình, là của mình,

là tự ngã của mình, nên diệt được thân kiến, phá được thân kiến, phá được sợi dây vô minh đầu tiên trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy rõ, vị ấy không còn hoài nghi, không còn nghi ngờ về đời trước mình có mặt hay không. Vị này biết rõ rằng: những đời sống trước cũng chỉ là những hình thức vầy khác của Ngũ uẩn do tâm vô minh và tham ái đối với Ngũ uẩn tạo ra. Nhờ thấy biết rõ như vậy nên diệt được hoài nghi, phá được hoài nghi, phá bỏ sợi dây vô minh thứ hai trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy rõ trong tự thân, nên không còn si mê vô minh chấp thủ, tuân thủ theo các giới cấm, vị này tu tập theo con đường của Giới Định Tuệ, vị này gìn giữ những giới hạnh trong sạch, thanh cao với trí tuệ biết rõ nhân quả của việc giữ giới, biết rõ mục đích của việc giữ giới. Vị này giữ giới không phải vì sự ép uổng của ai hay vì sợ ai quở trách, trừng phạt, mà vị này giữ các giới hạnh cao đẹp, hiền thiện của một người tu chân chánh, tránh không để Ngũ uẩn làm những hành động sai quấy đưa đến nghiệp báo đau khổ cho mình ở hiện tại và tương lai. Nhờ thấy biết rõ nhân quả trong việc gìn giữ giới đức nên vị này diệt được giới cấm thủ, phá được giới cấm thủ, phá bỏ sợi dây vô minh thứ ba trói buộc tâm trong cái rọ của Ngũ uẩn.

Như vậy, vào được cánh cửa đầu tiên của Phương Pháp Tám Đúng, thành tựu sự Thấy biết đúng, thấy biết rõ Ngũ uẩn và những rác bần trong nội tâm, là đã phá bỏ được ba sợi dây vô minh đầu tiên trói buộc tâm trong trầm luân sanh tử - tức là đã phá được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Đây gọi là bậc Dự lưu.

Lại nữa, với chánh kiến dẫn dắt, vị này tiếp tục tu tập sáu pháp đúng còn lại và dần thành tựu sáu pháp đúng này là: Nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng. Với bảy pháp chân chánh này thì thân hành, khẩu hành, ý hành của vị này dần được điều chỉnh theo chiều hướng nhiếp phục dục tham và sân. Khi dục tham và sân đối với dục giới được giảm thiểu và nguội lạnh thì vị này chỉ còn quay lại đời này một lần nữa rồi sẽ chấm dứt sanh tử, đây gọi là vị Nhất lai. Khi dục tham và sân đối với dục giới được diệt tận một cách hoàn toàn thì vị này không còn quay lại đời này nữa, đây gọi là vị Bất lai. Vị này sẽ hóa sanh tại Tịnh Cư Thiên, khi hết thọ mạng thì nhập Niết-bàn tại đây.

1.2.3 Vì sao diệt được Năm hạ phần kiết sử, khi mạng chung không quay lại đời này?

- Lòng tham dục, tham ái, tham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi dục giới là sự dính mắc trói buộc

với dục giới, đó là nguyên nhân thứ nhất sanh lại trong dục giới.

- Lòng sân hận, bực bội, tức giận, hiềm hận, thù hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi dục giới cũng là sự dính mắc trói buộc với dục giới, đó là nguyên nhân thứ hai sanh lại trong dục giới.

Khi Ngũ uẩn được nhìn thấy, thân kiến được trừ diệt, hành giả không còn cho sắc, thọ, tưởng, hành, thức là mình, hành giả tu tập quán từ bỏ đối với Ngũ uẩn, diệt được lòng dục, lòng tham và lòng sân hận đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của trần gian, của cõi dục nên những nguyên nhân, những nhân duyên khiến sanh lại đời này, sanh lại dục giới không còn nữa. Vì vậy, sau khi thân hoại mạng chung, vị này chắc chắn không sanh lại đời này nữa. Đó là lý do vì sao Đức Phật tuyên bố vị diệt được năm hạ phần kiết sử, được gọi là vị Bất lai, khi thân hoại mạng chung, không quay lại đời này mà sẽ hóa sanh ở Tịnh Cư Thiên.

Tịnh Cư Thiên là nơi ở của những vị đã có tâm tuy chưa hoàn toàn lậu tận, nhưng đã thanh tịnh trong sự không còn dục tham và sân, thấy biết rõ Ngũ uẩn, chỉ còn lại chút tàn dư cuối cùng của năm thượng phần kiết sử. Vì đây là nơi ở của những vị thành tựu chánh kiến và tâm đã thanh tịnh trong sạch trong vấn đề diệt dục tham và sân, nên nơi này được gọi là Tịnh Cư Thiên.

Như vậy, với sự phối hợp của bảy pháp đúng đầu tiên trong Phương Pháp Tám Đúng thì năm hạ phần kiết sử, năm sự trói buộc tâm dạng thô được triệt phá một cách hoàn toàn.

Lại nữa, với bảy pháp đúng được thành tựu là: Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng, hành giả bước vào tu tập cái đúng thứ tám đó là định đúng cách. Hành giả khéo an trú trong cách định tâm chân chánh này. Với cách định tâm đúng này, hành giả khéo quán chiếu nhận diện Ngũ uẩn, nhận diện những tàn dư ứ đọng còn sót lại trong nội tâm thông qua những hành tướng của Ngũ uẩn, nhận diện năm sự trói buộc tâm dạng vi tế còn sót lại thông qua những biểu hiện của Ngũ uẩn, hành giả quán diệt tận những trói buộc vi tế này, quán từ bỏ đối với Ngũ uẩn, tẩy sạch những tàn dư lậu hoặc trong tâm, thể nhập quả lậu tận, thể nhập A-la-hán quả.

Như vậy, với sự phối hợp hoàn hảo, thiện xảo của Phương Pháp Tám Đúng, với sự thực hành trọn vẹn và thành tựu trọn vẹn Phương Pháp Tám Đúng thì mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm được tháo gỡ, được phá bỏ, được triệt phá, được diệt tận một cách hoàn toàn. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, người, chư Thiên, được giải thoát khỏi những đời sống lang thang rày đây mai đó ở các cõi, giải thoát khỏi

những cảnh sống vô thường, tạm bợ, mộng lung, bất an, đầy sợ hãi, đầy lo lắng, đầy phiền não và khổ đau. Tâm được giải thoát khỏi những cảnh cùi, hủi, ghẻ, lở, ung thư, ung nhọt, ăn xin, cô hồn, ngạ quỷ vất vớ vất vương... Như vậy, Phương Pháp Tám Đúng đã đưa đến sự diệt tận hoàn toàn mười kết sử, tháo gỡ hoàn toàn mười sợi dây ác nghiệt của vô minh đã trói buộc tâm phải trầm luân trong vô lượng lần sanh tử và phiền não vừa qua.

- Chúng con vô lượng cung kính tri ân Phương Pháp Tám Đúng.
- Chúng con vô lượng cung kính tri ân con đường Bát Chánh Đạo.
- Chúng con vô lượng cung kính tri ân Đức Thế Tôn, Bạc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài đã kéo chúng con ra khỏi vực thẳm của vô minh, Ngài đã đưa chúng con đến với ánh sáng của trí tuệ chánh giác mà Ngài đã giác ngộ, Ngài đã tặng cho chúng con một **chiếc thuyền Bát nhã tối thượng thần diệu** để vượt thoát khỏi biển trầm luân trong sanh tử và phiền não này. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu cảm tạ Ngài. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu tri ân Ngài. Chúng con vô lượng thành kính cung kính cúi đầu đánh lễ Ngài, đánh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

1.3 Nikāya triết phá Năm Thủ Uẩn như thế nào?

Ngũ uẩn là cái mà tâm này đang mê mãi đeo bám, đang mê mãi chạy theo, đang mê mãi nắm giữ. Chính vì tâm hôn mê, dính mắc, chấp thủ, ám ảnh, trói buộc đối với Ngũ uẩn mà tâm này đã phải bị chết chìm trong dòng sanh tử phiền não và khổ đau này. Phương Pháp Tám Đúng là con đường chân chánh, là phương pháp chân chánh để diệt tận những hôn mê, tham đắm, chấp thủ, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Phương Pháp Tám Đúng đã giúp tâm mê lần lượt phá tan những hôn mê, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.

Tiến trình Pháp Tám Đúng triết phá Năm thủ uẩn như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ Ngũ uẩn nhưng chưa thoát khỏi sự không chế, sự chi phối của Ngũ uẩn, chưa kiểm soát hết Ngũ uẩn. Đây gọi là hành giả đã thể nhập được Thánh trí tuệ, hành giả là bậc Dự lưu. Với trí tuệ này, trong bảy lần sanh tử tối đa, hành giả sẽ đi đến sự diệt trừ hoàn toàn tất cả những cấu uế, uế nhiễm, dính mắc đối với Ngũ uẩn.
- Sau đó, khi đã thành tựu sự thấy biết đúng và thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn, về tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ,

định đúng cách. Với đời sống chân chánh này, hành giả tiếp tục làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn. Cho đến khi hành giả đã chế ngự và nhiếp phục được khá nhiều dục tham và sân, làm cho dục tham và sân dù chưa hết hẳn nhưng đã nguội lạnh hoàn toàn. Với dục tham và sân đã hoàn toàn nguội lạnh như vậy, khi thân hoại mạng chung, hành giả chỉ quay lại đời này một lần nữa rồi hoàn toàn chấm dứt sanh tử. Đây gọi là hành giả đã thể nhập vào Nhất lai quả.

- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Pháp Tám Đúng, hành giả tiếp tục diệt tận những dục tham và sân cuối cùng đối với Ngũ uẩn. Với một trạng thái thân tâm hết sạch dục tham và sân đối với sắc thân này và đối với dục giới, sau khi thân hoại mạng chung, hành giả không quay lại cõi đời này nữa. Vì dục tham và sân hận là hai nguyên nhân đưa hành giả quay lại đời này, nhưng hành giả đã diệt tận hai nguyên nhân này nên hành giả không còn phải bị quay lại cõi đời phàm tục đầy tham dục và sân hận này. Đây gọi là hành giả thể nhập được Bất lai quả, nhưng còn lại chút lậu hoặc tàn dư là Năm thượng phần kiết sử.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám Đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám Đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận hoàn toàn Năm thượng phần kiết sử còn sót lại trong tâm, diệt tận tất cả

những tàn dư lậu hoặc cuối cùng trong Ngũ uẩn, là bậc A-la-hán, hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch thanh tịnh và không còn chút hoạt động ngoài luồng tàn dư nào của Ngũ uẩn. Tâm không còn một lầm chấp nào về Ngũ uẩn, Ngũ uẩn hoàn toàn không còn một hoạt động bộc phát nào nữa, Ngũ uẩn hoàn toàn được chế ngự, được nhiếp phục và được làm cho thanh tịnh. Sau khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh Niết-bàn, không còn bị trói buộc vào một Ngũ uẩn nào khác nữa.

Như vậy, khi Pháp Tám Đúng được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu sự chế ngự, sự nhiếp phục Ngũ uẩn một cách hoàn toàn, diệt tận hoàn toàn những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã đối với Ngũ uẩn, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi mọi hình thức chấp thủ, dính mắc, trói buộc đối với Ngũ uẩn. Pháp Tám Đúng đã triệt phá Năm Thủ Uẩn một cách hoàn toàn. Đó là sự thần diệu của Pháp Tám Đúng trong Nikāya.

1.4 Nikāya triệt tiêu Tham, Sân, Si, Bản ngã như thế nào?

Tham, sân, si, bản ngã là những rác bần, những cấu uế trong nội tâm. Vì tham, vì sân, vì si, vì bản ngã mà chúng sanh làm các ác nghiệp về thân, về lời, về ý rồi sau đó phải gánh chịu những nhân quả, những hậu quả, những nghiệp chương đầy đau khổ, đầy cay nghiệt, đầy nước mắt.

Tham, sân, si, bản ngã là rắn độc, là sâu bọ, là yêu tinh quỷ quyệt trong nội tâm. Chúng sanh đã bị những con rắn độc này sát hại, tàn hại, giết hại không biết bao nhiêu lần trong dòng sanh tử trầm luân này. Pháp Tám Đúng đã giúp chúng sanh nhìn thấy rõ chân tướng của tham, sân, si, bản ngã. Pháp Tám Đúng đã vạch mặt, vạch trần bản chất thâm độc, tàn hại của những con rắn độc này.

Tiến trình Pháp Tám Đúng triệt tiêu Tham, sân, si, bản ngã như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ tham, sân, si, bản ngã và những rác bần, những pháp ác bất thiện đang trà trộn, lẫn trốn trong Ngũ uẩn. Đây là giai đoạn hành giả chỉ mới vừa nhìn thấy những pháp bất thiện, những cấu uế trong nội tâm nhưng vẫn chưa thoát khỏi sự khống chế của chúng, chưa thoát khỏi sự chi phối của Ngũ uẩn, của tham, sân, si, bản ngã, chưa nhiếp phục được những pháp ác bất thiện trong tự thân. Ở giai đoạn này, hành giả được gọi là bậc Dự lưu, chỉ sanh tử tối đa bảy lần. Trong bảy lần này, hành giả sẽ đào thải sạch khỏi nội tâm những tham, sân, si, bản ngã còn tàn dư trong nội tâm.

- Sau khi thành tựu sự thấy biết đúng, thấy biết rõ về tự thân và những tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Với đời sống chân chánh này, hành giả làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, giảm thiểu tham, sân, si, bản ngã, giảm thiểu những pháp ác bất thiện trong tự thân, hành giả là bậc Nhất lai, đã chế ngự và nhiếp phục được tham, sân, si, bản ngã khá nhiều.
- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Pháp Tám Đúng, hành giả diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, là bậc Bất lai, chế ngự và nhiếp phục hoàn toàn dục tham và sân, nhưng còn lại chút lậu hoặc tàn dư là Năm thượng phần kiết sử.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám Đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám Đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận những tàn dư lậu hoặc cuối cùng trong Ngũ uẩn, là bậc A-la-hán, hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh và không còn chút tàn dư nào của tham, sân, si, bản ngã.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu sự chế ngự, nhiếp phục và diệt tận hoàn toàn những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã đối với Ngũ uẩn, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi tất cả những

pháp bất thiện này. Pháp Tám Đúng đã triệt tiêu tham, sân, si, bản ngã một cách hoàn toàn. Đó là sự vi diệu của Pháp Tám Đúng trong Nikāya.

1.5 Nikāya diệt tận Lậu Hoặc như thế nào?

Lậu hoặc là những rò rỉ, những rỉ chảy, những hoạt động lén lút qua mặt trong nội tâm. Có ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

- Dục lén lút hoạt động trong nội tâm, âm thầm hoạt động trong nội tâm, ngấm ngầm hoạt động trong nội tâm nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là dục lậu.
- Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lén lút sanh diệt, hiện hữu liên tục trong nội tâm; lén lút đưa vào trong tâm những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; rồi lại lén lút tuồn ra ngoài những cấu uế này nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là hữu lậu.
- Vô minh âm thầm hoạt động trong nội tâm, trạng thái si ám ngấm ngầm hoạt động trong nội tâm nhưng tâm không thấy, không biết, đó gọi là vô minh lậu.

Ba lậu hoặc này, ba sự lén lút hoạt động này trong tâm làm cho tâm bị hôn trầm, vọng tưởng, phóng dật, buông lung, mê mờ, làm cho tâm bị đau khổ, bị chìm nổi triền miên trong sanh tử, làm cho tâm không dừng lại được những đời sống vô thường, tạm bợ, mong manh, bất an, sợ hãi. Pháp

Tám Đứng đã giúp tâm nhìn thấy rõ những lậu hoặc trong nội tâm, và giúp tâm đi đến sự diệt tận, sự tiêu diệt, sự đào thải hết tất cả những lậu hoặc, những cấu uế này khỏi nội tâm. Pháp Tám Đứng đã thanh lọc tâm hết sạch những cấu uế, lậu hoặc, làm cho tâm trong sạch, thanh tịnh, vượt khỏi sâu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn.

Tiến trình Pháp Tám Đứng diệt tận các Lậu hoặc như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về Ngũ uẩn trong tự thân, thành tựu bốn trí về những cấu uế lậu hoặc trong nội tâm, nhưng chỉ mới thấy biết thôi chứ chưa đào thải những lậu hoặc này khỏi nội tâm. Ở giai đoạn này, hành giả được gọi là bậc Dự lưu, chỉ sanh tử tối đa bảy lần. Trong bảy lần này, hành giả sẽ đào thải sạch khỏi nội tâm những lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm.
- Sau khi thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách, làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, làm giảm thiểu các lậu hoặc, hành giả là bậc Nhất lai. Hành giả đã đào thải khá nhiều những lậu hoặc trong nội tâm.

- Tiếp tục an trú thân tâm trong sự tu tập Tám cái đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, hành giả là bậc Bất lai. Hành giả đã đào thải thêm một số lậu hoặc thô còn lại trong nội tâm, chỉ còn lại các lậu hoặc vi tế.
- Và khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám đúng, thân khẩu ý an trú thuần trong Tám đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận những tàn dư lậu hoặc cuối cùng về Ngũ uẩn, hành giả là bậc A-la-hán. Hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch thanh tịnh và không còn chút lậu hoặc nhiễm ô nào trong tâm. Sau khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh Niết-bàn, không còn tàn dư lậu hoặc nào đưa đến sự sanh tử tiếp theo trong tương lai.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu trí về lậu hoặc, thành tựu sự chế ngự, nhiếp phục và diệt tận hoàn toàn tất cả những lậu hoặc, những cấu uế trong nội tâm, tâm được hoàn toàn giải thoát khỏi dục lậu, giải thoát khỏi hữu lậu, giải thoát khỏi vô minh lậu. Tâm được trong sạch, thanh tịnh, không lậu hoặc, không uế nhiễm. Tóm lại, Pháp Tám Đúng là một pháp tu chân chánh, thần diệu, thiết thực ở hiện tại, không cần có thời gian, có hiệu quả tức thời, có khả năng diệt tận tất cả các lậu hoặc, các uế nhiễm trong tâm một cách hoàn toàn.

1.6 Nikāya cắt đứt Luân hồi sanh tử như thế nào?

Luân hồi sanh tử mang lại đau khổ triền miên cho các chúng sanh. Chúng sanh đã trải qua không biết bao nhiêu là những thân phận súc vật, súc sanh, ngựa quý, địa ngục... Chúng sanh đã trải qua không biết bao nhiêu cảnh sanh ly tử biệt. Nước mắt của chúng sanh trong dòng luân hồi sanh tử này là nhiều hơn nước ở bốn biển.

Vì chán ngán trước cảnh sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh, vì buồn chán trước cảnh sẽ phải bị già, bị bệnh, bị chết của tự thân nên Thái tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ ngai vàng, địa vị, lòng dục, lòng ái đối với người thân để đi tìm sự thật về sanh tử và phương pháp thoát khỏi sanh tử. Và Pháp Tám Đúng là con đường tu tập, là phương pháp tu tập, là cách thức tu tập để thoát ra khỏi biển trầm luân sanh tử mà Thái tử Tất Đạt Đa đã tìm ra được, đã phát giác phát hiện ra được. Ngài đã giác ngộ ra Phương Pháp Tám Đúng là con đường đưa đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, chấm dứt sự bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết. Ngài đã cắt được sợi dây sanh tử, Ngài đã thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi mọi phiền não, khổ đau do sanh tử đem lại. Và Ngài đã truyền trao lại cho cuộc sống này, cho thế giới này Phương Pháp Tám Đúng, một pháp tu hoàn hảo và thiện xảo để đi đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tiến trình chấm dứt luân hồi sanh tử như sau:

- Thông qua Văn Tư Tu Trí về Ngũ uẩn, hành giả thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn trong tự thân, hành giả thấy biết rõ tâm chấp thủ Ngũ uẩn và những dục ái đối với Ngũ uẩn đưa đến luân hồi, sanh tử, phiền não, khổ đau. Sự thấy biết này giúp hành giả phá tan những hôn mê, si ám về luân hồi sanh tử, hành giả giải mã được vấn đề sanh tử. Vấn đề sanh tử không còn là một màn đêm đen tối trước đôi mắt trí tuệ của hành giả. Hành giả biết rõ cái gì là sanh tử, cái gì đang sanh tử, vì sao sanh tử có mặt, khi nào sanh tử chấm dứt, pháp tu đưa đến chấm dứt sanh tử. Hành giả biết rõ chân tướng của sanh tử, bản chất của sanh tử, cách thức hoạt động của sanh tử. Đây gọi là hành giả thành tựu trí tuệ về sanh tử. Khi đó hành giả được gọi là vị Dự lưu, vị đã tham dự vào dòng trí tuệ đưa đến chấm dứt sanh tử, và hành giả chỉ còn sanh tử tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người.
- Sau khi thành tựu trí tuệ về sanh tử, hành giả điều chỉnh thân khẩu ý theo đạo lộ Tám sự chân Chánh để nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si đối với sanh tử, làm giảm thiểu dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, hành giả là bậc Nhất lai, chỉ quay lại đời này một lần nữa rồi chấm dứt luân hồi sanh tử.
- Tiếp tục an trú thân tâm trong đạo lộ Tám đúng, hành giả đi đến sự diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn,

hành giả là bậc Bất lai, được vãng sanh ở đời này, chấm dứt sanh ở cõi dục giới, không quay lại dục giới nữa, hóa sanh tại Tịnh Cư Thiên, sau khi hết thọ mạng ở đó thì nhập Niết-bàn.

- Khi hành giả thành tựu trọn vẹn đời sống Tám đúng, thân khẩu ý thuần an trú trong Tám đúng, diệt tận dục tham và sân đối với Ngũ uẩn, diệt tận năm sự trói buộc tâm cuối cùng, những tàn dư của các lậu hoặc được dứt sạch, hành giả là bậc A-la-hán. Hành giả được tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, không còn một làm cháp nào về Ngũ uẩn, bản ngã đối với Ngũ uẩn được hoàn toàn diệt tận, tâm hoàn toàn lắng dịu không chạy theo Ngũ uẩn. Khi thân hoại mạng chung, tâm đạt tịch tịnh lắng yên, không còn bị trói buộc vào một Ngũ uẩn nào nữa, không chạy theo một Ngũ uẩn nào nữa, luân hồi sanh tử được chấm dứt hoàn toàn.

Như vậy, Pháp Tám Đúng khi được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp sẽ đưa đến thành tựu Trí về luân hồi sanh tử. Với trí tuệ này, hành giả biết rõ luân hồi sanh tử là gì, biết rõ nguyên nhân đưa đến luân hồi sanh tử sanh khởi và diệt tận, biết rõ phương pháp tu tập chân chánh đưa đến chấm dứt luân hồi sanh tử. Khi luân hồi sanh tử được thấy biết trọn vẹn và hành giả lại khéo an trú trong đạo lộ Tám Chánh để tiêu diệt những mầm móng đưa đến luân hồi sanh tử thì chắc chắn luân hồi sanh tử sẽ bị cắt đứt, bị chấm dứt

một cách hoàn toàn. Đó là sự vi diệu, sự thần diệu của Pháp Tám Đúng. Pháp Tám Đúng đã chinh phục sanh tử, đã làm cho sanh tử được dừng lại, đã chặn đứng dòng sanh tử, đã cắt đứt dòng sanh tử.

Nếu không có Pháp tu Tám Đúng thì luân hồi sanh tử sẽ không bao giờ được dừng lại, không bao giờ được chấm dứt, chúng sanh sẽ mãi trầm luân trong sanh tử, mãi triền miên trong biển khổ mà không có ngày cùng, không có lối thoát.

1.7 Pháp Tám Đúng trong Nikāya là vị cứu tinh của thế giới

Tóm lại, Pháp tu Tám Đúng đã cứu thế giới này thoát khỏi màn đêm đen tối của vô minh, thoát khỏi màn đêm đen tối của khổ, phiền não và nước mắt.

Pháp tu Tám Đúng đã cứu chúng sanh ra khỏi biển sanh tử, đã làm cho những dòng nước mắt của chúng sanh được dừng lại, những nỗi thống khổ trong phiền não và nước mắt của chúng sanh được chấm dứt.

Pháp Tám Đúng là chiếc thuyền Bát nhã cứu cuộc đời này, cứu thế giới này thoát khỏi những trận cuồng phong của lòng dục, những trận cuồng phong của lòng ái, những trận cuồng phong của lòng sân, những trận cuồng phong của buồn, vui, thương, ghét, được, mất, hơn, thua.

Pháp Tám Đúng là cứu tinh của thế giới, cứu tinh của loài người, cứu tinh của những ai đang mong cầu, đang ngóng trông một đạo lộ tu tập chân chánh, một pháp tu chân chánh, một pháp hành chân chánh đưa đến sự chấm dứt tất cả những phiền phức, rắc rối, rối ren của cuộc đời, chấm dứt tất cả những đời sống trong mệt mỏi, bất an, vô thường, tạm bợ, rỗng không, vô nghĩa.

Tóm lại, Pháp Tám Đúng trong Nikāya đã chinh phục thế giới của vô minh; chinh phục thế giới của các kiết sử; chinh phục thế giới của năm thủ uẩn; chinh phục thế giới của tham, sân, si, bản ngã; chinh phục thế giới của các lậu hoặc; chinh phục thế giới của luân hồi sanh tử; chinh phục thế giới của phiền não, khổ đau và nước mắt.

Pháp Tám Đúng đã chinh phục thế giới, đã chiến thắng thế giới, đã thoát khỏi sự phong tỏa, sự kìm kẹp, sự khống chế, sự áp bức của thế giới vô minh, thế giới tham dục, thế giới tham ái, thế giới tham sân si, bản ngã và lậu hoặc.

Pháp Tám Đúng chính là tinh hoa của ánh sáng trí tuệ, tinh hoa của Nikāya, tinh hoa của những lời dạy chân chánh của Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác. Và khi nói Pháp Tám Đúng đã thật sự chinh phục thế giới, tức là “**Nikāya chinh phục thế giới**”.

1.8 Tội Thượng Thừa trong đạo Phật

1.8.1 Kinh Bà-la-môn (*Tương V, 13*)

1) Nhân duyên ở Sāvathī.

2) Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvathī để khát thực.

3) Rồi Tôn giả Ānanda thấy Bà-la-môn Jānusi đi xe ra khỏi Sāvathī, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ phận tùy thuộc (*parivāro*). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quần chúng thấy vậy, liền nói: “Thật là cỗ xe thù thắng. Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!”

4) Rồi Tôn giả Ānanda đi khát thực ở Sāvathī xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào Sāvathī để khát thực. Bạch Thế Tôn, con thấy Bà-la-môn Jānusi đi xe ra khỏi Sāvathī, cỗ xe toàn ngựa trắng kéo. Trắng là những con ngựa kéo xe. Trắng là những đồ trang sức. Trắng là cỗ xe. Trắng là những bộ

phận tùy thuộc (*parivāro*). Trắng là những sợi dây cương. Trắng là cây gậy thúc ngựa. Trắng là cái lọng. Trắng là cái khăn đội. Trắng là những quần áo. Trắng là giày mang. Và được quạt với cái quạt trắng. Quân chúng thấy vậy, liền nói: “Thật là cỗ xe thù thắng. Thật là cỗ xe thù thắng về dung sắc!” Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể nói lên **cỗ xe thù thắng trong Pháp và Luật này**?”

Thế Tôn nói:

-- Có thể được, này Ānanda. **Thánh đạo Tám ngành** này, này Ānanda, là đồng nghĩa với cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp này. **Vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận.**

5) **Chánh tri kiến**, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh tư duy, này Ānanda, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si. Chánh ngữ... Chánh nghiệp... Chánh mạng... Chánh tinh tấn... Chánh niệm... Chánh định, này Ānanda, được tu tập, được làm cho viên mãn, cuối cùng đưa đến nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si.

Này Ānanda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu như thế này: “**Cỗ xe thù thắng, cỗ xe pháp, vô thượng là sự chinh phục trong chiến trận, là đồng nghĩa với Thánh đạo Tám ngành này**”.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bạc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai được **tín**, trí **tuệ**,
 Thường xuyên liên kết lại,
 Lấy **hổ thẹn** làm cán,
 Lấy ý làm ách xe.
Niệm là người đánh xe,
 Biết **hộ trì**, phòng hộ,
 Cỗ xe lấy **giới luật**
 Làm vật dụng cho xe.
Thiền là trục bánh xe,
Tinh tấn là bánh xe,
Xả là định thường hằng,
Vô dục là nệm xe.
Vô sân và **vô hại**,
Viễn ly là binh khí,
Nhẫn nhục là áo giáp,
 An ổn khỏi khổ ách,
 Làm mục đích đạt đến,
 Cỗ xe được chuyển vận.*

*Pháp này tự ngã làm,
 Trở thành thuộc tự ngã.
Là cỗ xe thù thắng,
Vô thượng, không sánh bằng.*

*Ngồi trên cỗ xe ấy,
Bậc Trí thoát ly đời,
Chắc chắn, không sai chạy,
Họ đạt được chiến thắng.*

1.8.2 Tám Đúng - Cỗ xe vô thượng chinh phục thế giới

Thông qua lời kinh trên, chúng ta thấy rằng Đức Phật đã xác định rõ với Ngài Ānanda: Đường lối tu hành với *Tám sự chân Chánh* mà Đức Phật, các bậc Thánh, các bậc Chánh Đẳng Giác đã phát giác phát hiện ra, đó là cỗ xe thù thắng, cỗ xe tối thượng trong sự chinh phục ma quân, nhiếp phục tham sân si, chinh phục thế giới.

Như vậy, Pháp Tám Đúng là tối thượng thừa, là cỗ xe tối thượng, là cỗ xe vô thượng đưa các bậc Trí thoát ly đời này, thoát khỏi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, thoát khỏi những cấu uế, những nhiễm ô, những rác bần, sâu bọ trong nội tâm. Đó là điều chắc chắn, là điều không sai chạy đối với những bậc trí đi vào con đường này, ngồi trên cỗ xe này. Họ chắc chắn sẽ chiến thắng thân chết; chiến thắng vô minh; chiến thắng dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; chiến thắng phiền não, khổ đau; chiến thắng sanh, già, bệnh, chết. Họ chắc chắn sẽ đạt được những cuộc chiến thắng vĩ đại nhất trong thế giới này. Đó là ý nghĩa của câu kệ: “Ngồi

trên cỗ xe ấy; Bậc Trí thoát đời này; Chắc chắn, không sai chạy; Họ đạt được chiến thắng”.

Như vậy, ngày nay, người con Phật chân chánh khi tu tập, khi thực hành theo Pháp Tám Đúng thì có thể hoàn toàn vững tin, hoàn toàn tự tin và hoàn toàn an tâm rằng, mình đang đi theo, đang bước vào con đường chân chánh, đúng pháp của người tu, mình đang bước lên và đang ngồi trên một cỗ xe tối thượng hiện đại, có đầy đủ những phương tiện tối tân, thần diệu, thiện xảo để phá trừ hết tất cả những sự thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, lời nói sai lầm, hành động sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách.

Theo danh từ Hán Việt thì *cỗ xe* có nghĩa là *thừa*. Vì vậy, danh từ *cỗ xe tối thượng* nếu hiểu theo Hán Việt thì có nghĩa là *tối thượng thừa*. Với cỗ xe tối thượng này, với pháp tu thần diệu thiện xảo này, bậc trí chắc chắn sẽ đạt được cứu cánh tối thượng của sự tu hành, sẽ đạt tới đích đến của sự tu, sẽ đạt được sự thoát ly sanh tử, sự hoàn toàn thoát khỏi phiền não và khổ đau. Tám Chánh thật sự là Cỗ xe Vô thượng trong việc chinh phục thế giới tham sân si, chinh phục thế giới vô minh, thế giới lậu hoặc, dục, ái, bản ngã. Người thừa tự cỗ xe Tám Chánh tối thượng này được gọi là *bậc tối thượng thừa*, bậc thừa tự pháp tối thượng mà Đức Phật đã tu tập, đã chỉ dạy, đã truyền trao.

*Tám Chánh cỗ xe thần diệu nhất,
Trăm lần ra trận thắng cả trăm
Phá tan Tám chỗ Vô minh trú
Phá tan Tám Tà của thế gian.*

*Tám Chánh cỗ xe thù thắng nhất,
Trăm lần ra trận thắng cả trăm
Dục, ái, tham, sân và bản ngã
Tám Chánh phá tan hang ổ này.*

*Tám Chánh - nơi mờ chôn bản ngã
Tám Chánh - nơi triệt phá vô minh
Tám Chánh - nơi diệt trừ dục, ái
Tám Chánh - nơi diệt tận tham sân.*

*Tám Chánh - chỗ vượt phàm chứng Thánh
Tám Chánh - chỗ vượt thoát khổ đau
Tám Chánh - chỗ thể nhập Niết-bàn
Tám Chánh - chỗ xa lìa phiền não.*

*Tám Chánh - một lối tu hoàn hảo
Tám Chánh - một lối tu vẹn toàn
Tám Chánh - một lối tu thần diệu
Tám Chánh - một lối tu an toàn.*

Tám Chánh - Đạo lộ bậc Chánh Giác

Tám Chánh - Đạo lộ của Thánh nhân

Tám Chánh - Đạo lộ chân, thiện, mỹ

Tám Chánh - Đạo lộ bậc trí nhân.

Tám Chánh - Pháp tu tối thiện hảo

Tám Chánh - Thánh pháp chuyển tâm người

Tám Chánh - Phát minh thần diệu nhất

Tám Chánh - Châu báu của cuộc đời.

Tám Chánh - Thần dược cho bất tử

Tám Chánh - Phương pháp thanh lọc tâm

Tám Chánh - Thuyền bát-nhã tối thượng

Tám Chánh - Đường thoát khỏi trầm luân.

Tám Chánh - Tinh hoa trí tuệ Phật

Tám Chánh - Thiện xảo trí Thánh nhân

Tám Chánh - Tinh anh sự giác ngộ

Tám Chánh - Tinh túy của Chánh pháp.

Tám Chánh - Dấu chân các Đức Phật

Tám Chánh - Dấu vết Đức Như Lai

Tám Chánh - Gia tài Phật để lại

Tám Chánh - Trí tuệ Phật truyền trao.

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật đạo
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật thừa
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật quả
Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật trí.

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng thừa
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng nhân
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng đạo
Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng quả.

Kế thừa Tám Chánh - Đạt Niết-bàn.
Kế thừa Tám Chánh - Phiền não tan
Kế thừa Tám Chánh - Sanh tử dứt
Kế thừa Tám Chánh - Hết khổ đau.

Kế thừa Tám Chánh là Trí tuệ
Kế thừa Tám Chánh là Khôn ngoan
Kế thừa Tám Chánh là Thiện xảo
Kế thừa Tám Chánh là Tinh anh.

Tám Chánh - Tối thượng Khải hoàn ca
Tám Chánh - Tối thượng Tiến quân ca
Tám Chánh - Tối thượng Giải thoát trí
Tám Chánh - Tối thượng Thanh tịnh tâm.

Tám Chánh - Vô thượng Chánh Đẳng Giác

Tám Chánh - Trí giác ngộ tối cao.

Tám Chánh là Vô thượng Phật đạo

Tám Chánh là Tối thượng Phật thừa.

Tóm lại, khi chưa bước lên cỗ xe tối thượng này hành giả còn có thể nghi ngờ về sức mạnh, khả năng, tốc lực, phương tiện, trang thiết bị trên cỗ xe. Hành giả còn nghi ngờ về độ lớn, độ rộng, độ mạnh, độ vững, độ yên, độ chống dằn, chống sóc, chống va chạm, khả năng vượt chướng ngại trên đường đi, khả năng đi trong đêm, khả năng đi trên đất, khả năng đi trên nước của cỗ xe tối thượng thừa. Nhưng một khi hành giả đã bước lên được cỗ xe tối thượng này thì tất cả những nghi ngờ, những lo ngại, những bất an của hành giả trước khi bước lên cỗ xe tối thượng này sẽ hoàn toàn tan biến. Vì sao? Vì khi bước lên cỗ xe này, khi ngồi trên cỗ xe này, hành giả sẽ thấy bàng hoàng sửng sốt trước sự tuyệt vời, sự kỳ diệu, sự thiện xảo, sự tinh vi, tinh anh, tinh tế của từng vật dụng, từng phương tiện, từng thiết bị trong cỗ xe. Hành giả sẽ thấy choáng và đầy thích thú trước những sắp xếp, sắp đặt khéo léo, thông minh, tài tình, chu đáo, hoàn hảo trong cỗ xe. Cỗ xe này không lệ thuộc thời gian, không lệ thuộc không gian, không giới hạn lượng người. Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, bất kỳ với những ai có tâm chân chánh, thiện lành hoan hỷ bước lên cỗ xe

này, thì dù là trăm người, ngàn người, trăm ngàn người, vô lượng người, thì cỗ xe này vẫn có thể chở được tất cả.

Khi đã thực sự bước lên cỗ xe này thì hành giả sẽ thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng rằng: Cỗ xe này thật sự là một cỗ xe tối thượng thân diệu, tối thượng vi diệu, tối thượng thiện xảo, tối thượng tinh anh và tối thượng chất lượng, cỗ xe này hoàn toàn có khả năng đưa hành giả và vô lượng những bậc trí, những bậc thiện tri thức đi đến bến bờ của an lạc, bình an, và giải thoát sanh tử. Khi đó, hành giả sẽ tự mình thấy biết rằng: Cỗ xe Tám pháp chân chánh này thật sự là *tối thượng thừa* đưa đến tối thượng chiến thắng. Và cỗ xe này hoàn toàn xứng đáng khi được Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác tuyên bố đó là *cỗ xe tối thượng*, là *tối thượng thừa*.

2 NIKĀYA TINH HOA PHẬT TRÍ

2.1 Pháp Tám Đúng và Bốn Thánh Quả

2.1.1 Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?

Khi hành giả thực hành theo Phương Pháp Tám Đúng, bước qua được cánh cửa đầu tiên của chánh tri kiến, thấy biết đúng về thân tâm này là hành giả đã bước vào Thánh quả Dự lưu, là bậc Dự lưu, chỉ còn sanh tử tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người rồi chấm dứt sanh tử. Vì sao vào cửa chánh kiến thì chứng Thánh quả thứ nhất?

Vị thành tựu chánh kiến, thấy biết rõ được Ngũ uẩn đang vận hành thế nào trong thân tâm này và thấy biết rõ những rác bần đang có mặt trong thân tâm, nên diệt được ba sự trói buộc tâm ở hạng thô là chấp Ngũ uẩn này là mình, hoài nghi mình là ai ở đời trước và vô trí trong các giới cấm. Đây gọi là diệt được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Vị diệt được ba hạ phần kiết sử được gọi là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Bậc Dự lưu là bậc đã tham dự vào dòng Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, vị đã nhìn thấy rõ được thân tâm Ngũ uẩn này, không còn lầm chấp Ngũ uẩn là mình **nhưng** chưa nhiếp phục được dục, ái, tham, sân, si đối với Ngũ

uẩn. Nhưng vì đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn và những pháp ác bất thiện tiềm ẩn trong Ngũ uẩn nên vị này quyết chắc sẽ đi đến sự tu tập diệt tận mọi chấp thủ đối với Ngũ uẩn và diệt tận những rác bần còn tồn đọng, còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn, tâm sẽ đi đến sự thanh lọc sạch khỏi tất cả những cấu nhiễm trong nội tâm. Ví như một người mù đã được chữa sáng mắt, đã nhìn thấy được những rác bần đang có trong căn nhà của mình, nhưng chỉ mới vừa nhìn thấy thôi chứ chưa dọn dẹp sạch hết tất cả những rác bần này, nhưng vì mắt đã được chữa lành sáng tỏ và đã nhìn thấy rõ những rác bần trong nhà nên vị này quyết chắc sẽ đi đến dọn dẹp sạch những rác bần này. Đó là ý nghĩa của câu kinh mà Đức Phật đã nói về bậc Dự lưu là vị không còn bị thối đọa và quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Như vậy, vào được cánh cửa của chánh tri kiến là hành giả đã thể nhập được Dự lưu Thánh quả. Vị thành tựu Dự lưu Thánh quả là vị đã tham dự, đã dự phân, đã thể nhập vào dòng trí tuệ mà bậc Thánh đã thấy biết và đã hướng dẫn. Vì đã nhìn thấy rác trong nội tâm, đã nhìn thấy được sanh tử và nguyên nhân của sanh tử nên vị này không còn phải triển miên trong sanh tử mà vị này chỉ còn sanh tử tối đa là bảy lần, qua lại giữa chư Thiên và loài người, không sanh tử vào các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Với tối đa bảy lần sanh tử này, vị này sẽ tẩy sạch những rác bần, những uế nhiễm về dục, ái, tham, sân, si, bần ngã, vô minh

trong nội tâm. Sau khi tẩy sạch những cấu uế về dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm trong tâm, tâm vị này được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, thuần tịnh, không còn mọi chấp thủ vô minh đối với Ngũ uẩn. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này thể nhập vào tâm tịch tịnh, Niết-bàn, giải thoát hoàn toàn khỏi dòng sanh tử triền miên trong phiền não, mệt mỏi và đầy dẫy bất an.

2.1.2 Vì sao bậc Dự lưu chỉ sanh tử tối đa bảy lần, giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào cảnh giới thấp?

Vị Dự lưu là vị đã thành tựu chánh kiến, đã thấy biết rõ Ngũ uẩn trong tự thân và chưa dọn dẹp sạch những rác bẩn còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn. Vì rác vẫn còn trong tâm, tham sân si vẫn còn hoạt động trong tâm nên vị này có thể vẫn còn những sai quấy, **nhưng** vì đã nhìn thấy rõ Ngũ uẩn trong tự thân **nên** vị này dù có thể có những sai lầm nhỏ nhặt về thân khẩu ý, nhưng chắc chắn vị thành tựu chánh kiến không thể làm những hành động sai quấy trầm trọng mà có thể đưa vị này đi đến tái sanh ở những cõi thấp là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là lý do vì sao Đức Phật nói vị Dự lưu chỉ sanh tử qua lại giữa chư Thiên và loài người, không sanh vào những cảnh giới thấp là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây là thành quả thứ nhất của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Sau đó, với sự dẫn dắt của chánh tri kiến, hành giả sẽ dần thành tựu sáu Chánh pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo là chánh tư duy (suy nghĩ đúng), chánh ngữ (nói lời đúng), chánh nghiệp (hành động đúng), chánh mạng (nuôi mạng đúng), chánh tinh tấn (siêng đúng việc), chánh niệm (quán đúng chỗ). Đi đôi với sự thành tựu các pháp chánh này là sự nhiếp phục, sự chế ngự, sự làm giảm thiểu dục tham và sân trong nội tâm hành giả. Tùy theo mức độ giảm thiểu dục tham và sân sau khi thành tựu chánh kiến, hành giả sẽ thể nhập các Thánh quả giữa Dự lưu và Nhất lai, đó là *Gia Gia*, *Nhất Chung*, *Nhất lai*.

Gia Gia là vị chỉ còn sanh tử hai, ba lần trong các gia đình. Nhất Chung là vị chỉ sanh lại làm người một lần nữa. Nhất lai là vị đã làm nguội lạnh dục tham và sân, nên vị này chỉ quay lại đời này một lần nữa (hoặc chư Thiên hoặc loài người), rồi chấm dứt trầm luân sanh tử. Đây là thành quả thứ hai của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Sau khi thành tựu chánh kiến và thành tựu sáu Chánh pháp tiếp theo trong Bát Chánh Đạo, hành giả thành tựu được chánh niệm, an trú tâm trên Tứ Niệm Xứ, liên tục quán sát thân, thọ, tâm, pháp, thấy biết rõ dục tham và sân, diệt tận dục tham và sân, diệt tận được hai kiết sử còn lại trong năm hạ phần kiết sử, thể nhập vào Bất lai quả. Vị thành tựu quả Bất lai không quay trở lại đời này, mà hóa sanh tại cõi Tịnh Cư Thiên. Tại đây, vị ấy tiếp tục tu tập

tẩy sạch năm thượng phần kiết sử còn lại, sau khi hưởng hết thọ mạng ở đây, vị ấy nhập Niết-bàn. Đây là thành quả thứ ba của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

Lại nữa, sau khi thành tựu chánh kiến, thành tựu sáu Chánh pháp tiếp theo, hành giả thể nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Nếu ở các tầng thiên này hành giả khéo nhận diện Ngũ uẩn, tẩy sạch những lậu hoặc còn tàn dư còn tiềm ẩn trong Ngũ uẩn, diệt tận năm thượng phần kiết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh, hành giả thể nhập quả lậu tận, là bậc A-la-hán, ngay trong hiện tại tâm được hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh, không còn chút tàn dư kiết sử nào, khi thân hoại mạng chung thì thể nhập vào tịch tịnh giải thoát, không còn phải tiếp tục chìm nổi trong biển sanh tử đầy bất an và phiền não này. Bậc A-la-hán hay còn gọi là bậc lậu tận, vị này được Đức Phật nói là vị tối thượng, là bậc tối thượng ở trên đời. Đây là thành quả thứ tư của người thực hành Phương Pháp Tám Đúng.

2.2 Sự thâm sâu thần diệu của Pháp Tám Đúng

2.2.1 Thánh đạo

Phương pháp Tám đúng là **Thánh đạo**, là Phật đạo, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành, là cách thức tu hành của Đức Phật, của bậc Thánh, của bậc vĩ nhân, của bậc Chánh

Đẳng Chánh Giác. Nhờ sự phát giác phát hiện đường lối tu tập này và thực hành theo đường lối này mà các Ngài đã viên mãn được, thành công được, thành tựu được sự hoàn toàn diệt tận hết tất cả những rác bần, những lậu hoặc, những cấu uế trong nội tâm, làm cho thân tâm được thanh tịnh, được thanh cao, được thánh thiện, được thuần thiện, được trong lành một cách hoàn toàn. Vì vậy, phương pháp Tám đúng được gọi là Thánh đạo, là Phật đạo, là Chánh Đẳng Chánh Giác đạo, là thanh cao đạo, là thánh thiện đạo, là hiền thiện đạo, là tối thượng đạo, là vĩ nhân đạo. Đó là đường lối tu hành của các bậc vĩ nhân, các bậc Thánh nhân và các Đức Như Lai.

2.2.2 Thánh pháp

Phương pháp Tám đúng là **Thánh pháp**, là Chánh pháp, là những pháp chân chánh, những điều chân chánh, chân thật, cao thượng, tốt đẹp, thiện lành, thánh thiện mà Đức Phật, bậc Thánh nhân, bậc vĩ nhân đã tìm ra. Đó là một đường lối tu chân chánh mà một người tu chân chánh cần phải tu tập, cần phải thực hành trong đời sống tu đạo của mình. Người tu nào cũng cần phải có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Và Tám sự chân chánh này là phải chân chánh như thế nào thì đó là điều mà

Đức Phật đã nói trong các kinh như Kinh Phân Tích (*Twong V, 19*), Kinh Phân Biệt Về Sự Thật (*Trung III, bài 141*), Kinh Như Lai Thuyết (*Twong V, 610*). Người con Phật cần phải tìm hiểu kỹ Tám sự chân chánh này và lấy đó làm kim chỉ nam cho sự tu học của mình.

Khi người tu học không có Tám sự chân chánh này thì hành giả đã rơi vào trong sự tu học sai lầm, sự tu học không chân chánh, sự tu học không đúng những pháp cần phải tu học. Sự tu học như vậy đưa đến uổng công vô ích, tiền mất tật mang, mang vào cho mình những tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Sự tu học sai lầm này không mang đến lợi ích cho mình, không đưa đến lợi ích cho người, không có khả năng tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Vì vậy, người con Phật cần phải lấy Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã tu tập, đã thành tựu và đã chỉ dạy lại để làm kim chỉ nam cho mình, làm định hướng cho mình trong sự tu tập thân tâm, tu tập trí tuệ, tu tập sự nhiếp phục thân tâm.

Khi nhìn khi thấy về thân tâm này và cuộc sống này, người tu cần thấy biết rõ thân tâm này và cuộc sống này là Ngũ uẩn, là thân tâm Ngũ uẩn, là cuộc sống Ngũ uẩn và ẩn tàng trong đó là một tâm hôn mê, tâm vô minh, tâm tham đắm chấp trước Ngũ uẩn. Khi người tu có cái nhìn như vậy về

thân tâm và cuộc sống thì đây gọi là hành giả có một sự thấy biết đúng, thấy biết chân thật, thấy biết chính xác, rõ ràng về thân tâm và cuộc sống. Như vậy, khi nhìn, khi thấy biết về thân tâm này và cuộc sống này thì hành giả cần phải lấy sự thấy biết đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho cái nhìn, cái thấy của mình.

Khi suy nghĩ thì hành giả cần phải lấy sự suy nghĩ đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự suy nghĩ. Khi nói thì hành giả cần phải định hướng lời nói của mình theo chánh ngữ trong Pháp Tám Đúng. Khi hành động thì hành giả cần phải lấy sự hành động đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự hành động. Trong việc nuôi mạng sống, hành giả cần tìm hiểu kỹ cách nuôi mạng đúng trong Pháp Tám Đúng để làm định hướng trong việc nuôi thân mạng này. Khi siêng năng thì hành giả cần phải lấy sự siêng năng đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự siêng năng. Khi quán niệm thì hành giả cần phải lấy sự quán niệm đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự quán niệm. Khi định tâm thì hành giả cần phải lấy sự định tâm đúng trong Pháp Tám Đúng làm định hướng cho mình trong sự định tâm. Khi đã định hướng rõ đường lối tu của mình là đi theo Thánh pháp của các Đức Phật, đi theo đường lối tu của bậc Chánh Đẳng Giác thì hành giả đã có

sự an toàn trên con đường đi đến sự vượt thoát lưới sanh tử.

2.2.3 Thánh phát minh

Phương pháp Tám đúng là **Thánh phát minh**, là phát minh vĩ đại của các bậc Thánh, của các Đức Phật. Đó là sự khám phá tốt lành nhất, sự phát giác phát hiện vĩ đại nhất của bậc Chánh Đẳng Giác trên con đường tự mình đi tìm kiếm một đạo lộ chân chánh đưa đến sự giải mã vấn đề sanh, già, bệnh, chết cho các chúng sanh. Phát minh này không mang lại những vật chất tầm thường, thấp kém, vô thường, tạm bợ cho thế gian. Phát minh này mang lại an lạc thật sự, bình an thật sự, hạnh phúc thật sự cho chúng sanh. Phát minh này mang lại trí tuệ cho chúng sanh. Phát minh này mang lại giải thoát, mang lại bất tử cho chúng sanh.

Với phát minh này các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị dục, ái, tham, sân, si, bản ngã hành hạ, được giải thoát khỏi dục, ái, tham, sân, si, bản ngã; các chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử được giải thoát khỏi trầm luân sanh tử. Phương pháp Tám đúng là phát minh tối thượng tuyệt vời, đưa đến lợi ích tối cao, lợi ích tối thượng và vô

lượng thiện lành, vô lượng an lạc, vô lượng bình an cho các chúng sanh, cho chư Thiên và loài người.

2.2.4 Thánh châu báu

Phương pháp Tám đúng là **Thánh châu báu**, là châu báu quý hiếm nhất mà bậc Thánh đã phát giác phát hiện ra. Đó là châu báu quý hiếm nhất của chúng sanh, là bảo vật quý hiếm nhất của nhân loại. Nhân loại cần thấy biết rõ giá trị vi diệu tối thượng của bảo vật này và cần hết lòng gìn giữ bảo vật này, hết lòng cung kính, cung thỉnh, cung nghinh, cung đón, bảo hộ, bảo vệ, trân quý, duy trì, truyền thừa và truyền trao bảo vật này. Vì sao?

Vì khi bảo vật này còn thì thế giới còn được sống trong sự chân chánh, thế giới còn có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Khi bảo vật này bị lãng quên, bị thất truyền, bị biến mất thì thế giới sẽ rơi vào trong sự thấy biết không chân chánh, suy nghĩ không chân chánh, lời nói không chân chánh, hành động không chân chánh, nuôi mạng không chân chánh, siêng năng không chân chánh, quán niệm không chân chánh và định tâm không chân chánh. Thế giới sẽ rơi vào trong vô minh, trong si ám, trong quờ quạng. Thấy biết trong quờ quạng, tu tập trong quờ quạng, định tâm trong quờ quạng. Quờ quạng

trong đường hầm tăm tối của vô minh, quờ quạng trong những ngã rẽ không có lối thoát khỏi vô minh, quờ quạng trong biển trầm luân sanh tử, phiền não và khổ đau.

Vì vậy, khi phương pháp Tám đúng còn thì chúng sanh còn được sống trong bình minh, còn được sống trong sự tỏa sáng trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, còn có con đường sáng tươi, sáng tỏ, minh bạch để vượt thoát lưới sanh tử. Khi phương pháp Tám đúng biến mất khỏi cuộc sống này thì chúng sanh sẽ chìm sâu trong bóng tối của vô minh, sẽ chìm sâu trong biển sanh tử và sẽ không còn có một con đường tươi sáng, minh bạch, chân chánh, đúng đắn để vượt thoát lưới sanh tử.

Do đó, thế giới này, nhân loại này cần hiểu biết rõ giá trị, lợi ích, vị trí và tầm quan trọng của phương pháp Tám đúng trong cuộc sống sanh tử trầm luân này để từ đó mới có một cái nhìn đúng đắn, một sự đánh giá đúng đắn về *giá trị tuyệt đối tối thượng quan trọng* của phương pháp Tám đúng. Khi đã có sự thấy biết và sự đánh giá đúng về giá trị và tầm quan trọng của phương pháp Tám đúng thì nhân loại này, thế giới này bừng sáng ra rằng: Phương pháp Tám đúng thật sự là trí tuệ tuyệt đối quan trọng của nhân loại, là châu báu quý hiếm nhất của chúng sanh, là tài sản vô thượng, vô giá nhất của thế giới. Đó là trí tuệ, là châu báu mà nhân loại cần phải cung kính, đánh lễ, cần phải bảo vệ, cần phải trao truyền, cần phải làm cho nó tỏa sáng, rực sáng

và chói sáng trên bầu trời này, trên thế giới này, vì lợi ích và hạnh phúc cho loài người và loài Trời.

2.2.5 Thánh dược

Phương pháp Tám đúng là **Thánh dược**, là thần dược của bậc Thánh, là Phật dược của Đức Phật trao tặng cho chúng sanh. Đó là loại thuốc kỳ diệu nhất, vi diệu nhất để trị những căn bệnh thuộc về thấy biết sai lầm, suy nghĩ sai lầm, nói lời sai lầm, hành động sai lầm, nuôi mạng sai lầm, siêng năng sai việc, quán niệm sai chỗ và định tâm sai cách.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc bổ thần diệu cho những chúng sanh bị ốm yếu về trí tuệ, bị suy dinh dưỡng về trí tuệ, bị si ám về trí tuệ, bị lệch lạc, xiêu vẹo, méo mó về trí tuệ. Những chúng sanh bị suy kém, lệch lạc về trí tuệ, khi uống loại Phật dược này thì trí tuệ sẽ phát triển mạnh mẽ, trí tuệ sẽ trở nên trong sáng, vững vàng, mạnh mẽ, sâu sắc. Vị này sẽ phá tan màn vô minh tăm tối trong nội tâm và phá tan màn vô minh tăm tối trong cuộc đời. Trí tuệ của vị này sẽ trở nên rực sáng, tỏa sáng và chói sáng, phá tan những nơi đen tối âm u trong tự thân và trong cuộc sống.

Phương pháp Tám đúng cũng là Bất tử dược. Đó là loại thuốc có một không hai trên cuộc đời này chuyên trị về bệnh sanh tử của chúng sanh mà Đức Phật, bậc A-la-hán

Chánh Đẳng Giác đã trao tặng cho cuộc đời này. Uống loại thuốc này vào thì những chúng sanh bị sanh, bị già nua, bị bệnh tật, bị chết chóc sẽ được thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Những chúng sanh này sẽ đi đến bất tử, sẽ thể nhập vào bất tử.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc xô tuyệt diệu nhất trên cuộc đời này. Khi uống loại thuốc xô này vào thì những tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định được xô ra, được đào thải ra khỏi thân tâm này một cách hoàn toàn. Với loại thuốc xô thần diệu này thì không một tà pháp nào còn có thể tiếp tục lưu trú và lộng hành trong nội tâm. Tất cả những tà pháp, tà kiến, tà đạo được xô ra, được hoàn toàn đào thải ra khỏi nội tâm.

Phương pháp Tám đúng cũng là loại thuốc kháng sinh hy hữu nhất, kỳ diệu nhất, tác dụng tốt nhất trong cuộc đời này. Khi uống loại thuốc này vào thì không một tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định nào có thể xâm nhập vào thân tâm này. Với loại thuốc kháng sinh thần diệu này thì không một tà pháp nào có thể thâm nhập vào nội tâm. Tất cả những loại tà kiến, tà pháp, tà nhân, tà đạo đều không thể đến gần thân tâm này và không thể xâm nhập được vào thân tâm này.

Phương pháp Tám đúng là loại thuốc tiêu hóa hay nhất trên thế giới này. Đây là loại thuốc dùng để điều trị các căn bệnh thuộc về khó tiêu, ợ hơi, ứ hơi, trào ngược, đầy bụng, táo bón. Ví như bệnh khó tiêu vì chập thủ, bệnh ợ hơi vì tham dục, bệnh ứ hơi vì tham ái, bệnh trào ngược vì cứng đầu, bệnh đầy bụng vì sân si, bệnh táo bón vì cố chấp... Tất cả những căn bệnh về tiêu hóa này được dứt sạch khi dùng thuốc Tám đúng. Với thần dược Tám đúng thì tiêu hóa sẽ được điều hòa, táo bón sẽ được dứt sạch, sẽ không còn bị khó tiêu, ợ hơi, trào ngược bao tử, táo bón. Với thần dược Tám đúng thì tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bảnnghã sẽ được tiêu hóa, được nghiền nát và được đào thải khỏi thân tâm này một cách hoàn toàn.

Phương pháp Tám đúng cũng là một loại thuốc trị ung thư hay nhất trên thế giới này. Đây là loại thuốc chuyên trị, đặc trị về tất cả những loại bệnh ung thư, ung hạch, dịch hạch, ung bướu trên cuộc đời này. Những loại ung thư, ung bướu như tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham ăn, tham ngủ, tham chơi, buồng lung, phóngdật, si mê, mê muội, cố chấp, ganh ty, ích kỷ, hẹp hòi, honthua, tranh giành, hiềm hận, sân hận... Tất cả những loại ung thư, ung bướu, hạch nhọt trên thế gian này đưa đến sanh già bệnh chết trong hiện tại và trong tương lai được thần dược Tám đúng trị dứt sạch. Thần dược Tám đúng sẽ làm cho những loại ung thư, ung nhọt này hoàn toàn không

thể sanh khởi, không thể phát triển trong hiện tại và cũng không thể sanh khởi, không thể phát triển trong tương lai. Những căn bệnh ung thư ung nhọt đưa đến sanh già bệnh chết này sẽ được chữa trị, được điều trị đến dứt sạch một cách hoàn toàn.

Ví như Hoa Đà được người đời gọi là thần y vì ông là thầy thuốc giỏi chuyên chữa bệnh cho thân hôi thối vô thường này. Nhưng việc chữa trị của ông chỉ giúp cho thân hôi thối trì hoãn thời gian thối rữa của nó, trì hoãn cái già, cái bệnh, cái chết của nó, nhưng rồi cuối cùng thân hôi thối này cũng phải bị già, cũng phải bị bệnh, cũng phải bị chết, cũng phải bị thối rữa. Như vậy, việc chữa bệnh cứu khổ của thần y Hoa Đà chỉ là tạm bợ, ngắn ngủi, không giúp chúng sanh dứt sạch hoàn toàn những đau khổ, những khốn khổ về già, bệnh, chết trong hiện tại và trong tương lai.

Nhưng Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài là Thánh y, chuyên chữa trị bệnh cho tâm hôi thối, cấu uế, lậu hoặc này. Ngài đã phát giác phát hiện ra thần dược Tám đúng. Đây là loại thuốc đặc trị về tâm, đặc biệt và độc đáo nhất, thần diệu nhất trên thế gian này. Thần dược Tám đúng này chuyên chữa trị tâm hôi thối, tâm lậu hoặc, tâm rác bần, tâm cấu uế, tâm đầy dục, ái, tham, sân, si, tâm đầy ganh ty, ích kỷ, hẹp hòi, tâm đầy bản ngã, đầy gian xảo, dối trá, lật lọng, phản trắc, phản bội, trá trở của các chúng sanh. Với Thánh dược này, Đức Phật đã giúp cho chúng

sanh trị dứt sạch những hôi thối, thối rửa trong nội tâm. Và một khi tâm hôi thối này đã được chữa trị bằng thân được Tám đúng thì những hôi thối, thối rửa trong tâm sẽ không bao giờ còn có thể sanh khởi lại trong tương lai. Đó là điều kỳ diệu thứ nhất trong Thánh đạo này.

Lại nữa, khi tâm được chữa trị hết sạch những hôi thối trong tâm thì đồng thời những thân hôi thối phải bị sanh già bệnh chết này sẽ không bao giờ còn có thể làm đau khổ, làm phiền nhiễu, làm phiền não các chúng sanh. Chúng sanh không còn phải bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết cùng với những xác thân hôi thối này. Đó là điều vi diệu, điều kỳ diệu, điều thần diệu thứ hai trong việc dùng thân đạo Tám đúng.

Như vậy, Đức Phật, Ngài đã tìm ra được nguyên nhân làm ra thân bị hôi thối, bị sanh, già, bệnh, chết này chính là tâm hôi thối. Ngài đã tìm ra gốc gác, cội nguồn, cội rễ của căn bệnh khó chữa trị, khó điều trị nhất trên cuộc đời này, căn bệnh sanh, già, bệnh, chết, hoại diệt, thối rửa của các chúng sanh, và Ngài đã giúp chúng sanh chữa trị, điều trị, trị dứt tận gốc rễ căn bệnh này. Và khi tâm bất tịnh này được chữa trị dứt sạch thì chúng sanh không còn phải chịu cảnh khổ sở, cảnh phiền não, cảnh nhức nhối vì thân bị bất tịnh, bị sanh, già, bệnh, chết này quấy nhiễu nữa.

Tóm lại, căn bệnh tâm hôi thối và thân hôi thối của chúng sanh là căn bệnh mà hàng ngàn thế kỷ, hàng vô lượng thế kỷ đã làm đau đầu, làm nhức nhối tâm can không biết bao nhiêu những y sĩ, bác sĩ, thần y trên thế gian này, nay đã được Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chữa trị dứt sạch. Vì vậy, Đức Phật được gọi là bậc Vô thượng Y Vương, là vị vua tối thượng của các thầy thuốc. Những ai với tâm chân chánh, hiền thiện, biết trân trọng, biết cung kính đón nhận và hoan hỷ uống loại Thánh dược, Phật dược mà Đức Phật chỉ bày thì tất cả những căn bệnh thuộc về sanh, già, bệnh, chết, dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, rác bần, sâu bọ, rắn rết trong nội tâm sẽ được trừ diệt, sẽ được dứt sạch, sẽ được đoạn tận một cách hoàn toàn.

2.2.6 Thánh thanh lọc

Phương pháp Tám đúng là **Thánh thanh lọc**, là tối thượng thanh lọc, là phương pháp thanh lọc thân tâm tuyệt vời nhất, tuyệt diệu nhất, kỳ diệu nhất và thần diệu nhất trên cuộc đời này. Đó là phương pháp thanh lọc thân tâm của các bậc Thánh, của các Đức Phật, của các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Nhờ tự mình thấy biết phương pháp thanh lọc này và nhờ tự mình thực hành Thánh thanh lọc này mà các Ngài đã thanh lọc sạch khỏi tâm mình những dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm, trở thành bậc Chánh Đẳng

Giác, bậc Thánh nhân, bậc có tâm hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, hết sạch các lậu hoặc, hết sạch các cấu uế. Và các Ngài đã trao truyền lại cho thế gian phương pháp thanh lọc thanh cao, thần diệu này.

Với phương pháp thanh lọc tuyệt vời này, những tâm tư cấu bần, xấu xa, độc ác, gian xảo, xảo quyệt, quỷ quyệt, giả dối, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham chức, tham quyền, tham địa vị, tham hơn thua, tham nói, tham chơi, tham dục, tham ái, sân hận, tức giận, hiềm hận... Tất cả những cấu uế, những vi trùng, những siêu vi này trong nội tâm sẽ được thanh lọc, được đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm, trả lại cho nội tâm một sự trong sạch, thanh tịnh, bình yên, giải thoát.

2.2.7 Thánh bát nhã

Phương pháp Tám đúng là **Thánh bát nhã**, là chiếc thuyền Bát nhã thần diệu mà các bậc Thánh, các Đức Phật, các bậc Chánh Đẳng Giác đã sử dụng để vượt thoát lưới sanh tử. Các Ngài đã vượt thoát khỏi dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu bằng chiếc thuyền Bát nhã thần diệu này.

“Bộc lưu” có nghĩa là thác nước, dòng thác nước. Chúng sanh bị bốn dòng thác lũ, bốn dòng thác nước cuốn trôi. Chúng sanh bị dòng thác lũ về dục, dòng thác lũ về sự hiện

hữu, dòng thác lũ về tri kiến phàm tục, dòng thác lũ về vô minh cuốn trôi, làm cho sanh tử liên tục, làm cho phiền não và khổ đau liên tục, không dừng nghỉ.

- Chúng sanh bị dục lôi cuốn, bị dục cuốn hút, bị dục xô đi, đẩy đi. Chúng sanh bị nhấn chìm trong dục. Chúng sanh bị chết chìm trong các dục về sắc, tài, danh, lợi, thực, thù; dục về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, dục về xác thịt, dục về bản ngã, dục về hơn thua... Chúng sanh bị dòng thác lũ về dục cuốn trôi. Chúng sanh bị nhấn chìm trong những cảm giác, cảm xúc của dục. Đây gọi là chúng sanh bị chìm trong dục bộc lưu.
- Chúng sanh bị trói buộc trong những hình thức hiện hữu. Do duyên vô minh, do duyên nghiệp, do duyên nhân quả, chúng sanh sanh hữu, hiện hữu liên tục trong hết hình thức này rồi đến hình thức khác. Khi hiện hữu trong bất kỳ hình thức nào như người nam, người nữ, chư Thiên, ngạ quỷ... chúng sanh cho những hiện hữu này là mình, là của mình, là cái ta của mình rồi bám víu, dính mắc, tham ái, trói buộc, ám ảnh đối với chúng. Chúng sanh bị trói chặt trong những hình thức hiện hữu này. Chúng sanh bị chết chìm, bị nhấn chìm, bị cuốn trôi trong những thân tướng vô thường, tạm bợ, duyên sanh này. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong hữu bộc lưu.

- Chúng sanh được sanh trong thế giới phàm tục, được học hỏi, được hiểu biết những tri kiến, những trí tuệ phàm tục của thế giới vô minh, si ám, không có lối thoát. Chúng sanh chấp trước vào trong những tri kiến trong vô minh này, cho đó là mình, là kiến thức của mình, là trí tuệ của mình. Chúng sanh chấp thủ, bám víu, dính mắc, trói buộc, ám ảnh đối trước những trí tuệ, những hiểu biết này. Chúng sanh chìm lún, chìm đắm, bị cuốn trôi đi trong những tri kiến, trí tuệ trong vô minh này. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong kiến bộn lưu.
- Chúng sanh tâm bị si ám, bị vẩn đục, không trong sáng, không có trí tuệ của bậc Thánh, không nhìn thấy rõ tự thân, không nhìn thấy rõ bản chất của các sắc pháp, không thấy rõ hành tướng của những cảm thọ, những tưởng, những suy nghĩ, những sự rõ biết đang vận hành, đang hoạt động, đang sanh diệt trong thân tâm. Chúng sanh rơi vào trong sự tham đắm, dính mắc, trói buộc trước những sắc, thọ, tưởng, hành, thức vì sự vô minh, vô trí trong nội tâm. Thế giới bị nhấn chìm trong dòng thác vô minh. Chúng sanh bị chết chìm trong dòng thác vô minh. Đây gọi là chúng sanh bị nhấn chìm trong vô minh bộn lưu.

Trong một thế giới bị nhấn chìm trong dòng thác chảy của dục, của hiện hữu, của tri kiến, của vô minh thì pháp Tám

Đúng là một chiếc thuyền Bát nhã thân diệu nhất giúp chúng sanh vượt thoát khỏi dòng thác lũ tuyệt đối khó vượt khỏi này.

Đó là ý nghĩa chữ bọc lưu theo danh từ Hán Việt, tức là dòng thác nước.

Nếu hiểu “bọc lưu là vùng nước đọng, đầm nước lớn” theo trong kinh Rắn Độc (*Tương IV, 283*) thì bốn bọc lưu có thể được hiểu như sau:

Ví như nước ở ao tù, nước ở đầm lầy không có lối thông ra sông, không có đường thông ra biển. “Bọc lưu” có thể được hiểu là vùng đầm lầy không có lối thoát, vùng nước đọng không có lối thoát, dòng luân quần không có lối thoát.

Nếu hiểu bọc lưu là đầm lầy không có lối thoát, thì bốn bọc lưu có thể được hiểu là bốn đầm lầy: đầm lầy về dục, đầm lầy về hiện hữu, đầm lầy về tri kiến, đầm lầy về vô minh. Chúng sanh bị mắc kẹt, bị nhấn chìm, bị chết chìm trong bốn đầm lầy này.

Nếu hiểu bọc lưu là đầm nước lớn không có lối thoát, là dòng chảy luân quần không có lối thoát, thì: Dục bọc lưu là dòng luân quần của ái dục, hay tâm loanh quanh trong dục. Hữu bọc lưu là dòng luân quần của những hiện hữu lúc này lúc khác của Ngũ uẩn, hay tâm luân quần trong những hiện hữu vô thường. Kiến bọc lưu là dòng luân quần của những kiến thức, tri kiến trong vô minh, si ám, hay tâm

luân quần trong những kiến thức của phàm phu, của vô minh. Vô minh bọc lưu dòng luân quần của vô minh si ám, tâm luân quần trong vô minh, si ám.

Trong một thế giới bị cuốn trôi, bị nhấn chìm, bị luân quần trong đục, hữu, kiến, vô minh, thì Pháp Tám Đúng là chiếc thuyền Bát nhã hoàn hảo nhất, vi diệu nhất, kỳ diệu nhất, thiện xảo nhất, thần diệu nhất, vĩ đại nhất, đầy đủ phương tiện nhất, trang thiết bị hiện đại nhất, vững chắc nhất, an toàn nhất và bảo đảm nhất trong việc đưa người vượt thác nước, vượt thoát đầm lầy, vượt thoát biển sanh tử trùng dương mù mịt trong tăm tối hôn mê đi đến bến bờ của an lạc, bình an, trí tuệ và giải thoát.

2.2.8 Thánh hùng ca

Phương pháp Tám đúng là **Thánh hùng ca**, Thánh khai hoàn ca, là khúc hùng ca tuyệt vời nhất, khúc chiến thắng ca vĩ đại nhất, khúc giải phóng ca hào hùng nhất của các bậc Chánh Đẳng Giác trong việc tự mình giải phóng tâm khỏi màn đêm của vô minh, tự mình phát giác phát hiện một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo trong việc chấm dứt những nỗi khổ vì sanh, già, bệnh, chết với những thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, rỗng không và vô nghĩa này. Phương pháp Tám đúng là biểu lộ một trí tuệ đã chiến thắng được vô minh, đã đâm thủng được vô minh, đã diệt tận được vô minh, đã vén lui màn vô minh che đời, đã đem

đèn sáng trí tuệ vào trong một nội tâm bị tăm tối, bị si ám, bị bóng tối vô minh che phủ. Phương pháp Tám đúng đã đưa đến sự giải phóng tâm một cách hoàn toàn, giải thoát tâm, giải phá tâm khỏi màn đêm âm u, mịt mờ, đen tối của vô minh.

2.2.9 Thánh trí tuệ

Phương pháp Tám đúng là **Thánh trí tuệ**, là Phật trí, là tinh hoa tối thượng của trí tuệ, là tinh anh tối thượng của trí tuệ, là tinh túy tối thượng của trí tuệ, là một trí tuệ được bùng nổ, được khai mở một cách viên mãn, hoàn mãn, hoàn chỉnh, hoàn mỹ và hoàn hảo của các bậc vĩ nhân, của các bậc Thánh nhân. Người tự mình phát giác, phát hiện, phát minh ra, khám phá ra một đường lối tu tập hoàn hảo và thiện xảo như vậy được gọi là bậc có trí tuệ hoàn hảo, có sự thấy biết hoàn hảo, đó là ý nghĩa của danh từ Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Thái tử Tất Đạt Đa là vị đã thành tựu trí tuệ chân chánh hoàn hảo và thiện xảo này. Vì vậy, Ngài được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

2.2.10 Thánh sự thật

Phương pháp Tám đúng là **Thánh sự thật**, là sự thật tuyệt vời về một đường lối tu tập chân chánh, hoàn hảo và thiện xảo đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử mà Đức Phật và các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã nhìn thấy, đã tìm ra, đã

khám phá ra. Thánh sự thật này đã đem lại cho chúng sanh một sự thấy biết chân thật, thấy biết rõ ràng, một cái nhìn rõ ràng, rạch ròi, trong sáng, minh bạch, chính xác về đường hướng tu hành trong việc đi đến sự khám phá tự thân, nhiếp phục tự thân, đào thải thân tâm khỏi những rác bần, cấu uế, lậu hoặc, làm cho thân tâm được trong sạch, thanh tịnh, thuần thiện và giải thoát. Với sự thật về đường lối tu tập chân chánh này thì tất cả những hình thức tu tập trong vô minh, tu tập trong si ám hôn mê, tu tập trong tà kiến, tu tập trong mê tín, tu tập trong cuồng tín, tu tập trong chấp trước, tu tập theo phong trào, tu tập theo những gì đang được phổ biến, đang được nổi tiếng trong hiện tại nhưng chỉ có hư danh, không đưa đến trí tuệ thật sự về tự thân và không thật sự đưa đến sự hết sạch, sự đào thải sạch những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si trong thân tâm... Tất cả những hình thức, những đạo lộ, những phương cách tu tập, những đường lối tu tập sai lầm này đều bị lật tẩy, bị đào thải, bị đưa ra ánh sáng trước một nội tâm có sự tu tập theo sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách. Với đường lối Tu hành theo Tám cái đúng, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã phá tan những vô minh, đã giải tỏa những hôn mê của chúng sanh trong việc tu đạo, học đạo, hành đạo, đưa chúng sanh đến với một đạo lộ an toàn, một đường lối tu hành an toàn, chân

chánh, đúng pháp trên con đường tìm kiếm một pháp tu, một cách tu, một đường lối tu hành đi đến sự thanh tịnh thân tâm, giải phóng tâm khỏi những rác bần cấu uế. Khi sự thật về đường lối tu hành chân chánh được Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác khám phá và khai sáng cho thế gian này thì những đường lối tu hành sai lầm, sai quấy, tà mi, hư ảo, không chân thật, không chân chánh sẽ bị phát hiện, bị lật tẩy, bị tẩy chay bởi những bậc có trí tuệ, những bậc có tâm chân chánh trên cuộc đời này.

2.2.11 Thánh chân lý

Phương pháp Tám đúng là **Thánh chân lý**, là chân lý, là sự thật đưa đến sự chấm dứt sanh tử cho các chúng sanh mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tìm ra, đã phát giác phát hiện ra. Chân lý đưa đến tâm thanh tịnh giải thoát này không là sở hữu của một ai, không là tài sản của một ai, không là của riêng của một ai, mà đó là nguyên tắc, là công thức, là định lý, là chân lý, là sự thật đưa đến sự chấm dứt khổ đau trên cuộc đời này. Đó là định lý nhân quả của sự chấm dứt khổ đau trong cuộc sống. Đó là chân lý của trời đất, chân lý của vũ trụ, chân lý của nhân sinh trong việc diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn. Đó là một công thức vi diệu và hoàn hảo đưa đến một nội tâm thanh tịnh, trong sạch, không còn mọi tham ái, không còn mọi chấp thủ. Người tự mình phát giác phát hiện

ra định lý này, chân lý này, công thức này, đó là bậc vĩ nhân. Người đó được gọi là bậc Thánh nhân, là Đức Phật, là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Người nghe theo lời chỉ dẫn của bậc Thánh này để tu tập, để thực hành và thành tựu phương pháp này, vị này được gọi là Phật tử, là Thánh đệ tử, là đệ tử của bậc Thánh, đệ tử của Đức Phật, đệ tử của Thánh nhân.

2.2.12 Thánh hiền pháp

Phương pháp Tám đúng là Thánh hiền pháp, là pháp tu, là đường lối tu được những bậc hiền nhân, hiền lành, chân thành, chân thật, những bậc có tâm và trí tuệ trong sáng, ngay thẳng tự mình giác hiểu. Đó là đường lối tu tập của các bậc trí, của những vị có tâm chánh trực, trung thực, trong sáng, chịu nhìn thẳng vào vấn đề, thấy sai biết sửa sai, thấy sai muốn sửa sai, có đời sống chân chánh, có tâm nhu nhuyến, nhẹ nhàng, dễ bảo, biết kham nhẫn, tâm không cố chấp, không méo mó, xiêu vẹo, lệch lạc, si ám, mê muội. Đó là ý nghĩa của câu kinh “Pháp là thiết thực hiện tại... được người trí tự mình giác hiểu”. Bất cứ ai có tâm chân chánh như vậy khi được thấy và được nghe phương pháp Tám đúng này từ Đức Phật hay từ những vị Thánh đệ tử chân chánh của Đức Phật, và những vị này hoan hỷ thọ nhận, hoan hỷ tiếp nhận và tu tập theo, thực hành theo phương pháp Tám đúng thì tất cả những vị này đều có thể

đi đến sự diệt tận phiền não, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Phương pháp Tám đúng không phân biệt màu da, sắc tộc, tuổi tác, giàu nghèo, phương pháp Tám đúng không phân biệt nam nữ, thời gian, không gian và thế giới. Nhưng phương pháp Tám đúng chỉ có thể được thấy, được biết, được giác, được chứng, được sáng tỏ từ một nội tâm chân chánh, hiền thiện được duyên lành thấy nghe Thánh pháp vi diệu và thần diệu của Đức Như Lai.

2.3 Tinh Hoa Phật Trí

Vô minh, khát ái, tham sân si và bản ngã trú ngụ trong sự thấy biết, sự suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự siêng năng, sự quán sát và sự định tâm của chúng sanh. Đây là tám mặt, tám góc độ, tám khía cạnh trong đời sống của con người. Tám khía cạnh này cũng là tám chỗ, tám nơi, tám góc độ, tám phương diện hoạt động của vô minh. Vô minh ẩn trong tám phương diện của cuộc sống và vô minh chi phối tám phương diện này của cuộc sống. Sự nhìn thấy được Tám phương diện của cuộc sống hay tám phương diện hoạt động của vô minh, sự nhìn thấy này của bậc Chánh Đẳng Giác là một sự giác ngộ tuyệt diệu, sự phát giác vi diệu, trí tuệ tuyệt diệu phi thường, vượt phàm chứng Thánh. Đây thật là một trí tuệ hoàn hảo tuyệt đối, trí tuệ tối thượng tuyệt đối - trí tuệ thấy biết rõ tất cả các góc độ các khía cạnh của vô minh, không một góc độ, không

một khía cạnh nào của vô minh mà không được Ngài không thấy biết, đó gọi là trí tuệ Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chánh là chân chánh. Đẳng là đồng đều. Giác là sự giác ngộ, sự phát giác, phát hiện, sự thấy biết điều chưa từng thấy biết, hoặc sự phát giác điều chưa từng ai trong hiện tại phát giác. Chánh Đẳng Chánh Giác có nghĩa là *“Trí tuệ thấy biết đồng đều đầy đủ tất cả các khía cạnh của các vấn đề trong cuộc sống và trong thân tâm”*. Tám khía cạnh hoạt động của vô minh và khát ái đã bị lật tẩy, bị phơi bày bởi trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác. Tám hình thức hoạt động của tham sân si và bản ngã đã bị phát giác, bị phát hiện, bị chế ngự, bị nhiếp phục bởi Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng.

- Phương Pháp Tám đúng là một sự dàn trận hoàn hảo để lật tẩy và đánh bật gốc mọi góc độ, mọi khía cạnh, mọi gương mặt của vô minh. Bất cứ sự ẩn nấp nào của vô minh trong cuộc sống, bất cứ hình thức nào của vô minh trong đời sống của người tu đều bị trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Giác phát hiện, lật tẩy và diệt tận. Vô minh ẩn nấp trong sự thấy biết, vô minh ẩn nấp trong sự suy tư, vô minh ẩn nấp trong lời nói, vô minh ẩn nấp trong hành vi hành động, vô minh ẩn nấp trong sự kiếm sống, vô minh ẩn nấp trong sự siêng năng, vô minh ẩn nấp trong sự nhớ biết quán sát quán niệm, vô minh ẩn nấp trong sự định tâm. Đây là những chỗ ẩn nấp của vô minh. Vì

không nhìn thấy rõ vô minh ẩn nấp trong tám chỗ này nên những người tu, người muốn thanh lọc sạch những rác bần trong nội tâm, người muốn tìm sự giải thoát sanh tử, những vị này đã bị vô minh đánh lén, đánh úp và đánh chết tại tám chỗ này. Như Lai - bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã phát giác phát hiện ra tám chỗ ẩn trú này của vô minh và Ngài đã khéo léo dàn trận bát chánh để lật tẩy, đánh úp lại và triệt phá toàn bộ mọi ngõ ngách, mọi hang ổ, mọi góc độ, mọi phương diện của vô minh. Vì vậy, khi thực hành “**trận đồ bát chánh**” này thì vô minh hoàn toàn bị thấy biết, bị đâm thủng, bị nhiếp phục và bị diệt tận một cách hoàn toàn.

- Phương Pháp Tám Đứng đã đánh thẳng, đánh ngay, đánh trực chỉ vào tám mặt, tám phương diện, tám chỗ trú ngụ của vô minh, khát ái, bần ngã, tham, sân, si thì làm sao chúng còn có thể nhúc nhích, cựa quậy và đào thoát.
- Phương pháp Tám đứng đã đem đến cho chúng sanh một cuộc chiến thắng rực rỡ, vĩ đại, toàn diện, toàn vẹn trong việc đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái. Với cuộc chiến thắng này, tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi sự áp bức khổng chế của những cảm giác tham dục, những cảm giác sân hận, những cảm giác tham ái, tâm được thoát khỏi hoàn toàn mọi sự bức xúc, bức bách, hành hạ, áp đảo của những

cảm xúc lo sợ, bất an, ghen tuông, ganh tỵ, tật đố... Tâm được giải thoát hoàn toàn khỏi cái rọ của Ngũ uẩn, được giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, được giải thoát hoàn toàn khỏi biển trầm luân trong sanh tử, phiền não và khổ đau.

Tốt lành thay là Phương pháp Tám đúng này.

Hy hữu thay là Phương pháp Tám đúng này.

Vĩ đại thay là Phương pháp Tám đúng này.

Tối thượng chiến thắng thay là Phương pháp Tám Đúng này.

Như vậy, Phương pháp Tám Đúng được gọi là Phương pháp Tối thượng Thần diệu, tối thượng thiện xảo và tối thượng hoàn hảo để đánh bại vô minh, đánh gục vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn. Và chỉ có những bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể lật tẩy được tất cả các gương mặt của vô minh, mới có thể phát giác, phát hiện ra một phương pháp tu tập thần diệu, một đạo lộ tu tập tối thượng hoàn hảo, hoàn chỉnh, thiện xảo và tuyệt diệu như vậy.

Sự phát giác phát hiện ra những chỗ trú ẩn của vô minh trong cuộc sống, đây gọi là sự phát giác phát hiện tối thượng, sự giác ngộ tối thượng trong cuộc sống. Người phát giác phát hiện ra vô minh và những chỗ trú ẩn của vô

minh, được gọi là bậc Vô Thượng Sư, được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, được gọi là Đức Thế Tôn hay Đức Phật. Trí tuệ khám phá ra phương pháp tối thượng thần diệu thiện xảo Tám Đúng để triệt phá vô minh ở mọi góc độ, đây là trí tuệ tinh vi nhất, tuyệt vời nhất trong cuộc sống này.

Tóm lại, Phương pháp Tám Đúng là trí tuệ tối thượng về phương pháp vượt thoát lưới sanh tử mà các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã giác ngộ, đã phát giác, phát hiện ra. Bậc Chánh Đẳng Giác là bậc đã tự mình mài mòn, tự mình lần tìm con đường đưa đến sự chấm dứt sanh tử và rồi, từ trong bóng đêm của vô minh các Ngài đã bước ra khỏi vô minh và đến được với ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng của sự giải thoát. Các Ngài đã tự mình phát giác phát hiện ra Ngũ uẩn, tự mình phát giác phát hiện ra vô minh lậu hoặc, tự mình phát giác phát hiện ra Phương pháp Tám Đúng và tu tập thành tựu trọn vẹn phương pháp Tám Đúng. Các Ngài đã tự mình đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn bằng Phương pháp Thần Diệu Tám Sự Chân Chánh này. Vì vậy, Phương pháp Tám Đúng hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn chính là **“tinh hoa Phật trí”**, là tinh hoa Chánh Đẳng Chánh Giác trí. Đó là tinh hoa trí tuệ của các Đức Phật, tinh hoa trí tuệ của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Người con Phật ngày nay cần phải thông suốt, cần phải thấu rõ, cần phải thông hiểu rõ vấn đề tối thượng quan trọng này để từ đó có cái nhìn, cái thấy, cái hiểu chân chánh về Chánh pháp, về Thánh đạo và có một thái độ cung kính chân chánh, đúng pháp đối với Phương Pháp Tám Đứng.

2.4 Phật đạo - Phật thừa - Tối thượng thừa

2.4.1 Kinh Thành Ấp (*Tương II, 185*)

1)...*Tại Sāvattthī.*

2) *Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết”.*

3) *Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?”*

4) *Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi”.*

5) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu? Ái hiện hữu? Thọ hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xứ hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?”

6) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi”.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?”

8) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi”.

9) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “**Thức** này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi...”. **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

10) “Tập khởi, tập khởi”. Này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?”

12) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt”.

13) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Hữu không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xúc không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?”

14) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do **thức** không có mặt, **danh sắc** không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt”.

15) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt?”

16) Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do **danh sắc** không có mặt, **thức** không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt”.

17) Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Ta đã **chứng đắc** con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do

danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. ..(như trên)...Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt”.

18) “Đoạn diệt, đoạn diệt”. Đây các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, đây các Tỷ-kheo, **một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua.** Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi đây các Tỷ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: “Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy”.

21) Rồi đây các Tỷ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian

lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.**

22) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua?

Đây chính là con đường **Thánh đạo tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. **Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ** già chết; Ta thấy rõ già chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

23-31) **Ta đã đi theo con đường ấy.** Đi theo con đường ấy; **Ta thấy rõ** sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức...

32) **Ta đi theo con đường ấy.** Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

33) *Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Nay các Tỷ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài người khéo léo trình bày.*

2.4.2 Điều mà Đức Phật đã giác ngộ

Tóm lược bài kinh: Sau khi thấy biết rõ tình trạng thật sự của thế giới, đó là thế giới đang bị giam hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh. Bồ-tát Tất-Đạt-Đa đã truy xét những nhân duyên, những nguyên nhân đưa đến sanh, già, bệnh, chết cho chúng sanh và Ngài đã phát giác phát hiện ra một chuỗi những nhân duyên đưa đến sanh, già, bệnh, chết, tái sanh cho các chúng sanh. Tiếp đến, Ngài lại phát giác phát hiện ra con đường tu tập, phương pháp tu tập chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử mà các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã từng tu tập chính là phương pháp Tám Đúng, tức là Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng, Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng, Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ và Định đúng cách.

Các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa nhờ tu tập Phương Pháp Tám Đúng này đã đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau. Sau khi phát giác phát hiện ra như vậy, Bồ-tát Tất-Đạt-Đa đã tu tập theo phương pháp này và Ngài đã

diệt tận được tất cả những nguyên nhân đưa đến sanh tử khổ đau. Ngài trở thành bậc Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, Ngài được gọi là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc đã tự mình giác ngộ ra được Bốn sự thật về Sanh Tử và đã hoàn toàn giải thoát khỏi sanh tử. Sau đó, Ngài đã tuyên bố con đường này, phương pháp tu tập chân chánh này lại cho chúng sanh, để chúng sanh được lợi ích tối thượng, được thoát khỏi biển sanh tử và để phương pháp tu hành chân chánh này được phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều, và được chư Thiên và loài người khéo léo trình bày.

“Đây là khổ, khổ là đây!”
Như Lai - Ngài đã ngộ ra điều này,
Và Ngài thoát khỏi tái sanh,
Như người thoát nạn, như tù thoát thân,
Thoát ra rồi chỉ mọi người
Con đường thoát tử mà Ngài đã đi.
Bốn Thánh Trí - Bốn Thánh Chuông
Bốn Điều Vi Diệu - Bốn Viên Thuốc Thân,
Bốn sự thật về nhân gian,
Bốn Cẩm Nang để phá tan mê lầm,
Trống Bát Tử vẫn ngân vang,
Bốn Thánh Trí vẫn còn đang hiện tiền
Hãy dừng vọng niệm, lặng yên
Lắng tâm nghe trí Thánh hiền nói lên...

- Trí thứ nhất, Ngài phơi bày:
Cái thân năm uẩn này là khổ đau!
 Sanh, già, bệnh, chết nối nhau
 Làm cho đau khổ không bao giờ dừng.

- Trí thứ hai, chỉ rõ ra:
 Bởi tâm chẳng tỏ tường năm uẩn này,
 Nên tham ái đã sanh sôi,
 Nhận chìm vào cảnh nổi trôi luân hồi,
 Chính tham ái với vô minh,
 Làm thân năm uẩn sản sinh không ngừng,
 Có sanh nên có khổ đau,
 Khổ đau, sanh tử nối nhau liên hồi.

- Trí thứ ba, đã sáng soi:
Khi nào năm uẩn được soi sáng rồi,
Thì tham ái sẽ tiêu vong,
 Luân hồi chấm dứt, khổ đau không còn.

- Trí thứ tư, đã mở toang:
 Cửa vào bát tử, đường vào vô sanh,
Chính Con đường Thánh Tám ngành,
 Gọi là Chánh đạo, con đường thoát sanh.
BÁT CHÁNH ĐẠO - Con đường thoát tử

*Phương pháp này dẫn nhập Vô sanh,
Thánh nhân chỉ dẫn rành rành,
Hành theo Tám Đúng thì sanh tử dừng.*

- *Thấy biết đúng về thân năm uẩn (Chánh tri kiến)*

- *Khéo suy tư từ bỏ tham sân (Chánh tư duy)*

- *Nói lời chẳng phạm lỗi lầm (Chánh ngữ)*

- *Thân hành trong sạch, chẳng làm hại ai (Chánh nghiệp)*

- *Nuôi thân mạng bằng điều chân chánh (Chánh mạng)*

- *Sống siêng năng trong hộ trì căn (Chánh tinh tấn)*

- *Thực hành chánh niệm thân tâm (Chánh niệm)*

Dùng Kinh Niệm Xứ làm kim chỉ đường.

Tâm tỉnh giác dần dà sanh khởi,

Màn vô minh dần tháo gỡ ra.

Hành theo Tứ Niệm Xứ Kinh,

Trí về năm uẩn phát sinh từ từ.

– *Nương hơi thở, thực hành tỉnh giác,*

Năm ám si thanh lọc khỏi tâm (5 triền cái)

Bốn Thiền tuần tự thực hành (Chánh định)

Thân tâm ổn định dần theo Bốn Thiền.

– *Thiền thứ nhất, hướng tâm rõ biết:*

Hiện tại thân tâm chẳng dục tham,

Bình yên, an tịnh trong người

Không như lúc bị dục tham làm phiền,
 Thân bức xúc không yên ổn được,
 Đứng, đi, ngồi, nằm rất bất an
 Giờ đây xả dục, ly tham
 Nên thân tâm được bình an, yên lành.
 Quán hạnh phúc khi mình ly dục
 Quán bình an lúc chẳng tham sân
 Hân hoan sanh khởi trong lòng
 Tâm vui, thân lạc vì rời dục tham
 Cho lạc hỷ này lan tỏa khắp
 Toàn thân này lạc hỷ thấm nhuần
 Như xà bông rửa chén dơ
 Hỷ lạc này rửa dục nhờn trong lòng.
 – Thiền thứ hai, dừng tâm quán xét,
 Tâm lặng yên, định tĩnh nhất tâm,
 Quán nhìn tâm tĩnh lặng này,
 Khởi sanh hỷ lạc tràn đầy thân tâm.
 Đây là hỷ lạc vì tâm định
 Hỷ lạc vì nội tĩnh nhất tâm
 Chúng sanh thích nghĩ lăng xăng
 Thiền này tẩy sạch tánh năng nghĩ này.
 – Thiền thứ ba, hỷ lià, tâm xả
 Nhưng lạc còn cảm thọ trong thân,
 Thân thì an lạc nhẹ nhàng,
 Tâm thì an tịnh, xa lìa hỷ vui,

Thân an lạc, tâm lặng yên
 Như người giảm bệnh, thuốc liền giảm theo
 – Thiền thứ tư, xả luôn lạc thọ
 Chỉ còn thân an tịnh hiển bày
 Thân tâm thuần tịnh sáng trong,
 Thân tâm tĩnh lặng, nhất như trong ngoài.

Rồi với **Tuệ** từ tâm an tịnh,
 Xoay lại nhìn lậu hoặc trong tâm,
 Nhận ra các nhiễm ô ngầm,
 Vẫn còn nhẹ nhẹ âm thầm trong tâm,
 Tiếp tục quán sát năm thủ uẩn,
 Quán với tâm chẳng ái, chẳng tham,
 Độ ô nhiễm sẽ giảm dần,
 Đến khi hết nhiễm, tâm thành sạch trong.
 Dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm,
 Tâm tẩy trừ ba sự nhiễm này,
 Khi ô nhiễm đã tẩy xong,
 Thì tâm trong sạch như dòng nước trong.
 Tẩy dục, hữu, vô minh hết sạch,
 Tâm không tham chấp bất cứ gì,
 Khởi lên Trí biết rõ ràng:
“Tâm này trong sạch chẳng còn nhiễm ô”.
 Tâm chẳng động trong khi nói nín,
 Tâm chẳng lay trong lúc đứng đi,

*Tâm không động nhiễm đê mê ngày,
Nay là đời cuối, không còn tái sanh.*

*Đấy đợc gọi là đờng Bát Chánh,
Đưa người hành thoát khỏi tử sanh,
Những ai chân chánh thực hành,
Phần quà dành sẵn chính là Vô sanh.*

(Trích “Giải Thoát Trí”, sách “CỬA VÀO BÁT TỬ”)

2.4.3 Đờng lối tu của chư Phật ba đời

Như vậy, thông qua bài kinh Thành Ấp, chúng ta vô cùng bất ngờ, vô cùng chấn động, vô cùng kinh ngạc khi phát giác phát hiện ra rằng:

- Phương pháp Tám đứng là đờng lối tu mà tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã tu tập, đã thực hành để đi đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.
- Phương pháp Tám đứng là đờng lối tu mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Chánh Đẳng Giác đã tu tập, đã thực hành để đi đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.
- Và điều này có nghĩa là: Phương pháp Tám đứng cũng chính là đờng lối tu mà tất cả các Đức Phật, các bậc Chánh Đẳng Giác sau này sẽ tu tập, sẽ thực hành để đi

đến sự thành tựu trí tuệ về sanh tử và giải thoát khỏi sanh tử.

Tóm lại, nhờ tự mình phát giác phát hiện rồi tu tập, thực hành theo phương pháp Tám sự chân Chánh mà các Đức Phật, các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác quá khứ hiện tại và vị lai đã thành tựu trí tuệ trọn vẹn về sanh tử. Các Ngài đã phát hiện tất cả những đối tượng có mặt trong chuỗi cấu kết tạo ra sanh tử. Các Ngài đã vạch mặt, đã điểm mặt tất cả những thành viên trong băng nhóm tạo ra sanh tử. Các Ngài đã khám phá trọn vẹn hang ổ của sanh tử. Các Ngài đã chặn đứng tất cả những móc nối, hợp tác, liên kết của các thành phần đưa đến sanh tử. Các Ngài đã khoanh vùng, đã cách ly và tiến hành tiêu diệt từng đối tượng, từng thành viên trong đường dây sanh tử. Các Ngài đã phá tung tất cả những mắc xích đưa đến sanh tử và các Ngài đã cắt đứt được hoàn toàn dòng sanh tử triền miên trong phiền não và đau khổ này.

Như vậy, các bậc Chánh Đẳng Giác đã tự mình tìm ra được đường lối tu tập chân chánh thân diệu với Tám Sự Chân Chánh này và các Ngài truyền trao lại đường lối tu hành chân chánh này cho chúng sanh. Nhưng rồi, với thời gian, những chúng sanh đến sau trong Thánh pháp này đã buông lung, phóng dật, nhẹ dạ, cả tin, trà trộn, pha tạp, ngụy tạo, không cung kính, không tôn trọng Thánh pháp này, không tu tập và không trao truyền Thánh pháp này. Vì vậy, Thánh

pháp này, Phật đạo này đã bị mai một dần, bị thất truyền, rồi biến mất.

“Hỡi chúng sanh, tỉnh ra nhanh!

Con đường thoát khổ, đây nè, tỉnh nhanh!

Tỉnh nhanh kéo trễ bây giờ,

Con đường bất tử sắp mờ nhạt đi...

Bởi vì tâm địa si mê,

Mà ngày càng ít kẻ về neo chôn.

Bởi vì chẳng kính Thánh nhân,

Lấp dần Thánh đạo, đào đường khổ đau.

Chẳng trao truyền, chẳng thực hành,

Con đường Thánh đạo sẽ thành khói sương,

Giờ đây Thánh đạo mờ dần,

Sau này chẳng kẻ dự phần Vô Sanh”.

(Trích “Giải Thoát Trí”, sách “CỬA VÀO BẤT TỬ”)

Khi đường lối tu hành chân chánh bị thất truyền, bị biến mất khỏi thế giới này thì thế giới không có một đường lối tu hành chân chánh đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử. Thế giới rơi vào trong màn đêm của vô minh trong một thời gian thật lâu, thật dài. Và rồi một thời gian dài vô lượng năm sau, lại xuất hiện một con người chân thành, hiền thiện đi tìm sự thật về sanh tử và rồi vị này lại phát hiện ra

phương pháp Tám sự chân chánh. Vị này tu tập theo phương pháp chân chánh này và thành tựu trí tuệ về sanh tử. Và vị này lại khai sáng lại, khai mở lại con đường tu hành chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử cho chúng sanh. Vị này lại được gọi là bậc Chánh Đẳng Giác.

Tóm lại, khi một bậc tự mình phát giác phát hiện ra đường lối tu với Tám sự chân Chánh thì vị đó được gọi là bậc Chánh Đẳng Giác. Và thời gian xuất hiện một bậc Chánh Đẳng Giác là vô lượng năm, vô lượng thời gian. Vì vậy, sự xuất hiện bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là một sự hy hữu, sự vô cùng hiếm có, vô cùng quý báu trên cuộc đời này. Khi một bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện và đưa dòng pháp Tám sự chân Chánh vào cuộc sống, làm cho dòng Thánh pháp này vận hành trong nhân gian, đó gọi là Chuyển Pháp Luân. Khi đó mười ngàn thế giới rung động mạnh, chấn động mạnh và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, uy lực của hào quang này vượt xa hào quang của các chư Thiên (Kinh Như Lai Thuyết - *Tương V*, 610).

Và khi một bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian này thì trong khi danh hiệu, danh xưng của bậc Chánh Đẳng Giác này còn được biết đến trong cuộc sống này thì không thể xuất hiện thêm một bậc Chánh Đẳng Giác nào khác nữa. Không thể trong cùng một lúc, trong cùng một thời điểm, trong cùng một giai đoạn thời gian lại có hai bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện. Đây là sự kiện không thể có

được, không thể xảy ra. Điều này đã được Đức Phật tuyên bố trong kinh Đa Giới (*Trung*, bài 115), người có chánh kiến cần chân chánh xác định rõ điều này để không lầm lạc trên con đường tu học theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hiện tại.

Khi bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện thì phương pháp tu Tám sự chân Chánh lại rực sáng, chói sáng, và tỏa sáng trên cuộc đời này, bóng tối vô minh bị tan biến. Thế giới có những chúng sanh được tu tập theo một đường lối chân chánh và có những chúng sanh đi đến được sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau. Khi bậc Chánh Đẳng Giác này nhập diệt, cỗ xe tối thượng thừa này còn được lăn bánh thêm một thời gian nữa. Rồi sau đó, với thời gian, với sự rời xa vòng tay của bậc Chánh Đẳng Giác, chúng sanh hời hợt, buông lung, phóng dật, nhẹ dạ, cả tin, trà trộn, pha tạp, ngụy tạo, bắt chước, không cung kính, không tôn trọng Thánh pháp này, không tu tập và không trao truyền Thánh pháp này, vì vậy, Thánh pháp này, Phật đạo này lại bị mai một dần, bị thất truyền, rồi biến mất. Khi phương pháp tu hành chân chánh với Tám sự chân Chánh này bị thất truyền, bị biến mất, thế giới không còn ánh sáng của trí tuệ mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao, thế giới rơi vào trong màn đêm của vô minh, khi ấy, không có những chúng sanh được tu tập tu hành theo một đường lối chân chánh và không có những chúng sanh đi đến được sự

giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau. Khi ấy, thật đau khổ thay cho các chúng sanh, thật tăm tối thay cho các chúng sanh, thật trầm luân thay cho các chúng sanh!

Như vậy, thời gian xuất hiện một bậc Chánh Đẳng Giác là vô lượng năm, vô lượng thời gian, nhưng thời gian duy trì dòng pháp mà bậc Chánh Đẳng Giác truyền trao thì lại ít ỏi, ngắn ngủi, có giới hạn. Vì vậy, ngày nay, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, nhưng chúng ta còn được gặp, còn được thấy, còn được nghe dòng pháp Tám sự chân Chánh mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền trao thì người con Phật cần nhận thức rõ, cần ý thức rõ rằng: **Đây là đại nhân duyên**, đại phước báu, đại thiện lành cho chúng ta. Chúng ta cần phải hết sức hết lòng hoan hỷ, hân hoan đón nhận và cần trọng tu học, cần trọng truyền trao cho hậu thế sau này. **“Chớ làm người tối hậu** sau Đức Phật Thích Ca”. Đây là tâm nguyện, là lời nhắn nhủ, là sự truyền trao, truyền thừa của Đức Thích Ca Mâu Ni của chúng ta. Người con Phật cần phải cần trọng “ghi tâm khắc cốt” điều này.

2.4.4 Thánh chuông đánh thức nhân gian

Tóm lại, bài kinh Thành Ấp là một hồi Thánh chuông làm chấn động đất trời, làm rung chuyển thế giới, làm sụp đổ bức màn vô minh tăm tối bao phủ thế giới, bao phủ tâm trí

của chúng sanh. Đó là một hồi chuông, một hồi trống mà các Đức Phật, các bậc Thánh nhân, các bậc vĩ nhân đã đánh lên để phá sập, phá vỡ, đánh sập mọi vô minh, mọi nghi ngờ, mọi ngờ nghêch, mọi hiểu biết sai lầm, mọi nhận thức sai lầm, mọi thấy nghe sai lầm về Bát Chánh Đạo, về Phương Pháp tu tập theo Tám sự chân Chánh. Bài kinh trên đã thông báo, cảnh báo, tuyên cáo, tuyên bố với thế giới, với chư Thiên và loài người rằng: Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng là Phật đạo, là Chánh Đẳng Chánh Giác đạo, là giải thoát đạo, là Niết-bàn đạo, là đạo lộ chân chánh, là đường lối tu hành chân chánh mà các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tự mình phát giác phát hiện ra, và sau đó nhờ tu tập theo con đường này mà các Ngài đã thành tựu trọn vẹn sự đoạn diệt sanh tử, sự chấm dứt khổ đau.

Bài kinh trên đã làm sáng tỏ giá trị tối thượng và vị trí tối thượng quan trọng của Phương pháp Tám Đúng, hay Bát Chánh Đạo trong sự tu hành đi đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau. Vì vậy, người con Phật ngày nay chớ có xem thường Bát Chánh Đạo, chớ có xem thường Pháp Tám Đúng, chớ có xem thường sự tu tập Tám sự chân Chánh này.

- Nếu không có một phương pháp chân chánh, đúng đắn, chính xác và tinh vi về mọi mặt để diệt trừ vô minh thì vô minh sẽ không bao giờ được trừ diệt.

- Nếu không có một phương pháp thiện xảo, thần diệu, vi diệu về mọi mặt để lật tẩy vô minh thì vô minh sẽ không bao giờ bị lật tẩy.
- Nếu không có một phương pháp hoàn hảo, diệu dụng, bao vây, tấn công, triệt phá vô minh một cách triệt để thì vô minh sẽ không bao giờ bị triệt phá, luân hồi sanh tử sẽ không bao giờ được chấm dứt, khát ái đối với Ngũ uẩn sẽ không bao giờ được diệt tận và những tham, sân, si, bản ngã không thể được thấy biết trọn vẹn và không thể được tẩy sạch hoàn toàn.

Vô minh, tham sân si, bản ngã, là những thứ đã tồn đọng lâu ngày trong tâm ta. Độ sâu, độ dày, độ đặc, độ bản, độ nhiễm, độ hoạt động, hình thức hoạt động, phạm vi hoạt động, góc độ hoạt động của những pháp này là đa diện, đa dạng, dày đặc và khủng khiếp trong tâm ta. Vì không nhìn thấy được tất cả những góc độ, những khía cạnh, những nơi ẩn nấp của vô minh, tham sân si và bản ngã trong tâm này nên chúng sanh đã phải chìm nổi trong biển trầm luân sanh tử này từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, những giọt nước mắt đau khổ của những trò sanh ly tử biệt và những phiền não trong dòng luân hồi này là vô lượng nước mắt, chúng nhiều cho đến nỗi Đức Phật nói rằng: *Nước mắt của các ông đã khóc trong dòng sanh tử luân hồi này là nhiều hơn nước ở biển lớn.* Và ngày giờ này, những giọt nước mắt này có dừng lại đâu, chúng vẫn đang chảy xuống và sẽ

tiếp tục chảy xuống cho những sanh ly tử biệt, cho những mệt mỏi, đau khổ, phiền não, bất an đang xảy ra, sắp xảy ra, sẽ xảy ra đối với bản thân ta và những người xung quanh ta. Khổ, phiền não, mệt mỏi, bất an, lo sợ, dối trá, ganh tỵ, ích kỷ, tham ái, tham dục, sân hận, si mê, ngã mạn là những gì đang có mặt trong cuộc sống này. Tất cả những thứ này đang có mặt trong cuộc sống của chúng ta ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả những thứ này là những sản phẩm của tâm vô minh, sản phẩm của tâm vô trí, sản phẩm của tâm hôn mê, mờ mịt, si ám đối với Ngũ uẩn. **Vô minh - sự không thấy biết rõ về Ngũ uẩn** là đầu mối sản sinh ra những sản phẩm có tên là khổ, phiền não, mệt mỏi, giả dối, tham đắm, sân hận, si mê, bản ngã. Để chấm dứt những sản phẩm vô ý nghĩa này thì Vô minh cần phải được thấy biết và cần phải được diệt tận, trí về Ngũ uẩn cần phải được thành tựu, con đường hay pháp hành đưa đến sự diệt tận vô minh và thành tựu trí về Ngũ uẩn cần phải được thực hành.

Phương pháp Tám đúng hay Thánh đạo Tám ngành hay Bát Chánh Đạo là con đường mà các bậc Thánh nhân, các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tìm thấy, đã phát giác phát hiện và đã tu tập thành tựu con đường này. Các Ngài đã diệt tận được hoàn toàn tất cả những cấu uế, những nhiễm ô trong nội tâm. Nhờ phát giác, phát hiện, chứng ngộ và thành tựu trọn vẹn pháp hành Tám Đúng mà các Ngài mới tuyên bố mình là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó,

chúng ta, những người con Phật ngày nay: “**Chớ có xem thường** Bát Chánh Đạo, chớ có xem thường Phương Pháp Tám Đúng, vì đây là con đường, là đạo lộ tu hành, là phương pháp tu hành, là đường lối tu hành của tất cả các bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai. Đây chính là Tinh hoa Phật trí. Đây chính là Tinh hoa Chánh đẳng Chánh Giác Trí”. Vì vậy, Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng còn được gọi là **Thánh Đạo**, là **Phật Đạo**, là **Chánh Đẳng Chánh Giác Đạo**, là **Giác Ngộ Đạo**, là **Giải thoát Đạo**, là **Niết-bàn Đạo**, là **Tối Thượng Đạo**, là **Tối Thượng Thừa**, là **Phật Thừa**.

- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Thánh đạo**, vì đây là đạo lộ tu tập của tất cả các bậc Thánh nhân.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Phật đạo**, vì đây là con đường tu tập của tất cả các Đức Phật.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Chánh Đẳng Chánh Giác đạo**, vì đây là đường lối tu tập của tất cả các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Giác Ngộ đạo**, vì đây là con đường tu tập đi đến sự giác ngộ hoàn toàn về thân tâm này và thế giới này.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Giải thoát Đạo**, vì đây là con đường tu tập đưa đến sự giải thoát hoàn toàn khỏi tham sân si, giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau.

- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Niết-Bàn đạo**, vì đây là con đường tu tập đưa đến Niết-bàn, đưa đến thể nhập vào Niết-bàn.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Tối thượng Đạo**, vì đây là đạo lộ tối thượng, là phương pháp tu tập tối thượng, là trận đồ tác chiến tối thượng đưa người thực hành đi đến sự diệt tận phiền não, phá sạch vô minh và chấm dứt sanh tử.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Tối thượng thừa**, vì đây là sự kế thừa một pháp hành tối thượng hoàn hảo, là sự thừa tự một đường lối tu tối thượng thiện xảo, là sự thừa tự cỗ xe tối thượng thần diệu của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đưa người thực hành đi đến sự tận diệt sanh tử và khổ đau.
- Phương pháp Tám đúng được gọi là **Phật thừa**, vì đây là sự kế thừa phương pháp tu tập, sự thừa tự pháp hành, sự thừa tự đạo lộ đưa đến giải thoát sanh tử mà các Đức Phật đã thực hành, đã thành tựu và đã truyền trao lại cho đời sau.

Tóm lại, Tinh hoa Phật trí hay Chánh pháp truyền thống, pháp hành truyền thống trong Nikāya chính là Phương Pháp Thần Diệu Tám Đúng, đó là: Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng, Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng, Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ và Định đúng cách. Đây là pháp hành truyền thống của đạo Phật, là pháp hành

truyền thông của các bậc Chánh Đẳng Giác, là đạo lộ tối thượng trong việc nhiếp phục vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn, là con đường tối thượng hoàn hảo, tối thượng thiện xảo, tối thượng thần diệu đưa đến sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não, nước mắt và khổ đau.

Là những người con chân chánh của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, là những bậc thiện tri thức ở trên đời, xin tất cả hãy để lòng lắng lại, hãy để tâm lắng xuống để có thể nghe được, hiểu được, thẩm thấu được, thâm nhập được pháp nghĩa thần diệu hy hữu, tối thượng hy hữu và chiến thắng hy hữu của phương pháp thần diệu Tám sự chân Chánh này. Đừng bao giờ cho phép mình được quên lời nhắn nhủ cuối cùng của Đức Như Lai trước khi Ngài nhập diệt: *“Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ cho các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát.*

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao
Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình
Tự mình làm sở y cho chính mình
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.”*

2.5 Kệ danh lễ Phật đạo vô thượng

1.

Bậc Vô Thượng Sĩ đã ra đời
 Phơi bày sự thật của trần gian
 Vô thượng Phật đạo được khai mở
 Vô thượng Pháp Luân được vận hành.

2.

Bốn Thánh trí được Ngài khai thị
 Bốn sự thật được Ngài phơi bày
 Dòng sanh tử được Ngài nêu rõ
 Cửa bất tử được Ngài mở ra.

3.

Năm thủ uẩn được Ngài chỉ rõ
 Vô minh, dục, ái được trình bày
 Để diệt tận dục, ái, vô minh
 Pháp Tám Chánh được Ngài khai thị.

4.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường thoát khỏi trầm luân,
 Thoát cảnh giới trời, người tạm bợ
 Thoát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

5.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường thoát khỏi khổ đau,
 Mở con đường ra khỏi luân hồi,

Làm dừng lại những dòng nước mắt.

6.

Làm dừng cảnh oan gia, trái chủ

Làm dừng bao cay nghiệt, hận thù

Làm chấm dứt sanh ly tử biệt

Làm diệt tận phiền não, khổ đau.

7.

Làm dừng sự triền miên mệt mỏi

Trong luân hồi chìm nổi, mộng lung

Trong bất an, lo sợ, hãi hùng

Trong mù mịt, cô đơn, cay đắng.

8.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,

Mở con đường thoát khỏi khổ đau,

Nay chúng con theo dấu chân Ngài,

Nguyện tu tập con đường Tám Chánh.

9.

“Thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn

Suy tư chân chánh bỏ tham, sân

Nói lời chân chánh không tạo nghiệp

Thân hành không tạo khổ mình, người

Nuôi mạng chân chánh theo Thánh giới,

Siêng năng chân chánh Bốn việc cần

Quán niệm chân chánh về Bốn chỗ

Định tâm chân chánh theo Bốn thiền”.

10.

“Thấy biết “Bốn Trí về Ngũ uẩn”
 NGHĨ cách từ bỏ “Dục, hại, sân”
 NÓI lời không “Dối, đâm, độc, nhảm”
 LÀM việc lành, không “Sát, trộm, dâm”
 SỐNG nuôi mạng “Năm nghề nên tránh”
 SIỀNG hành trì “Chế, đoạ, tu, trì”
 QUÁN sát nhìn “Thân, thọ, tâm, pháp”
 ĐỊNH tâm tuần tự theo Bốn thiền”.

11.

Tám pháp này gọi là Tám Chánh
 Bỏ-tát tu theo Tám Chánh này
 Ngài thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết
 Thoát luân hồi, phiền não, khổ đau.

12.

Tám Chánh mở đường cho Chánh Trí
 Chánh Giải thoát theo đó khỏi sanh,
 Hành giả bước lên Thuyền Bát Nhã,
 Nhẹ nhàng ra khỏi biển trầm luân.

13.

Trầm luân sanh tử, thế đủ rồi!
 Lên Thuyền Tám Chánh thoát khổ trôi!
 Các Đức Như Lai và Thánh chúng,
 Đều nhờ Tám Chánh thoát khổ đau.

14.

Tám Chánh cỗ xe thân diệu nhất
 Trăm lần ra trận thắng cả trăm
 Phá tan Tám chỗ Vô minh trú
 Phá tan Tám Tà của thế gian.

15.

Tám Chánh cỗ xe thù thắng nhất,
 Trăm lần ra trận thắng cả trăm
 Dục, ái, tham, sân và bản ngã
 Tám Chánh phá tan hang ổ này.

16.

Tám Chánh - nơi mờ chôn bản ngã
 Tám Chánh - nơi triệt phá vô minh
 Tám Chánh - nơi diệt trừ dục, ái
 Tám Chánh - nơi diệt tận tham sân.

17.

Tám Chánh - chỗ vượt phạm chúng Thánh
 Tám Chánh - chỗ vượt thoát khổ đau
 Tám Chánh - chỗ thể nhập Niết-bàn
 Tám Chánh - chỗ xa lìa phiền não.

18.

Tám Chánh - một lối tu hoàn hảo
 Tám Chánh - một lối tu vẹn toàn
 Tám Chánh - một lối tu thân diệu
 Tám Chánh - một lối tu an toàn.

19.

Tám Chánh - một pháp hành chân chánh

Tám Chánh - một pháp hành tinh anh

Tám Chánh - một pháp hành thực tế

Tám Chánh - một pháp hành rõ ràng.

20.

Tám Chánh - Đạo lộ bậc Chánh Giác

Tám Chánh - Đạo lộ của Thánh nhân

Tám Chánh - Đạo lộ chân, thiện, mỹ

Tám Chánh - Đạo lộ bậc trí nhân.

21.

Tám Chánh - Pháp tu tối thiện xảo

Tám Chánh - Thánh pháp chuyển tâm người

Tám Chánh - Phát minh thần diệu nhất

Tám Chánh - Châu báu của cuộc đời.

22.

Tám Chánh - Thần dược cho bất tử

Tám Chánh - Phương pháp thanh lọc tâm

Tám Chánh - Thuyền bát-nhã tối thượng

Tám Chánh - Đường thoát khỏi trầm luân.

23.

Tám Chánh - Tinh hoa trí tuệ Phật

Tám Chánh - Thiện xảo trí Thánh nhân

Tám Chánh - Tinh anh sự giác ngộ

Tám Chánh - Tinh túy của Chánh pháp.

24.

Tám Chánh - Dấu chân các Đức Phật
 Tám Chánh - Dấu vết Đức Như Lai
 Tám Chánh - Gia tài Phật để lại
 Tám Chánh - Trí tuệ Phật truyền trao.

25.

Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật đạo
 Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật thừa
 Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật quả
 Kế thừa Tám Chánh - Kế thừa Phật trí.

26.

Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng thừa
 Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng nhân
 Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng đạo
 Kế thừa Tám Chánh - Tối thượng quả.

27.

Kế thừa Tám Chánh - Đạt Niết-bàn.
 Kế thừa Tám Chánh - Phiền não tan
 Kế thừa Tám Chánh - Sanh tử dứt
 Kế thừa Tám Chánh - Hết khổ đau.

28.

Kế thừa Tám Chánh là Trí tuệ
 Kế thừa Tám Chánh là Khôn ngoan
 Kế thừa Tám Chánh là Thiện xảo
 Kế thừa Tám Chánh là Tinh anh.

29.

Tám Chánh - Tối thượng Khai hoàn ca
 Tám Chánh - Tối thượng Tiên quân ca
 Tám Chánh - Tối thượng Giải thoát trí
 Tám Chánh - Tối thượng Thanh tịnh tâm.
 30.

Tám Chánh - Vô thượng Chánh Đẳng Giác
 Tám Chánh - Trí giác ngộ tối cao.
 Tám Chánh là Vô thượng Phật đạo
 Tám Chánh là Tối thượng Phật thừa.
 31.

Vô thượng Phật Đạo đã khai mở
 Vô thượng Pháp Luân đã vận hành
 Thánh trí Vô thượng đã tỏa sáng
 Bạc Vô Thượng Sĩ đã ra đời.
 32.

Ngài đã mở con đường Tám Chánh,
 Mở con đường đưa đến bình an
 Mở con đường ra khỏi luân hồi,
 Mở cánh cửa bước vào Bất tử.
 33.

Ngài đi trước trên đường Tám Chánh
 Theo dấu chân các Đức Như Lai.
 Con bước sau, theo dấu chân Ngài,
 Lòng hoan hỷ, trào dâng hạnh phúc.
 34.

Ngài đi trước trên đường Tám Chánh
Theo dấu chân các Đức Như Lai.
Nay chúng con theo dấu chân Ngài
Nguyện tu tập con đường Tám Chánh.

3 GIỚI ĐỊNH TUỆ TRONG NIKĀYA

3.1 Pháp Tám Đúng được Giới Định Tuệ thâm nhiếp

Trong Tiểu Kinh Phương Quảng (bài 44, *Trung I*) đã nêu rõ: Pháp Tám Đúng hay Bát Chánh Đạo được thâm nhiếp trong Giới Định Tuệ.

- Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng (hay Nói lời đúng, Hành động đúng, Nuôi mạng đúng) là những pháp nằm trong Thánh giới uẩn.
- Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định (hay Siêng đúng việc, Quán đúng chỗ, Định đúng cách) là những pháp nằm trong Thánh định uẩn.
- Chánh tri kiến, Chánh tư duy (hay Thấy biết đúng, Suy nghĩ đúng) là những pháp nằm trong Thánh tuệ uẩn.

3.2 Thế nào là Giới Định Tuệ trong Đạo Phật?

Trong một số bài kinh như các Kinh Học Giới (*Tăng I*, 426), Kinh Không Thể Rơi Xuống (*Tăng I*, 63), Kinh Samôn Quả (*Trường I*, bài 2) Đức Phật đã nói về Giới Định Tuệ như sau:

(Trích đoạn)

“Này các Tỷ-kheo, có ba học giới này. Thế nào là ba?”

- *Tăng thượng **giới học**,*

- Tăng thượng **tâm** học,
- Tăng thượng **tuệ** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **giới** học?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập các học giới, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **giới** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **tâm** học?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.
- Diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **tâm** học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng **tuệ học**?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: **“Đây là Khổ”**, như thật rõ biết: **“Đây là Khổ tập”**, như thật rõ biết: **“Đây là Khổ diệt”**, như thật rõ biết: **“Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt”**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng **tuệ học**. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba học giới”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, thông qua bài kinh trên, chúng ta thấy rằng Đức Phật đã xác định rõ thế nào là giới hạnh, thiên định và trí tuệ trong đạo Phật. Thiên định trong đạo Phật chính là Tứ thiên, Trí tuệ trong đạo Phật chính là Bốn Thánh Trí về Khổ. Người con Phật cần nắm vững vấn đề này để tu tập cho đúng với Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn để tự thân không lệch khỏi đạo lộ an toàn đưa đến bến bờ giải thoát.

3.3 Năm nguy hiểm cho người phạm giới

Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16)

(Trích đoạn)

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- **Này các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?**

- Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đé Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thân sơ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thân không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được

sanh vào thiên thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàṭaligāma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

3.4 Dòng chảy của Giới Định Tuệ

3.4.1 Kinh Sở Y (Tăng IV, 241)

“Này các Tỷ-kheo,

1. Với ác giới, với phá giới, không hồi tiếc sở y bị diệt. (không có cơ sở để sanh khởi sự không hồi tiếc, không có chỗ nương tựa để sanh khởi sự không hồi tiếc)
2. Với không có không hồi tiếc, với không hồi tiếc không đầy đủ, hân hoan sở y bị diệt.
3. Với hân hoan không có, với hân hoan không đầy đủ, hỷ sở y bị diệt.
4. Với hỷ không có, với hỷ không đầy đủ, khinh an sở y bị diệt.
5. Với khinh an không có, với khinh an không đầy đủ, an lạc sở y bị diệt.
6. Với an lạc không có, với an lạc không đầy đủ, chánh định sở y bị diệt.

7. Với chánh định không có, với chánh định không đầy đủ, như thật tri kiến sở y bị diệt.
8. Với như thật tri kiến không có, với như thật tri kiến không đầy đủ, nhàm chán, ly tham sở y bị diệt.
9. Với nhàm chán, ly tham không có, với nhàm chán, ly tham không đầy đủ, giải thoát tri kiến sở y bị diệt.

Này các Tỷ- kheo:

1. Với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. (có cơ sở để sanh khởi sự không hối tiếc, có chỗ nương tựa để sanh khởi sự không hối tiếc)
2. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có sở y.
3. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có sở y.
4. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có sở y.
5. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có sở y.
6. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có sở y.
7. Với chánh định có mặt, với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có sở y.

8. Với như thật tri kiến có mặt, với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có sở y’.
9. Với nhàm chán, ly tham có mặt, với nhàm chán, ly tham có đầy đủ, giải thoát tri kiến có sở y’”.

3.4.2 Kinh Có Lợi Ích Gì (Tăng IV, 645)

“Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, các **thiện giới** có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Có ý nghĩa **không hối tiếc**, có lợi ích không hối tiếc.

Nhưng bạch Thế Tôn, không hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Không hối tiếc có ý nghĩa **hân hoan**, có lợi ích hân hoan.

Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Hân hoan có ý nghĩa **hoan hỷ**, có lợi ích hoan hỷ.

Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Hoan hỷ có ý nghĩa **khinh an**, có lợi ích khinh an.

Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Khinh an có ý nghĩa **an lạc**, có lợi ích an lạc.

Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--An lạc có ý nghĩa **định**, có lợi ích định.

Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Định có ý nghĩa **như thật tri kiến**, có lợi ích như thật tri kiến.

Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Như thật tri kiến có ý nghĩa **nhàm chán**, có lợi ích nhàm chán.

Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Nhàm chán có ý nghĩa **ly tham**, có lợi ích ly tham.

Nhưng bạch Thế Tôn, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

--Ly tham có ý nghĩa **giải thoát tri kiến**, có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ānanda,

1. Các thiên giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.
2. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

3. *Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.*
4. *Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.*
5. *Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.*
6. *An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.*
7. *Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.*
8. *Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán.*
9. *Nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham.*
10. *Ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.*

*Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp **dẫn đến tối thượng**”.*

3.5 Dòng chảy của Chánh niệm và Giới Định Tuệ

Kinh Niệm (Tăng IV, 44)

“Này các Tỷ-kheo:

- *Khi chánh niệm, tỉnh giác **không** có, với người không có chánh niệm, tỉnh giác, thì tà tâm quý đi đến hủy diệt.*
- *Khi tà tâm quý không có, với người thiếu tà tâm quý, thì chế ngự các căn đi đến hủy diệt.*

- Khi ché ngự các căn không có, với người thiếu ché ngự các căn, thì giới đi đến hủy diệt.
- Khi giới không có, với người thiếu giới, thì chánh định đi đến hủy diệt.
- Khi chánh định không có, với người không có chánh định, thì tri kiến như thật đi đến hủy diệt.
- Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, thì nhàm chán, ly tham đi đến hủy diệt.
- Khi nhàm chán, ly tham không có, với người thiếu nhàm chán, ly tham, thì giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Này các Tỷ-kheo:

- Khi chánh niệm, tỉnh giác có mặt, với người có chánh niệm, tỉnh giác, thì tàm quý đi đến đầy đủ.
- Khi tàm quý có mặt, với người đầy đủ tàm quý, thì ché ngự các căn, đi đến đầy đủ.
- Khi ché ngự các căn có mặt, với người đầy đủ ché ngự các căn, thì giới đi đến đầy đủ.
- Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, thì chánh định đi đến đầy đủ.
- Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, thì tri kiến như thật đi đến đầy đủ.
- Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, thì nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ.

- *Khi nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ”.*

Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rõ dòng chảy tuần tự từ giới hạnh, đưa đến thiền định, đưa đến trí tuệ và đưa đến giải thoát. Đó là định lý đưa đến sự giải thoát sanh tử mà Đức Phật đã phát giác phát hiện ra, hành giả cần nắm vững định lý này để xác định đường hướng tu tập cho tự thân. Ngày nay, khi một người muốn đi đến sự chấm dứt khổ, chấm dứt phiền não, chấm dứt sanh tử thì đây là đạo lộ, đây là lộ trình mà một hành giả cần phải tu tập để đi đến thành tựu ước muốn chân chánh của mình.

3.6 Giới Định Tuệ - Ba việc cần làm của người tu

Trong bài Kinh Cấp Thiết (*Tăng I, 435*), Đức Phật đã nói như sau:

“Này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?”

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy”.

Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- “Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học”.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập”.

Như vậy, thông qua bài kinh trên, chúng ta thấy rằng, Đức Phật đã chỉ dạy rõ: Việc cần làm của một người tu chính là cần phải tu tập và thành tựu giới hạnh, thiền định và trí tuệ. Không có thần lực hay uy lực nào có thể ra lệnh rằng: Ngay hôm nay ta phải được hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh và giải thoát khỏi sanh tử. Không có một thần lực hay uy lực nào có thể làm được công việc này. Nhưng

chính trong khi đang tu tập Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn thì những lậu hoặc, những nhiễm ô, những rác bần và những cấu uế trong nội tâm được tẩy trừ từ từ, được đào thải dần dần khỏi nội tâm.

Bài kinh này chính là những hồi chuông sấm sét mà Đức Phật đã đánh lên để thức tỉnh những tâm thức mê muội, những tâm thức còn chìm đắm trong vô minh, hôn ám, không chịu tu tập soi rọi thân tâm, không chịu quán sát sự thật về thân tâm, không chịu dẫn thân vào đời sống tu hành chân chánh với Giới Định Tuệ, nhưng lại muốn đạt được sự an lạc thật sự, sự giải thoát thật sự khỏi sanh tử, phiền não và khổ đau - Sự kiện như vậy không xảy ra. Giới Định Tuệ là một đường lối tu tập chân chánh, là một pháp hành chân chánh đưa đến sự diệt tận tham sân si, diệt tận những cấu uế lậu hoặc trong tâm. Giới Định Tuệ là một phương pháp tu tập đúng để giải thoát tâm khỏi những khổ đau do sanh tử mang lại. Nếu hành giả muốn thoát khỏi sanh tử, muốn chấm dứt khổ đau nhưng thực hành không đúng cách, không đúng phương pháp đưa đến sự chấm dứt sanh tử và khổ đau thì sanh tử và khổ đau sẽ không thể nào chấm dứt được. Đó là điều mà Đức Phật đã nói trong các kinh: Kinh Cán Búa (*Trung* III, 272), Kinh Phù-di (*Trung* III, bài 126), Kinh Sự Tu Tập (*Tăng* III, 454).

3.7 Ta cũng là con bò - Kinh Sa-môn (Tăng I, 415)

“Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn. Thế nào là ba?

- Thọ trì tăng thượng giới học,
- Thọ trì tăng thượng tâm học,
- Thọ trì tăng thượng tuệ học.

Đây là ba hạnh Sa-môn cần phải làm của Sa-môn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau:

- “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học.
- Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng định học.
- Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng đàn bò nghĩ rằng: “**Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò**”, nhưng nó không có màu sắc giống như con bò. Nó không có tiếng giống như con bò. Nó không có chân giống như con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: “**Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò**”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tâm học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tuệ học như các Tỷ-kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tâm học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

(Hết trích kinh)

Bài kinh này thật đáng để cho người học Phật ngày nay suy ngẫm.

3.8 Vị trí và tầm quan trọng của Giới Định Tuệ trong đạo Phật

Giới Định Tuệ là ba pháp song hành, ba sự tu tập song hành trong đời sống của một người tu. Người có tu tập, có thực hành ba pháp này Đức Phật mới gọi người đó là đệ tử của Ngài. Người không tu tập, không thực hành ba pháp này,

người đó Đức Phật nói là người đã ra ngoài dòng pháp này, đã ở ngoài đạo Phật. Trong Kinh Rời Khỏi (Tăng I, 551), Đức Phật đã tuyên bố điều đó như sau: *“Người không thành tựu Thánh giới, Thánh thiên định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát đó là người đã rời khỏi đạo Phật”*.

Lại nữa, trong nhiều bài kinh, như Kinh Đại Bát Niết-bàn (Bài 16, Trường II), Kinh Giác Ngộ (Tăng I, 549), Kinh Mặt Trời (Tăng III, 418), Đức Phật đã tuyên bố như sau: *“Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy! Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các Thầy”*. Như vậy, câu kinh này có nghĩa là: Luân hồi sanh tử sẽ triền miên nếu không thấy biết, không tu tập và không thành tựu Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát. Câu kinh này là tiếng rống của ngư vương, là tiếng rống con sư tử, là hồi Thánh chuông mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã đánh lên để thức tỉnh chúng sanh trước **vị trí tối thượng** và **lợi ích tối thượng** của Giới Định Tuệ trong sự tu tập đi đến sự giải thoát sanh tử. Câu kinh này đã làm sáng tỏ và xác định rõ tầm quan trọng tuyệt đối của Giới Định Tuệ trong đạo Phật.

Lại nữa, trong kinh Sa-Môn (Tăng I, 415), Đức Phật đã thốt lên những lời sấm sét như sau:

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng đàn bò nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò”, nhưng nó không có màu sắc giống như con bò. Nó không có tiếng giống như con bò. Nó không có chân giống như con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò”.

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **giới** học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **tâm** học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng **tuệ** học như các Tỷ-kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo”.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tâm học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

Như vậy, thông qua các bài kinh trên chúng ta thấy rõ vị trí và tầm quan trọng tuyệt đối của Giới Định Tuệ trong đạo Phật. Ngay chính với Đức Phật, Ngài đã tuyên bố: Do Ngài không giác ngộ, không phát giác phát hiện ra Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ, Thánh giải thoát mà Ngài đã phải chịu sự trầm luân sanh tử trong một thời gian dài vừa qua. Và khi Ngài đã phát giác phát hiện bốn Thánh pháp cao thượng vi diệu này và Ngài đã tu tập thành tựu các Thánh pháp này thì Ngài đã được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh tử. Sau đó, Ngài đã trao truyền lại, chỉ dẫn lại cho chúng sanh, những ai đi theo tu học trong giáo pháp của Ngài nhưng không tu tập và thực hành Giới, Định, Tuệ mà Ngài đã hướng dẫn thì Ngài nói đó là người đã rời khỏi giáo pháp của Ngài. Đó là người đã không đi vào con đường của trí tuệ, giác ngộ và giải thoát. Ví như một con lừa đi theo sau lưng một đàn bò, dù nó tự nhận nó là con bò, nhưng trên thực tế thì nó vẫn chỉ là con lừa mà thôi. Đây là ví dụ cay đắng mà Đức Phật đã dùng để nói về những người đi theo giáo pháp của Ngài nhưng không tu tập, không thực hành theo đúng với giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Ngài đã hướng dẫn.

Tóm lại, giới hạnh chân chánh, thiền định chân chánh và trí tuệ chân chánh như trên là con đường đưa đến chánh giác, là đạo lộ đưa đến chánh giác. Giới Định Tuệ là pháp có vai trò và vị trí tối thượng trong đạo lộ đưa đến sự chấm

dứt sanh tử. Giới Định Tuệ là pháp có tầm quan trọng tối thượng trong sự giải thoát khỏi phiền não và khổ đau của Đức Phật và của các chúng sanh. Giới Định Tuệ là những pháp hành chân chánh mà Đức Phật đã truyền đạt lại, đã chỉ dạy lại cho chúng sanh, để chúng sanh có thể nương tựa theo đây mà tu tập và đi đến sự chấm dứt sanh tử. Người con Phật ngày nay cần đặc biệt suy ngẫm về vấn đề trên để xác định cho mình một đường lối tu tập chân chánh, không bị tiền mất tật mang, đã tràng xe cát.

3.9 Mục đích của Giới Định Tuệ

Trong Phẩm Thứ Mười Bảy (*Tăng I*, 177), kinh Giới (*Tương V*, 268), kinh Pàtimokkha (*Tương V*, 291), kinh Tuyết Sơn (*Tương V*, 99), Đức Phật đã nêu rõ mục đích và lợi ích của các học giới, các giới hạnh, đức hạnh mà Ngài đã thiết lập cho Tăng chúng là như sau:

- Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng.
- Chế ngự các người ác và lạc thú cho thuần tịnh Tỷ-Kheo.
- Sự phòng hộ các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện ngay trong hiện tại và sự ngăn chặn các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện trong tương lai.

- Lòng từ mẫn đối với các gia chủ và đoạn tuyệt các thành phần ác đục.
- Đem lại tín tâm cho kẻ bất tín và làm tăng trưởng những kẻ có tín tâm.
- Cho điều pháp được an trú và để hộ trì giới luật.
- Lấy giới làm nền tảng, an trú trên giới để tu tập Bốn Niệm Xứ.
- Lấy giới làm nền tảng, an trú trên giới để tu tập Bảy Giác Chi.

Lại nữa, trong kinh Trạm Xe (*Trung I*, bài 24), Tôn giả Punna Mantaniputta và Tôn giả Sāriputta đã giải thích sáng tỏ mục đích của Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn:

- **Giới** thanh tịnh có mục đích **tâm** thanh tịnh. Tức là, khi một người có giới hạnh trong sạch thì tâm sẽ được bình yên, an ổn, không lo sợ, không hối hận, không dao động, không bất an, tâm được an tịnh, tâm được định tĩnh, đó là ý nghĩa câu: Giới thanh tịnh có mục đích làm cho tâm thanh tịnh.
- Tâm thanh tịnh có mục đích **kiến** thanh tịnh. Tức là, khi tâm được thanh tịnh, tâm được bình yên, định tĩnh thì cái nhìn, cái thấy về tự thân và xung quanh được trong sáng, rõ ràng, đó là ý nghĩa của câu: Tâm thanh tịnh có mục đích kiến thanh tịnh.

- Kiến thanh tịnh có mục đích **đoạn nghi** thanh tịnh. Tức là, khi cái nhìn cái thấy về tự thân và xung quanh được trong sáng rõ ràng thì nghi ngờ, nghi hoặc được đoạn trừ, tâm không còn nghi ngờ, nghi hoặc. Đó là ý nghĩa của câu: Kiến thanh tịnh có mục đích đoạn nghi thanh tịnh.
- Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích **đạo phi đạo** tri kiến thanh tịnh. Nghĩa là, khi tâm không còn nghi ngờ, nghi hoặc về những gì đang diễn ra trong tự thân và thế giới thì cái nhìn cái thấy về đúng sai, cái nhìn cái thấy về chánh đạo, tà đạo được trong sáng, rõ ràng, minh bạch, không còn mập mờ giữa đen và trắng, không còn mập mờ giữa đạo và phi đạo, chánh đạo và tà đạo. Đó là ý nghĩa của câu: Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh.
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh có mục đích **đạo tri kiến** thanh tịnh. Tức là khi cái nhìn, cái thấy về chánh đạo, tà đạo hay đạo phi đạo đã được rõ ràng, trong sạch, phân minh thì sự thấy biết về đường lối tu tập chân chánh mà mình cần tu tập được xác định rõ ràng. Đó là ý nghĩa của câu: Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh có mục đích đạo tri kiến thanh tịnh.
- Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích **tri kiến** thanh tịnh. Tức là, khi đường lối tu tập chân chánh

đã được thấy biết rõ ràng, phân minh thì cái nhìn cái thấy sẽ đi đến trong sạch, thanh tịnh, chân thật, đúng pháp. Đó là ý nghĩa của câu: Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích tri kiến thanh tịnh

- Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích **vô thủ** trước Bát-niết-bàn. Tức là, khi cái nhìn cái thấy được trong sạch, thanh tịnh, chân thật, đúng sự thật về thân tâm Ngũ uẩn do duyên sanh, vô thường, khổ, vô ngã này thì tâm sẽ đi đến sự buông bỏ Ngũ uẩn một cách hoàn toàn, tâm không còn bất cứ mọi hình thức chấp thủ, dính mắc vi tế nào trước trạng thái tịch tịnh, vắng lặng, không dao động của nội tâm. Đó là ý nghĩa của câu: Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích vô thủ trước Bát-niết-bàn.

Trên đây là đường đi, là đạo lộ, là hành trình đi đến Niết-bàn, hành trình đi đến giải thoát sanh tử của giới hạnh, thiền định, và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn. Đường lối tu tập, đạo lộ tu tập đưa đến giải thoát sanh tử đã được Đức Phật chỉ dẫn, trình bày, phân minh, hiển thị, hiển lộ, khai thị, khai minh, thuyết giảng một cách rất trong sáng, rất chân chánh, rất rõ ràng, không một chút nào mờ ám, tà vạy, không rõ ràng, không trong sáng trong đạo lộ này. Còn gì nữa mà hành giả chưa chịu bắt tay vào tu tập và thực hành ngay một đạo lộ tu học chân chánh như thế này? Còn gì nữa mà hành giả lại phân vân, chần chừ, do dự và tiếp

tục lang thang trong những ngã rẽ tăm tối của vô minh, hôn mê và si ám? Còn gì nữa mà không chịu dần thân trước một đường lối tu rõ ràng, phân minh, trong sáng, rực sáng và chói sáng, đầy ánh nắng mặt trời mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã khai mở và mời gọi bạn hãy dần thân, hãy thực hành và hãy thực chứng? Còn gì nữa, còn chờ đợi gì nữa, còn chần chờ gì nữa, còn mong mỏi gì nữa hỡi những hành giả, hỡi những người con chân chánh của Đức Phật?

3.10 Tam Pháp Ấn trong đạo Phật

Trong Kinh Con Ngựa Thuần Thục (*Tăng I*, 443), Đức Phật đã ví dụ “Giới hạnh ví như là Sắc đẹp của một người tu”. Khi người tu khoác lên mình chiếc áo của giới đức; trang sức, trang điểm cho mình những vật liệu bằng giới hạnh; lấy sự thành tựu đức hạnh, viên mãn trong đức hạnh làm sắc đẹp cho mình thì đó gọi là một người tu đẹp, hay một người tu có sắc đẹp.

- **Giới hạnh** là nét đẹp bên ngoài, là sắc đẹp bên ngoài của người tu.
- **Thiền định** là nét đẹp bên trong của người tu. Khi người tu với một nội tâm có thiền định, có sự định tĩnh, có sự bình tĩnh, có sự thanh tịnh, lắng dịu, dễ chịu, ngọt ngào và sâu lắng trong nội tâm thì đó gọi là một người tu có nét đẹp ở bên trong.

- Nhưng nét đẹp tỏa sáng cả trong lẫn ngoài của người tu chính là một **trí tuệ** bừng sáng, rực sáng và chói sáng khắp thân tâm và cuộc sống này. Trí về tự thân, trí về cuộc sống hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn được tỏa sáng, chói sáng và rực sáng trong tâm của người tu. Đó gọi là người tu có vẻ đẹp tỏa sáng cả trong lẫn ngoài.

Nếu chỉ có giới hạnh nhưng không có thiền định, không thành tựu Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì sự tu hành này không viên mãn, không đẹp hoàn hảo, không đẹp trọn vẹn. Trong kinh Người Có Lòng Tin (*Tăng IV, 246*), Đức Phật đã nói như sau: *“Vị Tỷ-kheo có giới, có lòng tin, nhưng không có nghe nhiều (vẫn không đầy đủ, tuệ không thành tựu), không có tu tập Bốn thiền, không diệt tận các lậu hoặc rác bần trong nội tâm thì vị ấy không được viên mãn về các chi phần này”*.

Người tu là người đang làm đẹp thân tâm của mình, đang làm cho thân tâm mình đẹp từ trong ra ngoài, đẹp từ ngoài vào trong, đẹp trong từng oai nghi, đẹp trong từng cử chỉ, đẹp trong cái nhìn, cái thấy, cái suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự siêng năng, sự quán niệm và sự định tâm. Một người tu đẹp hoàn hảo là một người thành tựu viên mãn tám cái đẹp này trong đời sống của mình.

Tóm lại:

- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là ba nét đẹp mỹ diệu, vi diệu, thù diệu và tuyệt diệu của một người tu.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là ba nét đẹp thanh tao, thanh cao, thanh thoát và cao quý của một người tu.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ là pháp để phân biệt kẻ phàm phu và Thánh đệ tử của Đức Như Lai.
- Giới hạnh, thiền định và trí tuệ chính là Tam pháp ấn, chính là dấu ấn mà Đức Phật đã để lại cho đời để đời xác định tánh thật hư trong những gì đang được gọi là Phật pháp, là Chánh pháp trong đạo Phật ngày nay.

Do đó, người con Phật chân chánh cần phải tìm hiểu một cách nghiêm túc, thận trọng, cẩn trọng nắm biết rõ thế nào là giới hạnh, thế nào là thiền định, thế nào là trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy để tự thân không bị lầm đường, lạc lối trong một đạo Phật phát triển tràn lan như ngày nay. Dù một pháp hành nào, một giáo pháp nào tự xưng là pháp hành, là giáo pháp của Đức Phật, nhưng lại không trình bày, không thuyết giảng, không khai thị, không hướng dẫn một đạo lộ tu tập theo Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dẫn thì đó không phải là giáo pháp thật sự của Đức Phật, đó không phải là pháp hành mà Đức Phật đã thật sự hướng dẫn. Dù một hành giả nào đi vào trong giáo pháp của Đức Phật, tự nhận mình là con của Đức Phật, tự nhận mình đang tu tập

theo đạo Phật, nhưng lại không thực hành Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy thì Đức Phật vẫn không công nhận đó là đệ tử của Ngài. Đó là điều mà Đức Phật đã nói trong các kinh như: Kinh Sa-môn (*Tăng I*, 415), Kinh Sona (*Tương III*, 97), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương V*, 322), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương II*, 33), Kinh Sa-môn Bà-la-môn (*Tương V*, 326), Kinh Đại Bát Niết-bàn (*Trường I*, bài 16)...

Những bài kinh này và còn nhiều bài kinh nữa trong bộ Nikāya đã nêu rõ những ý nghĩa trên. Và tất cả những bài kinh này chính là những dấu ấn mà Đức Phật đã để lại cho chúng sanh, để những ai muốn đi vào trong đạo Phật, muốn tìm hiểu và tu tập theo giáo pháp của Đức Phật, những vị ấy có thể nương theo những dấu ấn này để tìm ra được manh mối giáo pháp của Đức Phật. Khi nương theo ba pháp ấn này, sau khi Đức Phật nhập diệt, người học đạo sẽ có thể xác định, nhận định, kiểm định đâu thật sự là giáo pháp của Đức Phật, đâu thật sự là lời dạy của Đức Phật, đâu thật sự là đường lối tu tập, là đạo lộ tu tập, là pháp hành cần tu tập mà Đức Phật đã hướng dẫn cho các vị Thánh đệ tử chân chánh của Ngài. Tóm lại, Thánh giới, Thánh định và Thánh trí tuệ chính là dấu ấn mà Đức Phật đã để lại để xác chứng đó là pháp hành, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành mà Đức Phật đã trao truyền lại cho cuộc đời này.

Vì vậy, Thánh Giới, Thánh Định, Thánh Trí Tuệ chính là Tam Pháp Ấn trong đạo Phật.

4 GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ HÁN VIỆT

4.1 Dục thủ, Kiên thủ, Giới cấm thủ, Ngã luận thủ

- **Dục thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự muốn nắm giữ những dục lạc, muốn nắm giữ những cảm giác khoan khoái thích thú ham muốn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó gọi là dục thủ.
- **Kiên thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự nắm giữ những hiểu biết, những kiến thức, những tri kiến vậy khác trong vô minh và tham ái. Đó gọi là kiên thủ.
- **Giới cấm thủ** là sự chấp trước, sự dính mắc, sự nắm giữ, sự tuân thủ những giới luật vậy khác nhưng trong vô minh và chấp thủ. Giữ giới vì sợ hãi, vì sợ bị ai trừng phạt. Giữ giới trong mê tín, tà tín, dị đoan, ai bảo sao làm vậy, vô trí trong việc làm của mình, không biết rõ nhân quả trong giới luật mà mình đang gìn giữ, thực hành theo lòng tin, không có chánh kiến, không có trí tuệ, mù mờ trong việc giữ giới của mình. Sự giữ giới như vậy được gọi là giới cấm thủ.
- **Ngã luận thủ** là sự bảo thủ, sự cố chấp, sự nắm giữ những quan niệm mình là vậy, là khác trong quá khứ, hiện tại và vị lai, không thấy biết rõ những quan niệm về cái ta, cái tôi chỉ là những hình thức, những chấp trước về sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà thôi. Do ái đối với Ngũ uẩn sanh khởi nên bốn sự chấp thủ này sanh

khởi. Khi ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt thì bốn sự chấp thủ, bốn sự nắm giữ đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt, tức là dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ được đoạn diệt.

4.2 Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu

- **Dục hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Dục giới. Dục giới là cảnh giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, sự hiện hữu trong cùng một hình thức với thân do dục tạo, như loài người, loài súc vật, một số loài chư Thiên.
- **Sắc hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Sắc giới. Ví như khi nằm mơ, hành giả thấy mình đi đây, đi đó, gặp người này, người khác. Trong giấc mơ đó hành giả thấy mình và người khác cũng có thân, có tướng, có hình, nhưng thân tướng này không phải là thân tướng xác thịt, mà là thân tướng với sắc tướng, sắc hình. Cũng vậy, Sắc giới là cảnh giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, với sự hiện hữu trong cùng một hình thức với thân có sắc tướng có sắc hình, nhưng không phải là những thân do dục tạo. Đó là đời sống của các Ngũ uẩn trong các cõi ma giới, ngạ quỷ giới, địa ngục giới và một số chư Thiên sắc giới như chư Thiên Tứ Đại Thiên Vương, Tam Thập Tam Thiên, Dạ-ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha hóa Tự Tại Thiên... Sự hiện

hữu của các Ngũ uẩn trong cùng một hình thức sắc thân như vậy gọi là sắc hữu hay sắc giới.

- **Vô sắc hữu** là sự có mặt, sự hiện hữu của Vô sắc giới. Vô sắc giới là cảnh giới, là cõi giới, là thể giới của những Ngũ uẩn với sự có mặt, với sự hiện hữu trong cùng một hình thức là không có thân do đục tạo, không có thân bằng hình sắc, và những Ngũ uẩn này hiện hữu trong hình thức thọ tướng hành thức vô biên, hoặc thọ tướng hành thức rộng lớn như hư không, hoặc thọ tướng hành thức với những chiều hướng trống không, rỗng không, như chư Thiên Không vô biên xứ Thiên, Thức vô biên xứ Thiên, Vô sở hữu xứ Thiên, Phi tướng phi phi tướng xứ Thiên. Sự hiện hữu của các Ngũ uẩn trong cùng một hình thức vô biên, rộng lớn, trống không như vậy được gọi là Vô sắc hữu, hay Vô sắc giới.

4.3 Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, hóa sanh

- **Noãn sanh**: là những Ngũ uẩn được sanh ra trong những vỏ trứng, như các loài gà, vịt, chim, một số loài bò sát...
- **Thai sanh**: là những Ngũ uẩn được sanh ra từ những bào thai như loài người và một số loài vật như trâu, bò, heo, chó...
- **Thấp sanh**: là những Ngũ uẩn được sanh ra từ trong sự ẩm thấp, đen tối, hôi thối như những loài sanh từ thịt

thối, cá thối, xác chết thối, phân thối như con dòi, loài bọ ăn phân...

- **Hóa sanh:** là những Ngũ uẩn được sanh ra với thân do duyên phước hoặc nghiệp lực thúc đẩy hóa hiện đến nơi tương ứng với những hành nghiệp đã tạo, như một số chúng sanh trong địa ngục, ma giới, thiên giới...

4.4 Lậu hoặc

Lậu hoặc: Lậu là rò rỉ, rỉ chảy, rỉ ra, âm thầm ngấm vào, âm thầm tiết ra. Hoặc là mê hoặc, mê mờ, mê muội. Lậu hoặc là những sự âm thầm rò rỉ, âm thầm ngấm vào và âm thầm rỉ ra trong tâm mà tâm không thấy không biết, tâm hôn mê, mê mờ, bị mê hoặc trong những hoạt động này. Ví như dục, ái, tham, sân, si đối với Ngũ uẩn đã âm thầm ngấm vào trong nội tâm mà tâm không thấy không biết, rồi những cấu uế này lại âm thầm biểu lộ ra ngoài mà tâm vẫn không thấy không biết. Sự lén lút, ngấm ngầm ăn sâu vào trong nội tâm và rò rỉ tươm ra bên ngoài như vậy gọi là lậu hoặc. Sự không nhìn thấy những hoạt động này đang diễn ra trong thân tâm, đây gọi là vô minh. Có ba lậu hoặc, hay có ba sự rò rỉ, ba sự âm thầm ngấm vào và âm thầm rỉ ra, tươm rỉ ra đang hoạt động vào ra trong thân tâm này, đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

- Dục lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngầm hoạt động của các cảm giác thúc giục, đòi hỏi, thèm muốn trong nội tâm.

- Hữu lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động sanh diệt liên tục, hiện hữu liên tục của những sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
- Vô minh lậu: sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động của những trạng thái si ám, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm.

Vì đây là ba sự rò rỉ trong tâm, ba sự ngấm ngấm hoạt động trong nội tâm và tâm không thấy biết rõ về chúng. Chúng hoạt động lén lút trong tâm, chúng qua mặt tâm, chúng âm thầm dẫn tâm đi vào trong các bào thai, làm cho tâm phải chịu cảnh triền miên trong khổ, triền miên trong trầm luân sanh tử.

Chỉ đến khi nào tâm nhìn thấy rõ được ba lậu hoặc này và tu tập sự đào thải, sự diệt tận ba lậu hoặc này khỏi nội tâm thì khi đó tâm không còn phải đi vào trong các bào thai, không phải tiếp tục chịu đựng những nỗi khổ triền miên trong trầm luân sanh tử và trong nước mắt. Và con đường tu tập, đạo lộ tu tập để nhìn thấy rõ ba lậu hoặc và diệt tận được ba lậu hoặc này chính là phương pháp Tám đúng, tức là thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng và định đúng.

4.5 Vô minh

Vô là không, minh là trong sáng, sáng suốt. Vô minh là sự không trong sáng, không sáng tỏ. Tâm bị vô minh che đậy

tức là tâm bị vẩn đục, tâm không nhìn rõ những lậu hoặc, cấu uế trong nội tâm, tâm không nhìn thấy rõ đục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Trong Nikaya, định nghĩa về vô minh đã được Đức Phật nói như sau:

Kinh Vô Minh (Tương III, 289)

“Ngồi xuống một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- “Vô minh, vô minh”, bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Cho đến như thế nào, một người là vô minh?

*-- Ở đây, này Tỳ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không biết rõ sắc, không biết rõ sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt, không biết rõ **thọ**... không biết rõ **tưởng**... không biết rõ các **hành**... không biết rõ **thức**, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt.*

Này Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh. Và cho đến như vậy, một người là vô minh”.

Kinh Vô Minh (Tương V, 622)

“Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- “*Vô minh, vô minh*”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (*avijjàgato*)?

- *Này Tỳ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.*

Do vậy, này Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ tập”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ diệt”, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.

Như vậy, sự không thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn, hay sự không thấy biết rõ Bốn sự thật về khổ, đó gọi là vô minh. Nhưng không phải sau khi đọc hai bài kinh này, hoặc sau khi nghe giảng về hai bài kinh này thì hành giả đã hết vô minh. Vì rằng hành giả chỉ mới nghe kinh nói, sách nói, người giảng nói chứ hành giả vẫn chưa nhìn ra được sự vận hành, sự hoạt động, sự thúc giục, chi phối, ám ảnh, không chế của Ngũ uẩn trong đời sống hàng ngày của mình. Hành giả vẫn chưa nhìn ra được trạng thái vô minh vẫn đục trong nội tâm, chưa nhìn ra được một cách liên tục và trọn vẹn tất cả những hành tướng của Ngũ uẩn trong tự thân, chưa tìm được mối dây liên kết trong hai bài kinh trên, tự thân

chưa nhìn ra được manh mối của sanh tử và con đường đưa đến sự thoát ly sanh tử, chưa thấy được hành tướng của tham, sân, si, dục, ái, bản ngã đang thể nào trong Ngũ uẩn, chưa thấy được Bốn sự thật về khổ nằm trong Ngũ uẩn.

Tóm lại, hai bài kinh trên đã định nghĩa về vô minh nhưng đây là lý thuyết trong kinh sách, trong lời Phật dạy. Bản phận của hành giả là phải thực chứng lý thuyết này, phải nương theo lý thuyết này để thực thấy, thực biết, thực giác những sự thật đã được nói đến trong lý thuyết, trong kinh sách Phật dạy. Vì vậy, đừng làm tướng sự hiểu biết trên lý thuyết, trên sách vở là hành giả đã hết vô minh. Cho đến khi nào hành giả tự thân mình nhìn ra được Ngũ uẩn trong tự thân, nhìn ra Bốn sự thật về khổ trong tự thân, nhìn ra trạng thái vô minh và khát ái trong tự thân, nhìn ra pháp Tám chánh trong tự thân, khi ấy hành giả phá được lớp màn thứ nhất của vô minh, đó là lớp màn che mờ Ngũ uẩn. Nhưng đó chỉ mới là phá được lớp màn đầu tiên của vô minh, đã nhìn thấy Ngũ uẩn và lậu hoặc, nhưng sự vẫn đục trong nội tâm vẫn còn đó.

- Trạng thái tâm không nhìn thấy rõ Ngũ uẩn, không nhìn thấy rõ bản chất của Ngũ uẩn, không nhìn thấy rõ những hành tướng của Ngũ uẩn, đó gọi là vô minh.
- Sự rò rỉ, sự ngấm ngấm hoạt động của những trạng thái si ám, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm, đó gọi là vô minh lậu.

Khi tu tập chánh kiến, nhìn thấy rõ được Ngũ uẩn đó là hành giả đã phá được vô minh, phá được lớp màn đầu tiên của vô minh. Nhưng vô minh lậu vẫn còn, do đó mà bậc Bất lai vẫn còn vô minh (trong năm thượng phần kiết sử). Vì vậy, đừng lầm tưởng là nhìn thấy rõ mọi hành tướng của Ngũ uẩn là đã hết vô minh, hành giả cần tiếp tục tu tập để đào thải lậu hoặc trong nội tâm, thanh lọc sạch trạng thái vẫn đục trong nội tâm, làm cho tâm được trong sạch thanh tịnh hoàn toàn, thành tựu A-la-hán quả, khi ấy hành giả thật sự hết sạch vô minh.

4.6 Niết-bàn

4.6.1 Niết-bàn là gì?

Mục đích của đạo Phật là thể nhập vào Niết-bàn, là chứng đạt Niết-bàn. Chứng đạt Niết-bàn tức là chứng đạt trạng thái tâm thanh tịnh, tịch lặng. Niết-bàn có nghĩa là tịch lặng. Ví dụ, khi một người tu trong đạo Phật mạng chung thì người ta nói: “Vị ấy đã viên tịch rồi”, tức là vị này đã mất rồi. Cũng vậy, tâm thanh tịnh, tịch lặng là tâm đã tịch, đã mất khả năng sanh khởi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc và đã được sự lặng yên, thanh tịnh một cách hoàn toàn. Mọi khả năng đưa đến sự dao động trong tâm, làm mất thanh tịnh trong tâm đã bị diệt mất, bị

cắt đứt tận gốc rễ, và không thể sanh khởi trở lại trong tương lai.

Tịch lặng ở đây có nghĩa là tất cả những pháp ác bất thiện, những pháp dẫn dắt tâm đi trong sanh tử khổ đau đã bị tịch, đã bị diệt tận, bị diệt mất, chúng không còn có thể sanh khởi trở lại trong tương lai.

- Những trạng thái tham muốn, thúc giục, đòi hỏi trong tâm đã được tịch lặng, được tan biến mất, tức là dục lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận một cách hoàn toàn.
- Những trạng thái Ngũ uẩn dao động sanh diệt liên tục trong tâm đã được tịch lặng, được chấm dứt hoàn toàn, tức là hữu lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận một cách hoàn toàn.
- Những trạng thái si ám, vẩn đục, không trong sáng, không sáng tỏ trong nội tâm được tịch lặng, được phá sạch, được tẩy sạch, được diệt tận hoàn toàn, tức là vô minh lậu đã bị diệt tận, bị đoạn tận hoàn toàn khỏi nội tâm.

Tâm được thanh lọc sạch, được đào thải sạch, được diệt tận hết tất cả những dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, tâm như vậy được gọi là tâm không còn bị sự khống chế, chi phối, dẫn dắt của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Tâm như vậy được gọi là tâm không còn dục, không còn dao động, không còn bị vẩn đục. Tâm như vậy là tâm không còn phải

chịu sự chìm nổi trong biển sanh tử, không còn phải chịu những nổi thống khổ trong phiền não và nước mắt. Tâm như vậy được gọi là tâm thanh tịnh, tâm giải thoát, tâm Niết-bàn.

Kinh Nibbàna (Tương IV, 403)

(Trích đoạn)

“Ngồi một bên, du sĩ Jambukhàdaka nói với Tôn giả Sàriputta:

- “**Niết-bàn, Niết-bàn**”, này Hiền giả Sàriputta, như vậy được nói đến. Này Hiền giả, thế nào là Niết-bàn?

- Này Hiền giả, đoạn tận **tham**, đoạn tận **sân**, đoạn tận **si**, đây gọi là Niết-bàn.

Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Niết-bàn?

- Này Hiền giả, có con đường, có đạo lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

Này Hiền giả, con đường ấy là gì, đạo lộ ấy là gì đưa đến chứng đắc Niết-bàn ?

- Này Hiền giả, đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành** đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này Hiền giả, đây

là con đường, đây là đao lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn ấy.

- *Này Hiền giả, hiền thiện là con đường, hiền thiện là đao lộ đưa đến chứng đắc Niết-bàn. Thật là vừa đủ, này Hiền giả, để **không phóng dật**”.*

(Hết trích kinh)

Kinh Một Tỷ-kheo Khác 2 (Tương V, 18)

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *“Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?*

- *Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là Đoan tâm các lậu hoặc.*

Khi được nói vậy, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *“Bất tử, bất tử”, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?*

- *Đoan tâm tham, đoan tâm sân, đoan tâm si, này Tỷ-kheo, được gọi là **Bất tử**. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là **Con đường đưa đến bất tử**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

Tóm lại, Tâm Niết-bàn là tâm đã tịch lặng tham sân si, đã đoạn tận tham sân si. Tâm đã đoạn tận tham sân si tức là tâm đã diệt tận dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tâm đã diệt tận các lậu hoặc là tâm đã tịch khả năng sanh tử, đã chấm dứt khả năng sanh tử trở lại trong tương lai, đã chấm dứt sự chui vào trong những thân xác Ngũ uẩn duyên sanh, vô thường, tạm bợ, dễ vỡ, dễ tan hoại, nhiều khổ, nhiều bất an, rất mong manh và đầy sợ hãi. Tâm Niết-bàn là tâm đã tịch lặng, đã thanh tịnh, tâm đã được giải thoát hoàn toàn khỏi sanh tử, giải thoát hoàn toàn khỏi phiền não, khổ đau và nước mắt. Đó là ý nghĩa của danh từ Niết-bàn.

Có hai loại Niết-bàn, Hữu Dur Y Niết-bàn và Vô Dur Y Niết-bàn.

4.6.2 Hữu dur y Niết-bàn

Hữu dur y Niết-bàn là trạng thái tâm chắc chắn sẽ đạt đến sự tịch lặng Niết-bàn, nhưng vì còn chút lậu hoặc tàn dư trong nội tâm nên tâm này sẽ còn sanh tử thêm vài lần nữa rồi mới đi đến sự tịch lặng, sự chấm dứt sanh tử một cách hoàn toàn.

Các vị đạt Hữu dur y Niết-bàn, đó là các vị còn có dư tàn một vài sanh y, còn có sự sanh khởi ra một vài thân cuối cùng rồi mới đi đến sự chấm dứt sanh thân, chấm dứt sanh tử. Và đó là các vị trong hàng bốn đôi tám chúng, từ Dự lưu đến Bất lai. Tùy theo sự tàn dư của các kiết sử và lậu

hoặc trong nội tâm mà các vị này sẽ có những sanh y tàn dư sanh y (sanh ra thân) ở đời sau, tương ứng với sự tàn dư của các kiết sử, lậu hoặc trong các vị.

Ví dụ như: Với vị Dự lưu thì tàn dư sanh y của vị này, đó chính là vị này còn phải sanh tử qua lại giữa chư Thiên và loài người bảy lần nữa (tối đa) rồi mới đạt sự chấm dứt sanh tử. Với bậc Nhất lai thì tàn dư sanh y của vị này là còn phải quay lại đời này một lần nữa rồi mới chấm dứt sanh tử. Với bậc Bất lai thì tàn dư sanh y của vị này là còn phải sanh ở Tịnh Cư Thiên rồi mới chấm dứt sanh tử, mới thể nhập trạng thái tịch lặng, Niết-bàn.

Đó gọi là hữu dư y Niết-bàn, tức là còn có một vài tàn dư về sanh y rồi mới thể nhập trạng thái tâm thanh tịnh, tịch lặng, Niết-bàn, chấm dứt sanh tử.

4.6.3 Vô dư y Niết-bàn

Đó là các bậc đã chứng quả A-la-hán. Các vị này khi thân hoại mạng chung thì sanh tử được dừng lại, được chấm dứt một cách hoàn toàn. Các Ngài không còn sanh y, không còn tàn dư sanh y nào nữa cả, không còn phải tiếp tục một đời sống vô thường và đau khổ nào khác nữa, không còn phải chịu đựng một lần sanh tử nào khác nữa.

Trong kinh Nikaya, vấn đề hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn đã được Đức Phật giảng dạy rất rõ ràng. Hành giả có thể tìm hiểu trong các kinh sau: Kinh Sanh Thú Của

Loài người (Tăng III, 371), Kinh Tissa (Tăng III, 379),
 Kinh Không Có Dư Y (Tăng IV, 103)

4.6.4 Kinh Không Có Dư Y (Tăng IV, 103)

(Trích đoạn)

“- Này Sàriputta, có chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sinh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Thế nào là chín?

1. Ở đây, này Sàriputta, có hạng người viên mãn trong các Giới, viên mãn trong Định, nhưng không viên mãn trong Tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị **Trung gian Bát-niết-bàn**. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
2. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định, nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị **Tổn hại Bát-niết-bàn**...
3. ... là vị **Vô hành Bát-niết-bàn**...
4. ... là vị **Hữu hành Bát-niết-bàn**...

5. ... là vị *Thượng lưu*, đi đến **Sắc Cứu Cánh Thiên**, này Sàriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
6. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị **Nhất lai**, còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
7. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Nhất chủng**, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.
8. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị **Gia Gia**, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9. Lại nữa, này Sàriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi **diệt tận ba kiết sử**, là vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi dong ruổi, sau khi luân chuyển, tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sàriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Sàriputta, một số người du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số người sẽ biết: “Có dư y là có dư y” hay một số người sẽ biết: “không có dư y là không dư y”.

Này Sàriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này Sàriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì có sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không đem lai phóng dật. Lại nữa, này Sàriputta, pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này, Đức Phật đã nói rõ cho chúng ta biết rằng có chín hạng người khi chết có dư y nhưng được giải thoát khỏi địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Và chín hạng người đó chính là:

- Bạc Trung gian Bát-niết-bàn
- Bạc Tồn hại Bát-niết-bàn
- Bạc Vô hành Bát-niết-bàn
- Bạc Hữu hành Bát-niết-bàn
- Bạc Thượng lưu Sắc Cứu Cánh Thiên
- Bạc Nhất lai
- Bạc Nhất chủng
- Bạc Gia Gia
- Bạc Dự lưu

Như vậy, chín hạng người này được gọi là các bậc đã chứng nhập hữu dư y Niết-bàn, sự sanh tử còn lại của các vị là rất ít, tùy theo mức độ tàn dư kiết sử, tàn dư lậu hoặc của các vị. Và chắc chắn tất cả các vị này đều sẽ đi đến sự chấm dứt sanh tử, chấm dứt tất cả những phiền não, đau khổ, lo sợ, bất an trong cuộc sống và thể nhập vào sự thanh tịnh, tịch lặng, bình yên, Niết-bàn.

4.6.5 Kinh Tissa (Tăng III, 379)

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakuta (Linh Thứu). Bấy giờ có

hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakuta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.

Thiên nhân khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.

Các Thiên nhân ấy nói như vậy, Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi các Thiên nhân ấy, sau khi được biết: “Bạc Đạo Sư đã chấp nhận”, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm này, này các Tỷ-kheo, có hai Thiên nhân... đi đến Ta... Sau khi nói như vậy, các Thiên nhân ấy đánh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: “Những Thiên nhân nào có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y””.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Tissa mang chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đấy, họ

được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đại uy lực.

Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, biến mất ở Gijjhakuta và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahàmoggallàna từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Hiền giả Moggallàna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Moggallàna! Đã lâu, Hiền giả Moggallàna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi, Hiền giả Moggallàna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Tôn giả Mahàmoggallàna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Phạm thiên Tissa đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahàmoggallàna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuống một bên:

- Những Thiên nhân nào có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”?

- Thưa Hiền giả Moggallàna, Phạm chúng thiên có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

- Nay Tissa, có phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”?

3. - Thưa Hiền giả, không phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

Thưa Hiền giả Moggallāna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trang thái ấy. Những vị ấy không có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

Và thưa Hiền giả Moggallāna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên, không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trang thái ấy; những vị ấy có trí như sau: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”.

4. Ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo được **giải thoát cả hai phần**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này được giải thoát cả hai phần”. Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các Thiên nhân ấy, có trí như sau: “không có dư y là không có dư y”.

5. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo được **tuệ giải thoát**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này được tuệ giải thoát”. Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các Thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “không có dư y là không có dư y”.

6. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo **thân chứng**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: Tôn giả này là vị thân chứng. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “Có dư y là có dư y”.

7. Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo **kiến chí... tín giải thoát... tùy pháp hành**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này là vị tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình”. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: “Hay trong các vị có dư y, vị ấy là vị có dư y”.

8. Rồi Tôn giả Moggallàna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra ở núi Gijjhakùta. Rồi Tôn giả, Mahàmoggallàna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna, đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe.

- Nhưng này Moggallàna, Phạm thiên Tissa không nói cho Thầy về hạng người vô tướng trú thứ bảy.

- Bạch Thế Tôn, nay là thời, bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người trú vô tướng trú bảy. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Này Moggallàna, hãy lắng nghe.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahàmoggallàna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

9. - Ở đây, này Moggallàna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các Thiên

nhân ấy biết về vị ấy như sau: “Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. Như vậy, này Moggallāna, các Thiên nhân ấy có trí ấy như sau: “Có duy là có dư y”.

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này, chúng ta được biết rằng: Chư Thiên ở Phạm chúng thiên có trí tuệ biết được vị nào là có dư y, hay không dư y. Nhưng không phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều biết được như vậy. Những chư Thiên ở Phạm chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ, dung sắc, an lạc, danh tiếng, uy quyền của Phạm thiên, không như thật biết rõ sự xuất ly cao thượng hơn trạng thái ấy, những vị ấy không có trí tuệ biết được vị nào có dư y và vị nào không có dư y. Những chư Thiên ở Phạm chúng thiên không bằng lòng với tuổi thọ, dung sắc, an lạc, danh tiếng, uy quyền của Phạm thiên, những vị ấy có trí tuệ biết được vị nào có dư y và vị nào không có dư y.

- Không có dư y là các bậc: Bậc Giải thoát cả hai phần và bậc Tuệ giải thoát.
- Có dư y là các bậc: Thân chứng, kiến chí, tín giải thoát, tùy pháp hành, vô tướng tâm định. Nhưng để xác định mức độ dư y của các vị này thì các vị phải tự xét mười kiết sử còn tàn dư như thế nào trong các vị, tức là xét khía cạnh thể nhập Dự lưu quả, Nhất lai quả, hay Bất lai quả của các vị.

4.6.6 Kinh Sanh Thú Của Loài Người (Tăng III, 371)

- *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về Bảy sanh thú của loài người và Không chấp thủ Niết-bàn. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy sanh thú của loài người ?*

1). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thương tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra và trở thành nguôi lạnh”.

2). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguôi lạnh”.

3). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguôi lạnh”.

4). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tổn hại Bát-niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguôi lạnh”.

5). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi nhỏ. Miếng vụn ấy ở đấy

sanh ra ngon lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngon lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguôi lạnh vì không có nhiên liệu”.

6). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta...” ... Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngon lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngon lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguôi lạnh vì không có nhiên liệu”.

7). Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.**

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể “văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành ngói lạnh vì không có nhiên liệu”.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài người.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: “Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ”. Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn man tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

Và này các Tỷ-kheo, đây là **Bảy sanh thú của loài người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

(Hết trích kinh)

Thông qua bài kinh này chúng ta lại được học hiểu thêm rằng: Trong Bất lai quả, Tùy theo mức độ tàn dư nhiều ít của năm thượng phần kiết sử (sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh) mà hình thành bảy mức độ Bất lai.

- Trung gian Bát-niết-bàn bậc một
- Trung gian Bát-niết-bàn bậc hai
- Trung gian Bát-niết-bàn bậc ba
- Tồn hại Bát-niết-bàn
- Vô hành Bát-niết-bàn
- Hữu hành Bát-niết-bàn
- Thượng lưu Sắc cứu cánh Thiên.

Tóm lại, trong Bất lai quả có bảy mức độ Bất lai, hay bảy mức độ tàn dư của năm thượng phần kiết sử, do đó, có bảy hạng Bất lai, hay bảy bậc Bất lai, hay bảy mức độ chứng Bất lai quả. Và các vị chứng Bất lai này, sau khi thân hoại mạng chung tại đời này sẽ hóa sanh tại Cõi trời Thanh tịnh (hay còn gọi là Tịnh Cư Thiên).

Có năm cõi trời Thanh tịnh: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thượng lưu Sắc Cứu Cánh Thiên.

Tại các Cõi trời Thanh tịnh này, tất cả các vị được hóa sanh tại đây đều là những vị hết sạch tham dục và sân hận, diệt được ba sự trói buộc tâm dạng thấp đó là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, vì vậy, cõi trời này được gọi là Cõi trời

Thanh tịnh, hay cõi trời của những vị đã trong sạch thân tâm, không còn dục sân tàn dư trong nội tâm. Các vị ở đây có *thân giống nhau, tướng giống nhau*, thân của các vị đều không có khởi dục và khởi sân, tâm của các vị đều không có tư tưởng về dục và sân. Tất cả các vị đều hướng đến sự diệt tận những lậu hoặc tàn dư cuối cùng trong tâm. Nơi đây thật sự là một cảnh giới tối thượng, vi diệu, hiền thiện của chúng sanh với toàn những bậc hiền thiện, thanh tịnh, thanh lương. Nơi đây là cảnh giới tối cao của sanh tử và cũng là cảnh giới cuối cùng của sanh tử. Tất cả các vị sanh tại đây, sau khi hết thọ mạng ở cõi thanh tịnh này, tâm thể nhập vào sự hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, tịch lặng, Niết-bàn.

5 MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT TRONG NIKĀYA

5.1 Mục đích đạo Phật là gì?

5.1.1 Kinh Với Mục Đích Gì (*Tương V, 16*)

1) *Nhân duyên ở Sāvatti.*

2) *Rồi rất nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.*

3) *Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

-- *Ở đây, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo đến hỏi chúng con: “Này chư Hiền, vì mục đích gì, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?” Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, chúng con trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Này chư Hiền, với mục đích liễu tri đau khổ, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama”. Được hỏi như vậy và trả lời như vậy, bạch Thế Tôn, có phải chúng con trả lời đúng với lời nói Thế Tôn, chúng con không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, chúng con trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích?*

4) -- *Này các Tỷ-kheo, các Ông được hỏi như vậy và trả lời như vậy là các Ông trả lời đúng với lời của Ta, các Ông không xuyên tạc Ta với điều không thật, các Ông trả lời đúng pháp và thuận pháp, và những ai là vị đồng pháp, nói*

lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích. Nay các Tỷ-kheo, do mục đích **liễu tri đau khổ** mà Phạm hạnh được sống dưới Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông: “Này Hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến liễu tri đau khổ này?”

Được hỏi vậy, thời các Ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Này chư Hiền, có con đường, có đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ này”.

5) Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến liễu tri đau khổ?

Đây là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến liễu tri *su* đau khổ này.

6) Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

5.1.2 Kinh Ly Tham (Tương V, 47)

1-2) Nhân duyên ở Sāvattthi...

3) -- *Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?”*

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Do mục đích đoạn tận tham, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama”.

4) *Này các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận tham?”*

Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham”.

5) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham?*

*Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

5.1.3 Kinh Kiết Sử (Tương V, 48) (Samyojanam)

1) ...

2)-- Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Vi mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?”

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Vi mục đích đoan tận các kiết sử, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama...”.

3) Này các Tỷ-kheo, nhưng nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Có con đường nào, có đạo lộ nào, này chư Hiền, đưa đến đoạn tận các kiết sử?”

Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Có con đường, có đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử”.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử?

Chính là **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận các kiết sử. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

Kinh Đoạn Tận Các Lậu Hoặc (Tương V, 48)

1) ...

2) “... Vì mục đích đoạn tận các lậu hoặc, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn...

... Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc...”

Kinh Được Giải Thoát Nhờ Minh (Tương V, 49)

1) ...

2) “... Vì mục đích chứng ngộ được quả giải thoát nhờ minh (Vijjāvimutti), này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn...

... Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến chứng ngộ quả giải thoát nhờ minh...”

5.1.4 Kinh Không Chấp Thủ (Tương V, 49)

1) ...

2) *Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Vì mục đích gì, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Sa-môn Gotama?”*

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại ấy như sau: “Vì mục đích hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ, này chư Hiền, Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn”.

3) *Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau: “Có con đường nào, này chư Hiền, có đạo lộ nào đưa đến hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ?”*

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Có con đường, này chư Hiền, có đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ”.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến tịch tịnh hoàn toàn không có chấp thủ? Chính **Thánh đạo Tám ngành** này, tức là chánh tri kiến... chánh định.*

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường, đây là đạo lộ đưa đến hoàn toàn tịch tịnh, không có chấp thủ. Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

5.1.5 Kinh Sa-Môn Hạnh 1 (Tương V, 45)

1-2) Tại Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và quả Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **Sa-môn hạnh**? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **quả Sa-môn hạnh**? Dục lhu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là quả Sa-môn hạnh.

5.1.6 Kinh Sa-Môn Hạnh 2 (Tương V, 45)

1-2) Ở Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Sa-môn hạnh và mục đích Sa-môn hạnh. Hãy lắng nghe.

4) Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **Sa-môn hạnh**? Chính là Thánh đạo Tám ngành này, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Sa-môn hạnh.

5) *Này các Tỷ-kheo, thế nào là mục đích Sa-môn hạnh? Này các Tỷ-kheo, đoan tâm tham, đoan tâm sân, đoan tâm si. Đây gọi là mục đích Sa-môn hạnh (sàmannattho).*

5.1.7 Kinh Devadaha (Trường III, 16)

(Trích đoạn)

1) *Như vậy tôi nghe.*

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại một thị trấn của dân chúng Sakka tên là Devadaha.

2) *Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo du hành ở phía Tây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.*

3) *Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

- Chúng con muốn xin Thế Tôn cho phép chúng con đi đến quốc độ phương Tây. Chúng con muốn trú ở quốc độ phương Tây.

- Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đã xin phép Sàriputta chưa?

- Bạch Thế Tôn, chúng con chưa xin phép Tôn giả Sàriputta.

- *Này các Tỷ-kheo, vậy hãy xin phép Sàriputta. Sàriputta, này các Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, là người đỡ đầu các vị Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh.*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

4) *Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta đang ngồi dưới cây ba đậu (elagalà: cassia), không xa Thế Tôn bao nhiêu.*

5) *Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, các vị ấy nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.*

6) *Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Sàriputta:*

- *Chúng tôi muốn, thưa Hiền giả Sàriputta, đi đến quốc độ phương Tây. Chúng tôi muốn trú ở quốc độ phương Tây. Bậc Đạo Sư đã cho phép chúng tôi.*

7) - *Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-ly hiền trí, các Bà-la-môn hiền trí, các Gia chủ hiền trí, các Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc ưa quán sát (sẽ hỏi): “Bậc Đạo Sư của Tôn giả nói gì,*

tuyên bố gì? Pháp có được chư Tôn giả khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thâm nhập với trí tuệ không?” Để khi trả lời, các Tôn giả có thể lặp lại các ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, có thể trả lời tùy pháp, đúng với Chánh pháp, và không để một vị đồng pháp nào, nói lời đúng pháp, có thể có lý do để quở trách.

8) - Chúng tôi có thể đi đến thật xa, thưa Tôn giả, để nghe tận mặt Tôn giả Sàriputta nói về ý nghĩa của lời nói này! Lành thay, nếu được Tôn giả Sàriputta giải thích ý nghĩa của lời nói này!

9) - Vậy này các Hiền giả, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

10) Này các Hiền giả, có những người đặt câu hỏi với vị Tỷ-kheo thường đi các quốc độ khác nhau: Các Sát-đế-ly hiện trí... các Sa-môn hiện trí. Này các Hiền giả, các bậc hiện trí với óc va quán sát (có thể hỏi): “Bậc **Đạo Sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì?**”. Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: “Này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến **sự điều phục dục và tham**”.

11) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm câu hỏi như sau: Có những vị Sát-đế-ly hiền trí... có những Sa-môn hiền trí. Này chư Hiền giả, các bậc hiền trí với óc quán sát (có thể hỏi): “**Đối với cái gì, bậc Đạo Sư của các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham?**”.

Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: “**Đối với sắc**, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham... **đối với thọ**... **đối với tưởng**... **đối với các hành**... **đối với thức**, bậc Đạo Sư chúng tôi nói về sự điều phục dục và tham”.

12) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): “**Nhưng thấy sự nguy hiểm gì**, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham **đối với sắc**... **đối với thọ**... **đối với tưởng**... **đối với các hành**, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham **đối với thức?**”.

Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Ông cần phải trả lời như sau: “**Này các Hiền giả, đối với sắc**, ai chưa viễn ly tham, chưa viễn ly dục, chưa viễn ly ái, chưa viễn ly khát, chưa viễn ly nhiệt tình, chưa viễn ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sâu, bi, khổ, uru, não. **Đối với thọ**... **đối với tưởng**... **đối với các hành**... **đối với thức**, ai

chưa viển ly tham, chưa viển ly dục, chưa viển ly ái, chưa viển ly khát, chưa viển ly nhiệt tình, chưa viển ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Nay chư Hiền giả, do thấy sự nguy hiểm này đối với sắc mà bậc Đạo Sư của chúng tôi nói lên sự điều phục dục và tham”.

13) Được trả lời như vậy, này các Hiền giả, có thể có người hỏi thêm như sau: Các Sát-đế-ly hiền trí... các Sa-môn hiền trí. Các vị hiền trí có óc quán sát, này các Hiền giả, (có thể hỏi): “**Nhưng thấy sự lợi ích gì**, bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư các Tôn giả nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức?”.

Được hỏi vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời như sau: “Đối với sắc, này các Hiền giả, ai đã viển ly tham, đã viển ly dục, đã viển ly ái, đã viển ly khát, đã viển ly nhiệt tình, đã viển ly khát ái, khi sắc ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, này các Hiền giả, ai đã viển ly tham, đã viển ly dục, đã viển ly ái, đã viển ly khát, đã viển ly nhiệt tình, đã viển ly khát ái, khi thức ấy biến hoại, đổi khác, sẽ không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não. Do thấy sự lợi ích này, này các Hiền giả, bậc Đạo Sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành; bậc Đạo Sư

của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham đối với thức” ...

(Hết trích kinh)

5.1.8 Kinh Phạm Hạnh (Tăng I, 597)

1. Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích môn trốn quần chúng, không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán, không với ý nghĩ: “Mong quần chúng biết ta như vậy”.

Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích được chế ngự, với mục đích đoạn tận, với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt.

*2. Với mục đích **chế ngự**,*

*Với mục đích **đoạn tận**,*

Là đời sống Phạm hạnh,

Tránh xa lời nói suông,

Thế Tôn đã tuyên bố,

Đi đến nhập Niết-bàn,

Con đường này được đi,

Bởi đại nhân, đại sĩ,

*Ai dẫn bước thực hành,
Đúng như lời Phật dạy,
Sẽ chấm dứt khổ đau,
Làm theo Đạo Sư dạy.*

5.1.9 Kinh Tôn Giả Mahàkotthita (Tăng IV, 108)

1. Rồi Tôn giả Mahàkotthita đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàkotthita nói với Tôn giả Sàriputta:

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong hiện tại”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả. Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là không thuần thực”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuần thực”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sàriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ”?

- Không phải vậy, thưa Hiền giả.

2. Thưa Hiền giả Sàriputta, vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong tương lai?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ hiện tại?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc

thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao khi được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ thuần phục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là không thuần phục?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ không thuần phục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là thuần phục?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều?”
 Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”.

Vì sao được hỏi: “Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: “Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ?” Hiền giả trả lời: “không phải vậy, thưa Hiền giả”. Vì mục đích gì sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn?

3. - Thưa Hiền giả, với những gì không biết, không thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

- Nhưng thưa Hiền giả, do không biết gì, không thấy gì, không đạt gì, không chứng ngộ gì, không hiện quán gì, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

- “**Đây là Khổ**”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

“**Đây là Khổ tập**”...

“Đây là Khổ diệt”...

“Đây là con Đường đưa đến khổ diệt”, này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Thưa Hiền giả, đây là điều không được biết, không được thấy, không đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

5.1.10 Kinh Trạm Xe (Rathavivutasutta) (Trung I, bài 24)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivapa. Lúc ấy một số đông Tỷ-kheo người địa phương, sau khi an cư mùa mưa tại địa phương xong, liền đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, ai ở tại địa phương được các Tỷ-kheo đồng phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và giảng về thiếu dục cho các Tỷ-

kheo; tự mình tri túc và giảng về tri túc cho các Tỷ-kheo; tự mình độc cư và giảng về độc cư cho các Tỷ-kheo; tự mình không ô nhiễm và giảng về không ô nhiễm cho các Tỷ-kheo; tự mình tinh cần, tinh tấn và giảng về tinh cần, tinh tấn cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giới hạnh và giảng về thành tựu giới hạnh cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu Thiền định và giảng về thành tựu Thiền định cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu trí tuệ và nói về thành tựu trí tuệ cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát và nói về thành tựu giải thoát cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và nói về thành tựu giải thoát tri kiến cho các Tỷ-kheo; vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ”.

– *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Punna Mantaniputta là Tỷ-kheo địa phương được các Tỷ-kheo đồng phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và nói về thiếu dục cho các Tỷ-kheo... (như trên)... vị làm cho các vị đồng phạm hạnh hoan hỷ”.*

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sariputta ngồi cách Thế Tôn không xa. Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: “Hạnh phúc thay Tôn giả Punna Mantaniputta! Chon hạnh phúc thay Tôn giả Punna Mantaniputta! Tôn giả đã được các vị đồng phạm hạnh có trí tán thán từng điểm một trước mặt bậc Đạo Sư, và được bậc Đạo Sư chấp nhận; có thể chúng ta

sẽ gặp Tôn giả Punna Mantaniputta, tại một chỗ nào, trong một thời gian nào, có thể sẽ có một cuộc đàm luận với Tôn giả.

Thế Tôn trú tại Rajagaha (Vương Xá) lâu cho đến khi vừa ý, rồi khởi hành đi Savatthi; Ngài tuần tự đi và đến Savatthi. Ở đây, Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika. Tôn giả Punna Mantaniputta được nghe: “Thế Tôn đã đến Savatthi, trú ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika”. Rồi Tôn giả Punna Mantaniputta thu dọn lại sàng tọa, cầm y bát, khởi hành đi Savatthi. Tôn giả tuần tự đi đến Savatthi, Jetavana, vườn ông Anathapindika, đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Punna Mantaniputta đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Tôn giả Punna Mantaniputta, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ đi Andhavana để nghỉ trưa.

Rồi một Tỷ-kheo khác đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến, thưa với Tôn giả Sariputta: “Hiền giả Sariputta, Hiền giả luôn luôn tán dương Tỷ-kheo Punna Mantaniputta; vị này được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân

bên hữu hướng về Ngài, từ tạ đi đến Andhavana để nghỉ trưa”. Rồi Tôn giả Sariputta vội vã đem theo tọa cụ, đi theo sau lưng Tôn giả Punna Mantaniputta, đầu hướng về trước mặt (để theo dõi). Rồi Tôn giả Punna Mantaniputta đi sâu vào rừng Andhavana, và ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Tôn giả Sariputta, sau khi đi sâu vào rừng Andhavana, ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi vào buổi chiều, Tôn giả Sariputta từ Thiền định độc cư đứng dậy, đến tại chỗ Tôn giả Punna Mantaniputta, sau khi đến nói lên với Tôn giả Punna Mantaniputta những lời chào đón, hỏi thăm, xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta thưa với Tôn giả Punna Mantaniputta:

– Hiền giả, có phải chúng ta sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Thật như vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích giới thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích tâm thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy

của Thế Tôn là mục đích kiến thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích đạo tri kiến thanh tịnh?

- Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả...

– Hiền giả, vậy với mục đích gì, sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

*– Hiền giả, với mục đích **Vô thủ trước Bát-niết-bàn**, nên sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn.*

– Hiền giả, có phải giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– *Hiền giả, có phải tâm thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đoạn nghi thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải đạo tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy.*

– *Hiền giả, có phải cái gì ngoài các pháp này là vô thủ trước Bát-niết-bàn?*

– *Hiền giả, không phải vậy...*

– *Hiền giả, vậy ý nghĩa lời nói này cần phải được hiểu như thế nào?*

– *Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố giới thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố tâm thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố kiến thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đoạn nghi thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh... nếu Thế Tôn tuyên bố đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố tri kiến thanh tịnh là vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với hữu thủ trước Bát-niết-bàn.*

Hiền giả, và nếu Thế Tôn tuyên bố cái gì ngoài các pháp ấy là vô thủ trước Bát-niết-bàn, thì kẻ phàm phu có thể Bát-niết-bàn, vì này Hiền giả, phàm phu là ngoài các pháp ấy. Hiền giả, tôi sẽ cho Hiền giả một ví dụ, ở đây, một số kẻ có trí, nhờ ví dụ để hiểu ý nghĩa của lời nói.

*Hiền giả, như vua Pasenadi xứ Kosala trong khi ở tại Savatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Saketa, và **bảy trạm xe** được sắp đặt cho vua giữa Savatthi và Saketa.*

Hiền giả, rồi vua Pasenadi xứ Kosala, từ cửa nội thành ra khỏi Savatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm xe thứ nhất đến được trạm xe thứ hai.

Từ bỏ trạm xe thứ nhất, leo lên trạm xe thứ hai, nhờ trạm xe thứ hai đến được trạm xe thứ ba.

Từ bỏ trạm xe thứ hai, leo lên trạm xe thứ ba, nhờ trạm xe thứ ba đến được trạm xe thứ tư.

Từ bỏ trạm xe thứ ba leo lên trạm xe thứ tư, nhờ trạm xe thứ tư, đến được trạm xe thứ năm.

Từ bỏ trạm xe thứ tư, leo lên trạm xe thứ năm, nhờ trạm xe thứ năm đến được trạm xe thứ sáu.

Từ bỏ trạm xe thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu đến được trạm xe thứ bảy.

Từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy đến được Saketa, tại cửa nội thành.

Khi vua đến tại cửa nội thành, các bộ trưởng cận thân, các thân thích cùng huyết thống hỏi như sau:

“– Tâu Đại vương có phải với trạm xe này, Bệ hạ đi từ Savatthi đến Saketa tại cửa nội thành?”

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế nào mới gọi là trả lời đúng đắn?

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế này mới trả lời đúng đắn:

“– Ở đây, trong khi ta ở Savatthi, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Saketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho ta,

giữa Savatthi và Saketa. Ta từ cửa nội thành ra khỏi Savatthi, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm xe thứ nhất... trạm xe thứ hai... trạm xe thứ ba... trạm xe thứ tư... trạm xe thứ năm... trạm xe thứ sáu... trạm xe thứ bảy... Ta đến được Saketa, tại cửa nội thành”.

Hiền giả, vua Pasenadi nước Kosala trả lời như vậy mới trả lời một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này Hiền giả:

- Giới thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) tâm thanh tịnh;
- Tâm thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) kiến thanh tịnh;
- Kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đoạn nghi thanh tịnh;
- Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh;
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) đạo tri kiến thanh tịnh;
- Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) tri kiến thanh tịnh;
- Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích (đạt cho được) vô thủ trước Bát-niết-bàn. Này Hiền giả, sống phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích vô thủ trước Bát-niết-bàn.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Punna Mantaniputta:

– Tôn giả tên là gì? Và các vị đồng phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tên tôi là Punna và các vị đồng phạm hạnh biết tôi là Mantaniputta.

– Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo Sư, và vị đệ tử ấy là Tôn giả Punna Mantaniputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh! Thật chon hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punna Mantaniputta! Nếu các vị đồng phạm hạnh đội Tôn giả Punna Mantaniputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, để được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chon hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chon hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punna Mantaniputta!

Khi được nói vậy, Tôn giả Punna Mantaniputta nói với Tôn giả Sariputta:

– Tôn giả tên là gì, và các vị đồng phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tôi tên là Upatissa, và các vị đồng phạm hạnh biết tôi là Sariputta.

– Tôi đang luận bàn với bậc đệ tử được xem là ngang hàng với bậc Đạo Sư mà không được biết là Tôn giả Sariputta. Nếu chúng tôi được biết là Tôn giả Sariputta, thì chúng tôi đã không nói nhiều như vậy. Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một, bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo Sư. Và vị đệ tử ấy là Tôn giả Sariputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh! Thật chon hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh... được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sariputta! Nếu các vị đồng phạm hạnh đội Tôn giả Sariputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, được thân cận, thì thật hạnh phúc cho các vị ấy, thật chon hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chon hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sariputta!

Như vậy, hai bậc cao đức ấy cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

5.1.11 Kinh Bất Tử (Tương V, 65)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi...

2) Cũng như, này các Tỷ-kheo, đối với tất cả loại hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tướng hay không tướng, hay không có tướng và không không có tướng; Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thiên pháp gì, tất cả đều lấy không phóng dật làm căn bản, đều lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ. Không phóng dật được gọi là tối thượng đối với tất cả pháp ấy.

3) Với Tỷ-kheo không phóng dật, này các Tỷ-kheo, chớ đợi rằng **Thánh đạo Tám ngành** được tu tập, Thánh đạo tám ngành được làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành và làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến, lấy **bất tử** làm chỗ hội nhập, lấy **bất tử** làm mục đích, lấy **bất tử** làm cứu cánh. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định, lấy **bất tử** làm chỗ hội nhập, lấy **bất tử** làm mục đích, lấy **bất tử** làm cứu cánh.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

5.1.12 Kinh Các Vị A-La-Hán (Tương III, 155)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

4-6)... thọ... tưởng... các hành là vô thường...

7) Này các Tỷ-kheo, thức là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã cần phải như thật thấy với chánh trí tuệ là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

8) Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành. .. đối với thức.

9) Do nhàm chán nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành,

những việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

10) Nay các Tỷ-kheo, cho đến hữu tình cư (Sattavasa), cho đến tốt đánh của hữu (Bhavaggam), những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán.

11) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

1) An lạc, bậc La-hán,
Họ không có khát ái,
Ngã mạn khéo chặt đứt,
Lưới si bị phá rách.

2) Họ đạt được **Bất động**,
Tâm viên ly ô trược,
Không nhiễm trước thế gian,
Bậc Phạm thiên vô lậu.

3) Họ biến tri **Năm uẩn**.
Do hành **Bảy Chánh pháp**.
Bậc Chân nhân tán thán,
Con đích tôn chư Phật.

4) Đây đủ **Bảy món báu**,
Ba học đều thành tựu,
 Bậc đại hùng du hành,
 Đoạn tận mọi sợ hãi.

5) Đây đủ **Mười uy lực**,
 Bậc Long tượng Thiên định.
 Họ tối thắng ở đời,
Khát ái được đoạn tận.

6) Thành tựu **Vô học trí**,
 Thân này thân tối hậu,
 Cứu cánh của Phạm hạnh,
 Đạt được không nhờ ai.

7) Đối các tướng, không động,
 Giải thoát khỏi tái sanh,
 Đạt được điều phục địa,
 Họ chiến thắng ở đời.

8) Thượng, hạ cùng tả, hữu.

Họ không có hỷ lạc,

Họ rỗng sự tử rỗng,

Phật vô thượng ở đời!

5.1.13 Giải mã các mục đích trên

Trên đây, chúng tôi đã trích dẫn một số bài kinh nói về mục đích của sự tu học dưới sự chỉ dạy của Đức Phật. Còn một số bài kinh khác nữa liên hệ đến vấn đề này, nhưng nhìn chung thì ý nghĩa của những bài kinh đó không ra ngoài ý nghĩa các bài kinh trên. Vì vậy, chúng tôi không trích dẫn thêm.

Như vậy, thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rằng mục đích của đạo Phật, mục đích của sự tu học dưới sự chỉ dẫn của Đức Phật chính là:

- Liễu tri đau khổ (thấy biết tường tận về đau khổ),
- Đoạn tận tham sân si,
- Đoạn tận các kiết sử,
- Đoạn tận các lậu hoặc,
- Được giải thoát nhờ mình,
- Hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ,
- Điều phục dục và tham,
- Chứng ngộ Bốn sự thật về Khổ

- Vô thủ trước Bát-niết-bàn (hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ, hay không chấp thủ trước sự tịch lặng hoàn toàn).
- Hội nhập vào bất tử.

Tóm lại, với các bài kinh trên chúng ta thấy rằng mục đích của đạo Phật được nói đến với nhiều góc độ, nhiều khía cạnh, nhiều danh từ khác nhau. Vậy làm sao chúng ta có thể tìm được điểm chung, điểm kết nối giữa các vấn đề này?

Để có thể đưa những vấn đề trên về chung một mối cho người tu đạo để nắm bắt, để tu học, chúng ta cần rõ biết như sau:

- Vì năm thủ uẩn này là khổ nên liễu tri đau khổ tức là liễu tri năm thủ uẩn.
- Đoạn tận tham sân si, chính là đoạn tận tham sân si đối với Ngũ uẩn.
- Đoạn tận các kiết sử, chính là đoạn tận những trói buộc đối với Ngũ uẩn.
- Đoạn tận các lậu hoặc, chính là đoạn tận lòng dục đối với Ngũ uẩn (đoạn tận dục lậu), đoạn tận sự sanh sản của Ngũ uẩn (đoạn tận hữu lậu), đoạn tận trạng thái tâm vô minh, vô trí không thấy biết rõ Ngũ uẩn (đoạn tận vô minh lậu)

- Được giải thoát nhờ minh, tức là tâm được giải thoát khỏi mọi chấp thủ đối với Ngũ uẩn nhờ trí tuệ trong sáng thấy biết rõ Ngũ uẩn.
- Hoàn toàn tịch tịnh không có chấp thủ, tức là tâm hoàn toàn không còn một chút dao động, không còn một chút dính mắc nào đối với Ngũ uẩn và tâm cũng không thậm có một chút tư ý chấp trước nào trước trạng thái không động chuyển này trong tâm.
- Điều phục dục và tham, tức là tâm đã điều phục được lòng dục và lòng tham đối trước Ngũ uẩn.
- Chứng ngộ Bốn sự thật về Khổ, tức là liễu tri đau khổ. Và liễu tri đau khổ chính là liễu tri về năm thủ uẩn, là thành tựu Bốn Thánh trí về năm thủ uẩn.
- Vô thủ trước Bát-niết-bàn (không chấp thủ trước sự tịch lặng hoàn toàn). Bát-niết-bàn có nghĩa là hoàn toàn tịch tịnh. Vô thủ trước Bát-niết-bàn có nghĩa là tâm hoàn toàn tịch tịnh và không chấp thủ trước trạng thái hoàn toàn tịch tịnh này. Câu này đã được giải thích ở trên.
- Hội nhập vào bất tử, vấn đề này cần hiểu rằng: Ngũ uẩn là pháp sanh tử, do đó, nếu còn tham sân si đối với Ngũ uẩn thì sẽ chìm nổi trong sanh tử. Nhưng nếu đoạn tận được tham sân si đối với Ngũ uẩn thì khi đó tâm không còn bị chìm nổi khổ đau trong sanh tử, tâm chấm dứt được sanh tử, tâm thể nhập

vào bất tử. Như vậy, để có thể hội nhập vào bất tử, chấm dứt sanh tử thì tâm phải đoạn tận được những tham ái, dính mắc, trói buộc đối với những pháp sanh tử, tức là tâm phải đoạn tận được tham sân si, lậu hoặc, vô minh đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, tuy với nhiều cách nói khác nhau nhưng nếu với trí tuệ thông suốt chúng ta sẽ nhìn ra được chân tướng của tất cả những vấn đề trên và đưa chúng về một mối: Đức Phật nói về mục đích của đạo Phật, mục đích của đời sống tu hành trong sạch thanh tịnh dưới sự chỉ dạy của Ngài. Khi đó, hành giả nắm bắt một cách rõ ràng, chính xác rằng mục đích tu học dưới sự chỉ dạy của Đức Phật chính là để khai mở trí về Ngũ uẩn trong tự thân và đi đến sự đoạn tận những dục, ái, tham, sân, si, lậu hoặc, vô minh đối với Ngũ uẩn, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Khi đã xác định rõ mục đích của đạo Phật một cách chân chánh đúng pháp như vậy, khi không còn mập mờ về mục đích của đạo Phật thì hành giả mới có thể chân chánh bắt tay đi vào sự tu học theo sự chỉ dạy của Đức Phật, trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mát, phân tán, nghi ngờ (nghi ngờ sao bài kinh này nói mục đích của đạo Phật là vậy, còn bài kinh kia lại nói mục đích của đạo Phật là khác). Khi khéo nắm bắt được cốt tủy của Nikaya, cốt tủy trong lời Phật dạy, và khéo liên hệ các vấn đề lại với nhau, hành giả sẽ giải phá được nghi ngờ trong sự tu học theo lời Phật dạy

trong Nikaya và sẽ không sợ bị rơi vào trong những đường lối tu học ngô cụt, lệch lạc mà sau này trà trộn đưa thêm vào trong đạo Phật.

Như vậy, mục đích của đạo Phật và mục đích xuất gia khi xưa của thái tử Tất Đạt Đa có gì khác nhau hay không?

5.2 Truy tìm nguồn cội mục đích đạo Phật

5.2.1 Thái tử Tất-Đạt-Đa xuất gia vì mục đích gì?

Thái tử Tất Đạt Đa từ bỏ phụ thân, từ bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con thơ để ra đi tìm câu trả lời cho vấn đề *“Sử nhục thay cho cuộc sống này, vì sao sanh ra lại phải bị bệnh, bị già, bị chết? Có phương pháp nào, có đạo lộ nào để thoát khỏi nạn sanh, già, bệnh, chết này không?”*. Trăn trở này cũng chính là mục đích xuất gia của Thái tử. Và sau khi xuất gia, sau khi đã tìm được câu trả lời cho vấn nạn vì sao có sanh, già, bệnh, chết và một pháp tu đưa đến thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Thái tử Tất Đạt Đa khi ấy được gọi là *“Bậc đã giác ngộ, bậc đã phát giác phát hiện sự thật về sanh, già, bệnh, chết và Ngài đã tu tập thành tựu sự chấm dứt hoàn toàn, sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết”*. - Danh từ Phật hay Đức Phật là có ý nghĩa như vậy.

Khi thái tử Tất Đạt Đa thành tựu trí tuệ thấy được ***Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết*** và thành tựu sự tu tập đưa đến chấm dứt sanh, già, bệnh, chết; Ngài đã thuyết giảng,

trình bày, khai thị, phân minh, hiển lộ Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết cho chúng sanh để những ai chán ngán sanh tử, chán ngán những trò vô thường, mây khói của sanh tử có thể nương theo sự chỉ dẫn của Ngài, quán sát và thành tựu trí tuệ về Bốn sự thật này và tu tập đi đến sự chấm dứt những mệt mỏi, phiền não do sanh tử mang lại. Đó là lý do trong nhiều bài kinh Đức Phật đã nói: Xưa kia và nay, hay *Trước kia và nay, Ta chỉ tuyên giảng về Khổ và Con đường diệt khổ*. Và Sanh, già, bệnh, chết chính là Khổ và Con đường diệt khổ chính là Con đường đưa đến chấm dứt sanh, già, bệnh, chết.

5.2.2 Vì sao có sự trầm luân trong sanh tử?

- **Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần II)**
(Trích đoạn)

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ānanda: “Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kotigāma”.

- “Xin vâng, bạch Thế Tôn”. Tôn giả Ānanda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigāma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, **chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?**

- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.*

*Này các Tỷ-kheo, **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu**, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.***

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiên Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống

khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

(Hết trích kinh)

• **Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16) (Phần IV)**

(Trích đoạn)

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesāli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesāli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, Thế Tôn nhìn Vesāli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesāli. Nay Ānanda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagāma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagāma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, **chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?**

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi

lăn trong biển sanh tử.

- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*
- *Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.*

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch nay không còn một đời sống nào nữa.

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

Gotama danh xưng đã chứng ngộ.

Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo.

Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh lạc.

(Hết trích kinh)

Trong phần kinh đầu, Đức Phật đã nói rõ: Chính vì Ngài không giác ngộ, không thông hiểu Bốn sự thật về cuộc đời này mà Ngài và chúng ta đã phải lưu chuyển luân hồi lâu năm như thế này. Và khi Bốn sự thật về cuộc đời đã được giác ngộ, đã được thông hiểu thì lòng tham ái đối với sự hiện hữu của những Ngũ uẩn vô thường này được trừ diệt, sự dẫn dắt đến những đời sống mới đầy khổ và phiền não được đoạn tuyệt, từ nay không phải luân hồi sanh tử nữa.

Đoạn kinh này đã làm sáng tỏ vấn đề về nguyên nhân của luân hồi sanh tử đó là: Luân hồi sanh tử có mặt do không nhìn thấy rõ Bốn sự thật về sanh tử hay Bốn sự thật về cuộc đời. Nhưng khi Bốn sự thật về cuộc đời được nhìn thấy thì lòng tham ái đối với sanh tử, tham ái đối với những đời sống vô thường, tạm bợ, mộng lung, bất an, đầy phiền não này sẽ được chấm dứt. Khi ái đối với sanh tử được chấm dứt thì sanh tử sẽ chấm dứt.

Như vậy, đoạn kinh này đã nêu rõ tầm quan trọng của trí tuệ thấy biết rõ Bốn sự thật về cuộc sống, hay Bốn sự thật về Sanh tử, hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn. Nếu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn không được thấy biết, không được thành tựu, không được chứng đắc thì sanh tử không thể dừng lại, khổ đau không thể chấm dứt. Nếu Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn được thấy biết, được thành tựu, được chứng

đắc thì sanh tử sẽ dừng lại, đau khổ sẽ chấm dứt. Thế nên, sự tu học Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn là tuyệt đối quan trọng đối với những ai muốn cầu tìm sự giải thoát sanh tử.

Trong phần kinh thứ hai, Đức Phật cũng đã tuyên bố: Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh giới, Thánh định, Thánh tuệ và Thánh giải thoát mà Ngài đã phải lâu đời trôi lăn trong biển sanh tử. Và khi bốn Thánh pháp này được chứng ngộ, được chứng đạt thì sự tham ái một đời sống đầy phiền não trong tương lai được trừ diệt, những nguyên nhân đưa đến một đời sống mới trong khổ đau được dứt sạch, nay không còn phải luân hồi sanh tử nữa.

Đoạn kinh này đã nêu bật được tầm quan trọng của Giới, Định, Tuệ trong đạo Phật. Người muốn vượt thoát lưới sanh tử nhưng không hiểu biết và không tu tập các pháp này thì không thể vượt thoát được lưới sanh tử. Đây là điều mà những người muốn chấm dứt sanh tử cần chiêm nghiệm sâu sắc.

5.2.3 Bốn sự thật về Sanh tử

Thế nào là Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết?

▪ Sự thật thứ nhất

Tâm cố chấp, bám víu, dính mắc, trói buộc với Ngũ uẩn phải chịu đựng những phiền não, khổ đau về sanh, già, bệnh, chết. Sanh, già, bệnh, chết, phiền não, khổ đau chính

là những hành tướng, những hoạt động, những kết quả, những thành quả có được của tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn. Sanh là Ngũ uẩn sanh, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự sanh. Già là Ngũ uẩn già, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự già. Bệnh là Ngũ uẩn bệnh, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự bệnh. Chết là Ngũ uẩn chết, tâm chấp thủ Ngũ uẩn chịu sự chết.

Tóm lại, sự thật thứ nhất về sanh, già, bệnh, chết đó là: Sự sanh, sự già, sự bệnh, sự chết chính là Ngũ uẩn sanh, Ngũ uẩn già, Ngũ uẩn bệnh, Ngũ uẩn chết. Hay nói đúng hơn là: *Sanh, già, bệnh, chết, phiền não và khổ đau chính là Tâm có chấp, bám víu, dính mắc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ hai

Vô minh hay sự không thấy biết rõ “*bản chất của sanh, già, bệnh, chết chính là Ngũ uẩn và tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn*” nên tham ái, dính mắc, khao khát, thèm muốn đối với sự sanh. Do có sanh nên có già yếu, bệnh tật, chết chóc, khổ đau. Như vậy, sự thật thứ hai về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Sanh, già, bệnh, chết có mặt là do tâm bị vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ ba

Khi hết vô minh, khi thấy biết rõ “*bản chất của sanh, già, bệnh, chết chính là Ngũ uẩn và tâm chấp thủ đối với Ngũ uẩn*” thì những tham ái, dính mắc, khao khát, thèm muốn

đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt.

Do ái đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt nên những chấp thủ, nắm giữ, dính mắc đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ được đoạn diệt.

Do bốn sự cố chấp, chấp thủ đối với Ngũ uẩn được đoạn diệt nên những hình thức hiện hữu của Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu được đoạn diệt.

Do dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu (ba hình thức hiện hữu của Ngũ uẩn do tâm vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn tạo ra) được đoạn diệt, tâm không còn chút ám ảnh nào về Ngũ uẩn nên những hình thức sanh khởi của Ngũ uẩn được đoạn diệt. Tức là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, bốn hình thức Ngũ uẩn sanh khởi được đoạn diệt.

Do noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh (bốn hình thức sanh khởi ra Ngũ uẩn) được đoạn diệt, tức là do sự sanh được đoạn diệt nên không có sự bị già nua, bị bệnh tật, bị chết chóc của Ngũ uẩn. Do không có sự già, bệnh, chết của Ngũ uẩn nên không có sầu, bi, khổ, ưu, não, nước mắt và khổ đau. Như vậy là sự chấm dứt hoàn toàn dòng chảy, dòng lưu chuyển của phiền não và khổ đau.

Tóm lại, sự thật thứ ba về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Sanh, già, bệnh, chết chấm dứt là khi tâm hết vô minh và hết khát ái đối với Ngũ uẩn.*

▪ Sự thật thứ tư

Phương pháp Tám đúng là phương pháp chân chánh, đúng dẫn đưa đến tâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, chấm dứt sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt trò sanh diệt, mây khói, tạm bợ, vô thường, mộng lung, bất an, đầy phiền não và khổ đau của tâm hôn mê tham đắm Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng là: Thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng đúng, quán đúng và định đúng.

- *Thấy đúng*: Thấy biết đúng Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết để triệt phá sự vô minh vô trí trong cái nhìn, cái thấy về sanh, già, bệnh, chết.
- *Nghĩ đúng*: Suy nghĩ đúng theo chánh tư duy để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong ý hành.
- *Nói đúng*: Nói lời đúng theo chánh ngữ để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong khẩu hành.
- *Làm đúng*: Hành động đúng theo chánh nghiệp để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong thân hành.

- *Sống đúng*: Nuôi mạng đúng theo chánh mạng để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách nuôi mạng.
- *Siêng đúng*: Siêng năng đúng việc theo chánh tinh tấn để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách siêng năng.
- *Quán đúng*: Quán sát đúng chỗ theo chánh niệm để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách quán sát.
- *Định đúng*: Định tâm đúng cách theo chánh định để triệt phá vô minh và khát ái đối với sanh, già, bệnh, chết trong cách định tâm.

Như vậy, phương pháp Tám đúng đã triệt phá tất cả những phương diện, những nơi ẩn trú của vô minh và khát ái đối với vấn đề sanh tử. Phương pháp Tám đúng giúp hành giả đi đến sự thấy biết trọn vẹn vấn đề sanh tử của tự thân, giúp hành giả ngăn chặn và đào thải hết tất cả những vô minh, vô trí và tham ái đối với sanh tử.

Tóm lại, sự thật thứ tư về sanh, già, bệnh, chết đó là: *Phương pháp Tám đúng là một phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận Vô minh và Khát ái đối với Ngũ uẩn, giải thoát tâm khỏi sanh, già, bệnh, chết.*

5.2.4 Mục đích đạo Phật

Tóm lại, Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết mà Thái tử Tất Đạt Đa đã phát giác, phát hiện, giác ngộ như sau:

1. Sanh, già, bệnh, chết, phiền não và khổ đau chính là cái Tâm cố chấp, bám víu, dính mắc, chấp thủ đối với Ngũ uẩn.
2. Sanh, già, bệnh, chết có mặt là do tâm vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn.
3. Sanh, già, bệnh, chết chấm dứt là khi tâm hết vô minh vô trí đối với Ngũ uẩn.
4. Phương pháp Tám Đúng là phương pháp chân chánh đưa đến diệt tận vô minh, diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, đưa đến thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.

Đó là Bốn sự thật về sanh, già, bệnh, chết mà thái tử Tất Đạt Đa đã phát giác phát hiện, giác ngộ và Ngài đã tu tập thành tựu Phương pháp Tám Đúng, Ngài đã đạt được sự chấm dứt sanh, già, bệnh, chết. Sau đó, Ngài đã giảng dạy, trao truyền Bốn trí tuệ, Bốn sự thật này lại cho chúng sanh để những ai có duyên, có tâm mong muốn thoát khỏi biển trầm luân sanh tử này thì có thể nương theo trí tuệ về Bốn sự thật này mà tu tập và có thể vượt thoát biển sanh tử.

Như vậy, Thái tử Tất Đạt Đa đã xuất gia để đi tìm sự thật về sanh, già, bệnh, chết và tìm phương pháp để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Cuối cùng, Ngài đã thành tựu được

mục đích xuất gia của Ngài và Thái tử Tất Đạt Đa được gọi là Phật.

- Phật có nghĩa là bậc đã tự mình phát giác phát hiện sự thật về cuộc sống, sự thật về thân tâm, sự thật về sanh, già, bệnh, chết và Ngài đã vượt thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết.
- Mục đích của đạo Phật cũng chính là mục đích xuất gia của Thái tử Tất Đạt Đa thuở xưa, người con Phật cần biết rõ và cần nắm vững vấn đề này. Và mục đích của đạo Phật chính là: ***Phơi bày sự thật về sanh tử và Khai thị phương pháp Tám Đứng đưa đến sự vượt thoát lưới sanh tử.***

Đó là ý nghĩa chân chánh và đúng pháp về mục đích của đạo Phật. Khi người con Phật nắm vững được mục đích của đạo Phật thì người con Phật sẽ có sự thấy biết chân chánh về đạo Phật, đạt được lợi ích tối thượng khi đến với đạo Phật, không bị rơi vào tà kiến, tà đạo, tà tín đối với đạo Phật và không bị tiền mất, tật mang, uổng công, vô ích.

6 CHÁNH PHÁP TRONG NIKĀYA

6.1 Chánh pháp là gì?

Chánh pháp có nghĩa là những điều chân chánh, những điều đang thực có, đang thực diễn ra trong cuộc sống này, những sự thật đang có mặt trong thân tâm này và trong thế giới này.

Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là bậc đã giác ngộ tất cả những sự thật về cuộc sống. Ngài là bậc đã có sự thấy biết trọn vẹn, sự phát giác phát hiện tất cả những vấn đề đang có mặt từ trong bản chất sự sống của chúng sanh, cho đến nguyên nhân đưa đến sự sống và sự chết của chúng sanh, con đường chấm dứt sự sanh tử của chúng sanh và phương pháp chân chánh đưa đến sự chấm dứt những cuộc sanh tử triền miên trong phiền não và đau khổ này.

Vì Đức Phật là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nên những lời nói, những tuyên bố của Đức Phật là những điều chân chánh, những sự thật chân chánh về thân tâm này và cuộc sống này. Vì vậy, lời nói của Đức Phật và sự giảng dạy của Ngài được gọi là Chánh pháp.

Ví dụ, Đức Phật nói: *“Tham sân si là ba căn bản bất thiện. Ai với lòng tham, lòng sân, lòng si có làm về thân, về lời, về ý, cái ấy là bất thiện”* - Kinh Các Căn Bản Bất Thiện

(*Tăng I*, 363). Như vậy, tham sân si được Đức Phật chỉ rõ đó là ba căn bản của bất thiện. Nhưng trên thực tế của cuộc sống thì tham sân si có thực sự là ba căn bản của bất thiện hay không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải đưa tâm vào vấn đề này và quán sát vấn đề này dựa trên thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống.

Chúng ta lưu ý rằng, Đức Phật là bậc đã thấy biết rõ những cấu uế, những rác bần tham sân si trong tự thân mình và Ngài đã tẩy sạch thân tâm khỏi những cấu uế rác bần đó. Vì vậy, lời Ngài nói ra không phải là nói để vui đùa, không phải để khoe khoang, không phải để phô trương kiến thức, không phải để phỉnh phờ lừa gạt, lừa dối, dẫn dụ, dụ dỗ quần chúng nghe theo mình, đi theo mình, phụng sự, hầu hạ, cúng dường cho mình. Lời nói của Ngài không nhằm mục đích tự lợi cá nhân. Lời nói của Ngài không phải do vô minh và si ám dẫn dắt. Mỗi lời nói của Ngài là lời tuyên bố một sự thật nào đó đang có mặt trong cuộc sống này. Mỗi lời nói của Ngài là lòng từ mẫn của Ngài đối với cuộc sống này. Vì vậy, người con Phật cần phải hết sức thận trọng đón nhận và quán sát sự thật trong những lời nói, những sự tuyên bố của Đức Phật về cuộc sống này. Trong khi quán sát, trong khi xem xét, trong khi suy tư, trong khi tác ý về những lời mà Đức Phật đã chỉ dạy, người con Phật cần bám sát lời nói của Đức Phật để xem xét vấn đề. Đừng hời hợt rời xa lời dạy của Đức Phật mà xem xét vấn đề.

Nếu chúng ta rời xa lời dạy, lời chỉ dẫn của Đức Phật mà xem xét vấn đề thì chúng ta dễ rơi vào những tư kiến, những kinh nghiệm cá nhân, những cảm giác và tư tưởng bị vô minh dẫn dắt. Vì sao phải bám sát lời dạy của Đức Phật mà xem xét vấn đề? Vì chúng ta còn vô minh, còn tham sân si, còn bản ngã, còn lậu hoặc thì những suy nghĩ của chúng ta chắc chắn sẽ bị những ứ nhiễm, những rác bần này chi phối nên chúng ta khó tránh khỏi những vô minh, si ám, bản ngã, chấp thủ trong suy nghĩ, tư duy, cảm giác, cảm xúc của mình. Đức Phật là bậc đã phá sạch vô minh, đã diệt tận tham sân si, diệt tận ngã mạn, diệt tận các lậu hoặc cấu ứ trong nội tâm nên những thấy biết của Đức Phật không bị những ứ nhiễm, những rác bần này chi phối. Thế nên, những tuyên bố, những lời nói của Ngài là chân chánh, là đúng sự thật về những gì đang có mặt trong cuộc sống này. Do đó, người con Phật cần phải theo sát lời dạy của Đức Phật mà tư sát, quán sát, xem xét thực tế của những điều được thấy, được nghe từ lời dạy của Ngài.

Vì vậy, người học Phật cần phải thận trọng khi tìm hiểu nguồn gốc của những quyển kinh sách mà mình đang tu tập theo. Nếu người tu đạo đặt lòng tin chân thành vào những quyển kinh sách không phải do Phật thuyết thì lòng tin này gặp nguy hiểm và còn bị “tiền mất tật mang”. Do đó, người tu học trong đạo Phật ngày nay cần phải cẩn trọng trong sự tu học của mình, cần tìm hiểu kỹ đạo Phật,

tìm hiểu kỹ nguồn gốc ra đời, thời điểm ra đời của các loại kinh sách, cần tìm hiểu kỹ những kinh sách này có mặt trong các cuộc kết tập kinh điển Phật giáo trước đây hay không. Đó là những điều mà người tu học trong đạo Phật ngày nay cần thận trọng, nghiêm túc, cân nhắc, xem xét và tìm hiểu cho cẩn trọng.

Trở lại với ví dụ Đức Phật nói: *“Tham sân si là ba căn bản bất thiện. Ai với lòng tham, lòng sân, lòng si có làm về thân, về lời, về ý, cái ấy là bất thiện”*. Như vậy, tham sân si được Đức Phật trình bày rõ đó là ba căn bản của bất thiện. Người tu học chân chánh cần đưa tâm mình vào vấn đề này và quán sát vấn đề này dựa trên thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống. Khi quán sát thực tế của bản thân và thực tế của cuộc sống thì hành giả sẽ thấy rõ rằng: Trong cuộc sống, tham sân si thật sự là những căn bản của bất thiện, là đầu mối của những pháp ác bất thiện. Vì tham dục mà có những câu chuyện hãm hiếp đau lòng trong cuộc sống; vì tham cờ bạc, rượu chè, ma túy, danh lợi, chức quyền mà chúng sanh đã sát hại lẫn nhau; vì sân hận, vì tức giận, vì hiềm hận mà có những hành động hãm hại, giết hại nhau trong cuộc sống; vì si mê, ngu si, mê muội mà chúng sanh đã làm hại mình, hại người và làm hại lẫn nhau. Như vậy, lời tuyên bố trên của Đức Phật là lời chân chánh, là lời tuyên bố đúng với sự thật về tham sân si. Vì vậy, lời tuyên bố này, lời nói này của Đức Phật được gọi là Chánh pháp.

Lại nữa, ví dụ như khi nói về khổ, Đức Phật đã nói như sau: *“Thế nào là khổ? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ”*. Như vậy, khổ được Đức Phật nói đó chính là sanh, già, bệnh, chết, và tóm lại, tất cả những khổ đau trên cuộc đời này chính là sự chấp trước, chấp thủ, bám víu vào năm uẩn. Đó là lời tuyên bố của Đức Phật về khổ. Khi nghe lời tuyên bố trên của Đức Phật, hành giả tiến hành quán sát thực tế cuộc sống và thực tế thân tâm. Khi quán xét thực tế cuộc sống, quán sát sự thật và bản chất của cái được gọi là sanh, già, bệnh, chết trong cuộc sống này thì chúng ta thấy rõ tánh khổ của những vấn đề này hiển lộ một cách rõ ràng, thực tại và sống động trong cuộc sống. Khổ vì sanh, khổ vì già, khổ vì bệnh, khổ vì chết là những nỗi khổ mà chúng sanh hay tâm chấp thủ, chấp trước Ngũ uẩn này đang phải chịu đựng trong cuộc sống này. Nỗi khổ vì sanh, già, bệnh, chết, hay nỗi khổ vì sự dính mắc chấp trước vào Ngũ uẩn là một sự thật đang có mặt, đang hiện hữu và đang sống động trong cuộc sống này.

Khi nhìn vào cuộc sống, chúng ta thấy rằng: Thật sự chúng sanh đang phải khổ sở vì sự sanh ra trong cuộc đời này, chúng sanh đang phải cực khổ với việc kiếm miếng ăn, với việc tranh đấu, tranh giành trước những danh lợi, sắc tài, quyền lực, vật chất, tình cảm, tình dục, tình ái trong cuộc sống; chúng sanh đang phải nhưc nhối, bức xúc, khốn đốn,

khổ sở với những bệnh tật trong thân thể này; chúng sanh đang phải khổ cực với tám thân dễ tàn tạ, héo mòn, đầy mệt mỏi, nặng nề và đầy khó khăn trong đi đứng ngủ nghỉ này; chúng sanh đang phải đau khổ, thống khổ khốc liệt khi phải chịu đựng sự sanh ly tử biệt của bản thân và sanh ly tử biệt của những người thân xung quanh mình. Tóm lại, chúng sanh đang oằn oại, khổ sở, mệt mỏi, khốn đốn, hoạn nạn trong cuộc sống này. Những khổ sở này của chúng sanh chính là sự đeo bám, dính mắc, trói buộc, chấp thủ, chấp trước đối với những sắc thân này; đối với những cảm giác cảm xúc cảm thọ đầy dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong xác thân này; đối với những suy nghĩ, tưởng tượng vẽ vời mơ ước, mơ mộng, thúc giục, đòi hỏi về những thứ vô thường, tạm bợ trong cuộc sống này; đối với những sự biết, sự hay biết, sự rõ biết trước những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trong cuộc sống.

Như vậy, lời nói của Đức Phật, lời tuyên bố của Đức Phật về “Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ” là một sự thật sống động đang có mặt trong cuộc sống này. Vì vậy, lời nói này, lời tuyên bố này của Đức Phật được gọi là Chánh pháp.

Như vậy, khi quán sát thực tế của cuộc sống với những điều Đức Phật đã nói thì chúng ta thấy rõ rằng: Những lời nói, những sự tuyên bố, chỉ dạy của Đức Phật về cuộc sống này đó là sự thật, là những gì đang xảy ra, đang có mặt

trong cuộc sống. Do đó, lời nói của Đức Phật là lời chân chánh, những điều mà Đức Phật đã nói là những điều chân chánh, những sự tuyên bố của Đức Phật là những tuyên bố chân chánh. Do vậy, lời nói của Đức Phật được gọi là Chánh pháp. Chánh pháp có nghĩa là những lời nói chân chánh, những điều chân chánh, những sự thật chân chánh đang có mặt trong cuộc sống này và đã được một bậc có trí tuệ chân chánh tuyên bố sau khi Ngài đã thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về chúng.

6.2 Định nghĩa Chánh pháp trong kinh Nikāya

Trong kinh Nikāya, Chánh pháp được nói như sau: ***“Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”***.

Câu kinh trên có thể hiểu như sau: Những điều chân chánh đã được Thế Tôn khéo léo trình bày, những điều này là thiết thực ở hiện tại, có thể thấy biết ngay trong hiện tại, không cần có thời gian. Hành giả đến với những điều chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy để thấy biết rõ những sự thật đang có mặt trong cuộc sống, sự thấy biết này có khả năng hướng thượng, tiến lên một đời sống cao đẹp, và sự thấy biết này được người trí tự mình giác hiểu. Đó là cách hiểu ngắn gọn về câu kinh trên. Nhưng nếu phân tích sâu vào từng câu, thì đoạn kinh trên có thể hiểu như sau:

Câu nói “*Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại*”, với câu nói này trong Nikāya, chúng ta cần hiểu rằng: Pháp - Những lời dạy chân chánh, hay những điều chân chánh, những sự thật chân chánh về thân tâm và về cuộc sống đã được Đức Phật khéo léo thuyết giảng, trình bày, khai minh, hiển thị, khai thị. Đó là những điều thiết thực ở ngay trong hiện tại, những điều đang thực có ngay trong hiện tại, những sự thật đang có mặt ngay trong hiện tại nên chúng ta có thể khảo sát và thực thấy, thực biết về chúng một cách thực tế, rõ ràng, chân thật ngay trong hiện tại. Đây là ý nghĩa của câu nói “*Pháp là thiết thực hiện tại*”.

Câu nói “*không có thời gian*” hay “*Có hiệu quả tức thời*”, câu nói này có nghĩa là những điều, những sự thật, những sự việc mà Đức Phật đã nói, đã tuyên bố, đã trình bày là những điều mà chúng ta có thể thấy biết rõ ngay trong hiện tại, chúng ta có thể kiểm nghiệm, kiểm tra, kiểm định, kiểm chứng, xác chứng ngay trong thực tại của cuộc sống, không cần phải có thời gian, không đợi phải có thời gian, không cần phải chờ đến ngày mai, tuần sau, tháng tới, hoặc khi chết rồi mới thấy, mới biết sự thật về những vấn đề này mà bất cứ lúc nào đưa mắt nhìn sâu vào cuộc sống này thì cũng có thể thấy biết rõ những sự thật này. Khi tham sân si sanh khởi, hành giả trực tiếp quán tham sân si và nhiếp phục chúng theo lời Phật dạy thì hành giả sẽ thấy rõ hiệu quả của việc làm này, chứ không cần phải có thời gian. Đó là ý

nghĩa của câu nói “*Có hiệu quả tức thời*”. “*Không có thời gian*”, tức là không cần phải có thời gian rồi mới thấy, mới biết những gì mà Đức Phật đã nói. Những điều mà Ngài đã nói, chúng ta có thể thấy biết chúng bất cứ lúc nào nếu ta chịu để tâm quan sát, xem xét những vấn đề đó trong cuộc sống này. Đó là ý nghĩa của câu nói “*không có thời gian*”.

Câu nói “*Đến để mà thấy*”, nghĩa là đến với Bạc đã khai mở trí tuệ để thấy biết những điều, những sự việc, những sự thật mà mình chưa khai mở, chưa thấy biết, chứ không phải chỉ tin một cách mù quáng, hoặc chỉ có lòng tin mà không kiểm chứng, không thể thực chứng, không thể thực thấy những điều mình đang tin theo. “*Đến để mà thấy*”, có nghĩa là đến với Đức Phật, nghe những điều mà Đức Phật đã nói rồi chúng ta đem những điều đã được nghe này quán sát vào thân tâm này và quán sát cuộc sống này để chúng ta thực thấy, thực chứng những điều mà Ngài đã nói. Đạo Phật là đạo của giác ngộ. Đạo Phật là đạo của trí tuệ. Đạo Phật là đạo của sự thật, là nơi phơi bày những sự thật, những thực tế đang có mặt trong cuộc sống này. Vì vậy, “*Đến để mà thấy*” có nghĩa là đến với đạo Phật, đến với những lời dạy của Đức Phật để chiêm nghiệm, thực nghiệm, thực thấy, thực biết, thực chứng những điều mà Đức Phật đã giác chứng, đã thấy biết và đã tuyên bố lại cho chúng ta, chứ không phải đến để tin suông, tin trong mê mờ, tin một cách mông lung, tin trong vô minh, tin mà chẳng thấy biết

rõ, chẳng thực chứng được những điều mà mình đang đặt lòng tin vào trong đó. “*Đến để mà thấy*” còn có nghĩa là đến với lời chỉ dạy của bậc Chánh Giác thì cần phải vận dụng, phải ứng dụng, phải áp dụng những gì đã thấy nghe trong lời dạy của Ngài để thực chứng, thực thấy những điều Ngài đã nói. Đây là ý nghĩa của câu nói “*Đến để mà thấy*”.

Câu nói “*Có khả năng hướng thượng*”, nghĩa là những sự thật về thân tâm và cuộc sống, sự thật về những rác bản lậu hoặc đang có mặt trong thân tâm mà ta được thấy biết qua sự chỉ dẫn của bậc Chánh Giác, những sự thấy biết chân thật chân chánh này có khả năng dẫn dắt tâm và trí tuệ này đi đến sự thăng hoa, sự hướng thượng, sự tiến lên một đời sống trong sạch, lành mạnh, làm chủ thân tâm, hướng thân tâm đi đến sự thanh lọc sạch, sự đào thải sạch khỏi nội tâm những rác bản cấu uế đang có mặt trong thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự thanh tịnh, cao thượng, hiền thiện, trọn lành. Đây là ý nghĩa của câu nói “*Có khả năng hướng thượng*”.

Câu nói “*Được người trí tuệ mình giác hiểu*”, nghĩa là, những điều chân chánh, những sự thật chân chánh trong cuộc sống đã được bậc Chánh Giác khai thị, tuyên bố, trình bày, những sự thật này chỉ có thể được thấy biết bởi những người có trí tuệ, những bậc có đời sống chân chánh, hiền thiện, trong sạch; có tâm đoan chánh, chánh trực, trang nghiêm, tế nhị; có tầm quý, biết xấu hổ, biết sợ sai, biết sửa sai, biết tránh xa những thân hành, khẩu hành, ý hành làm

hại mình, hại người, hại cả hai; những bậc có tâm rộng mở, có tâm không bị trói buộc trong những tà kiến, tà đạo, tà pháp, tà nhân... Chỉ những bậc như vậy, những bậc với tâm có trí tuệ, với tâm thông thả, chân chánh, cởi mở mới có thể giác hiểu được những sự thật, những điều mà bậc Chánh Đẳng Giác đã chỉ dạy. Một người trí như vậy, khi gặp được dòng pháp chân chánh này, khi nghe được những điều chân chánh, những sự thật chân chánh mà Đức Phật đã trình bày, đã chỉ dạy thì những vị này có thể đi sâu vào dòng pháp này, và sẽ có thể tự mình giác hiểu những sự thật mà bậc Chánh Giác đã trình bày, đã khai mở.

Những ai có tâm không chân chánh, có đời sống không chân chánh, có tâm méo mó, tà vạy, bản ngã cao, thấy sai không biết sửa sai, không xấu hổ, không biết sợ và không biết ngại khi thấy mình sai lầm, sai lệch, sai quấy, trí tuệ xiêu vẹo, nói gà hiểu vịt, méo mó, lệch lạc, không cẩn trọng trong tu học, hời hợt trong pháp tu, không tìm hiểu kỹ pháp tu, tâm không cởi mở, không rộng mở quán sát mà còn cố chấp, ôm ấp tư kiến, ôm ấp quan điểm của người hoặc ôm ấp quan điểm cá nhân, ôm ấp kinh nghiệm cá nhân, ôm ấp sân hận, hiềm hận, không biết lắng nghe, nghe với tâm cố chấp, nghe với tâm chống đối, đối với những tâm niệm như vậy thì thật khó thâm nhập, khó đi sâu vào dòng pháp này, khó tìm về được nguồn cội những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, khó tìm thấy được cốt tủy trong lời dạy của Đức

Phật, khó thấy biết rõ những sự thật mà bậc Chánh Giác đã thấy biết và đã khai mở, đã truyền trao lại cho thế gian. Vì pháp chân chánh dành cho người chân chánh. Người chân chánh có thể tiếp cận được, thông hiểu được, tu tập được và thực chứng được pháp chân chánh. Đó là ý nghĩa của câu nói “*Được người trí tự mình giác hiểu*”.

Ví như, Đức Phật đã nói sự thật về khổ trên cuộc đời này là như sau: “*Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ*”. Như vậy, câu nói này cần được hiểu như thế nào để thích hợp với câu “*Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*”?

- Khi khảo sát thực tế của cuộc sống, chúng ta thấy rõ: Sự sanh ra, sự già nua, sự bệnh tật, và sự chết chóc là những nỗi khổ đang thực có, đang thực diễn ra trong cuộc sống này. Và khi khảo sát kỹ cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rõ rằng: tâm chấp thủ, tâm bám víu, tâm trói buộc, tâm dính mắc vào sắc thân này (**Sắc**); vào những cảm giác cảm thọ trong thân tâm (**Thọ**); vào những hình bóng, tưởng tượng, tưởng nhớ trong nội tâm (**Tưởng**); vào những suy nghĩ, tư duy, lời nói âm thầm trong nội tâm (**Hành**); vào những sự hay biết, rõ biết trong ngoài thân tâm này (**Thức**); tâm chấp thủ, bám víu, trói buộc vào năm uẩn này phải chịu những nỗi mệt mỏi, phiền

não, khổ sở, khôn khổ về sanh hữu, sanh tồn, sanh nhai; khổ về bị già nua; khổ về bị bệnh tật; khổ về bị chết chóc. Những nỗi khổ này là những sự thật đang có mặt ngay trong cuộc sống này, ngay trong hiện tại này, đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Pháp là thiết thực hiện tại”*.

- Vì sự thật về khổ này là cái đang hiện có trong cuộc sống này, không cần phải có thời gian rồi mới có thể thấy biết rõ sự thật này, chỉ cần nhìn thẳng nhìn sâu vào cuộc sống này thì sẽ thấy biết rõ sự thật này, đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Không có thời gian”*.
- Khổ là điều đang có mặt trong cuộc sống này; sanh, già, bệnh, chết là sự thật đang có mặt trong cuộc sống này; tâm cố chấp, bảo thủ, muôn năm giữ sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang phải chịu những nỗi phiền phức khổ đau trong cuộc sống này, đó là điều đang có mặt trong cuộc sống này. Đến với sự thật về khổ mà Đức Phật đã tuyên bố để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về khổ này. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói: *“Đến để mà thấy”*.
- Vì sự thấy biết rõ những sự thật về khổ đối với thân tâm và cuộc sống sẽ có thể đưa tâm này đi đến sự tẩy sạch, sự đào thải sạch khỏi thân tâm tất cả tham ái, tham dục đối với thứ tạo ra phiền não và khổ đau cho tự thân. Trí tuệ thấy biết rõ về khổ sẽ cho tâm sức mạnh, cho tâm

động lực mạnh để đi đến sự trừ diệt, sự diệt tận tất cả những rác bần, những cấu uế, dính mắc, trói buộc trong tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, hiền thiện, cao thượng. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói “*Có khả năng hướng thượng*” trong Thánh trí về Khổ.

- Sự thấy biết những sự thật về khổ và khả năng hướng thượng của sự thấy biết này được những người có trí tuệ, những bậc hiền trí, những bậc có thân tâm chân chánh, trong sạch, thiện lành tự mình giác hiểu. Đó là ý nghĩa tương ứng với câu nói “*Được người trí tự mình giác hiểu*” trong Thánh trí về Khổ.

Như vậy, ý nghĩa, giá trị, tác dụng, lợi ích trong những lời nói, những lời tuyên bố, tuyên thuyết, trình bày, chỉ dạy của Đức Phật là “*Thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*”. Những lời nói, những sự tuyên bố, những điều, những sự vật, những vấn đề được nói, được trình bày đầy đủ những yếu tố: chân thật, đúng sự thật của vấn đề, thiết thực ở hiện tại, đang hiện có ngay trong hiện tại, có thể kiểm chứng và thực chứng ngay trong hiện tại, không cần phải có thời gian, đến để mà thấy, không phải đến thì phải tin, không yêu cầu, không đòi hỏi một lòng tin mù quáng, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Những lời nói, những lời tuyên bố, những

điều, những sự vật, những vấn đề được nói, được trình bày đầy đủ những yếu tố như trên được gọi là những điều chân chánh, những lời nói chân chánh, những sự thật chân chánh. Đây là ý nghĩa của danh từ Chánh pháp. Và lời nói của Đức Phật, lời tuyên bố của Đức Phật, những điều mà Đức Phật nói đến, đề cập đến đó là những điều có đầy đủ các yếu tố trên nên những gì Đức Phật đã tuyên bố, đã trình bày được gọi là “Chánh pháp”.

6.3 Đức Phật đã trao truyền Chánh pháp gì?

6.3.1 Kinh Nghi Như Thế Nào (Trung III, bài 103)

(Trích đoạn)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Kusinārā, tại khu rừng Baliharāna. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”, – “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như thế nào? Có phải vì nhân ý áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân đồ ăn khát thực, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân sàng toa, Sa-môn Gotama thuyết pháp? Hay có phải vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp?

– Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con không nghĩ rằng: “Vì nhân ý áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp...”

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông không nghĩ như sau: “Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp...”. Vậy này các Tỷ-kheo, đối với ta, các Ông nghĩ như thế nào?”

– Như thế này, bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, chúng con nghĩ như sau: “**Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp**”.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như sau: “Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp”. Do vậy, này các Tỷ-kheo, **những pháp Ta giảng cho các Ông với thượng trí, như là Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề Phần, Thánh Đạo Tám Ngành**. Ở đây, các ông phải học tập tất cả, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh này đã làm sáng tỏ mục đích thuyết pháp, mục đích giảng dạy của Đức Phật. Ngài thuyết pháp cho chúng sanh không phải vì y áo, sàng tọa, ăn uống, danh lợi, mà Ngài thuyết pháp, giảng dạy cho chúng sanh vì từ tâm, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho người mà Ngài thuyết pháp. Và những pháp, những điều tốt đẹp mà Ngài đã thuyết giảng, trình bày, khai minh, hiển thị, hiển lộ, khai thị cho cuộc đời này với trí tuệ tối thượng mà Ngài đã chứng ngộ

được, đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Và Ngài còn căn dặn tất cả đệ tử của Ngài phải học tập tất cả những pháp này trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau. Người con Phật ngày nay cần ghi nhớ kỹ, cần suy tư kỹ về lời dạy này, lời tuyên bố, tuyên ngôn này của Đức Phật, lấy đó làm chỗ tu học cho mình và không nên tranh cãi, không nên cãi lộn với nhau.

6.3.2 Kinh Làng Sāma (*Trung III, bài 104*)

(Trích đoạn) (*Sāmagāma sutta*)

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích Ca), tại Sāmagāma (Xá-di thôn). Lúc bấy giờ, Nigaṇṭha Nātaputta vừa mới tạ thế ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với bình khí miệng lưỡi. “Ông không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Ông có thể biết pháp luật này? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Ông không tương ưng. Điều đáng nói trước Ông nói sau; điều đáng nói sau, Ông nói trước. Điều Ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đổ. Ông đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm

được!” Hình như các đệ tử của Niganṭha Nātaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Niganṭha Nātaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các Niganṭha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Rồi sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pava, đến thăm Tôn giả Ānanda ở Sāmagāma, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa di Cunda bạch Tôn giả Ānanda:

– Bạch Tôn giả, Niganṭha Nataputtta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các Niganṭha chia ra làm hai phái... pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Sa di Cunda:

– Nay Hiền giả Cunda, đây vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Sa di Cunda vâng lời Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống

một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– *Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: “Nigaṇṭha Nāṭaputta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigaṇṭha chia ra làm hai phái... pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ”. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: “Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người”.*

– *Này Ānanda, Ông nghĩ thế nào? Những pháp Ta dạy cho các Ông với thượng trí, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Thánh đạo tám ngành.** Ông có thấy chằng, này Ānanda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau?*

– *Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí, như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa tăng chúng, hoặc về Tăng thượng hoạt mạng, hoặc về Tăng thượng (Patimokkha-Giới bốn). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an,*

đau khổ cho loài Trời, loài người.

– Là nhỏ nhất này Ānanda, là sự tranh luận ấy, tức là (tranh luận) về Tăng thượng hoạt mạng hay Tăng thượng giới bốn. Nay Ānanda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về Con đường (magga) hay về Đường hướng tu hành (patipada), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người.

(Hết trích kinh)

Giáo phái của Ni-kiền-tử bị chia rẽ sau khi vị này qua đời. Sa-di Cunda thấy vậy lo sợ và nói cho Tôn Giả Ānanda nghe. Tôn giả Ānanda đã cùng với Sa-di Cunda đi gặp Đức Phật và trình báo về vấn đề này. Và một lần nữa, Đức Phật đã khẳng định những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và đã giảng dạy với trí tuệ tối thượng đó là Ba mươi Bảy Bồ-đề phần. Và khi Đức Phật còn tại thế thì trong tăng đoàn không có ai tranh cãi, tranh luận nhau về vấn đề này. Sau đó, Đức Phật đã khẳng định rằng: “*Nhỏ nhất là sự tranh luận về giới luật hay ngã mạn. Nhưng khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh luận về đường lối, tranh luận về đường hướng tu hành, sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời và loài người*”. Vì sao?

Vì khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh cãi về đường lối

tu tập thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ (tứ chúng) phải biết làm sao đây? Nghe lời thầy mình, chống đối thầy kia, hay ngược lại? Tứ chúng khởi lên nghi ngờ, bất an, dao động, thiên vị, cố chấp. Rồi tứ chúng tranh luận nhau, cãi vã nhau, hiềm khích nhau, đổ kị nhau, nghi ngờ nhau, chống đối nhau, chống phá nhau với binh khí miệng lưỡi, khẩu chiến, tạo ra hiềm hận, hiềm khích, sân hận, chia rẽ, lỗi lầm với thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, ý ác nghiệp. Với các ác nghiệp đã làm, đã tạo này, tứ chúng phải nhận lãnh những nghiệp quả khổ đau, cay đắng cho chính mình. Những cánh cửa của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ lại được mở rộng ra. Đó là lý do mà Đức Phật đã nói: *“Nhỏ nhất là sự tranh luận về giới luật hay ngã mạn. Nhưng khi trong Tăng chúng khởi lên sự tranh luận về đường lối tu hành, tranh luận về đường hướng tu hành, sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời và loài người”*.

(Hết trích kinh)

Ôi, thật là bất hạnh, thật là cay đắng cho tứ chúng đệ tử Phật khi Thánh pháp bị phạm pháp lén lút chen vào. Khi Chánh pháp bị tà pháp len lõi chui vào, trà trộn vào trong Phật pháp, tạo ra những mâu thuẫn chia rẽ trong tứ chúng; tạo ra những mâu thuẫn chia rẽ trong đường lối tu hành của tứ chúng; tạo ra sự miệt thị, khinh khi đối với Thánh pháp; tạo ra sự hoang mang, nghi ngờ, nghi kỵ đối với Chánh

pháp; tạo ra sự phân tán, sự hủy diệt, sự diệt vong hoàn toàn giáo pháp chân chánh mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Đây thật sự là điều đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, đau khổ cho loài Trời và loài người. Loài người và loài Trời không biết phải nghe theo ai, tu tập theo ai, ai mới là người đi đúng con đường, thực hành đúng đạo lộ, đúng pháp hành mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Loài người, loài Trời rơi vào trong nghi kỵ, hoang mang, bất an và lo lắng. Lời tuyên bố này của Đức Phật cũng chính là nỗi niềm đau đớn, nhức nhối cho người con Phật ngày nay khi mà Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm.

6.3.3 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (*Trường I, bài 16*)

(Trích đoạn)

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ānanda đi đến giảng đường Kūṭagāra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ānanda:

- Nay Ānanda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesālī tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesālī tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một

bên, tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người.**

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người?

Chính là Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Thân Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh Đạo Phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc

cho loài Trời và loài người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,
Từ biệt các Ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.*

6.3.4 Kinh Anurādhā (Tương III, 210)

(Trích đoạn)

15) Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thọ... tưởng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

18) - Ông nghĩ thế nào, này Anurādhā, Ông có quán: “Sắc là Như Lai không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, Ông có quán: “Thọ... tướng... các hành... thức là Như Lai không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, Ông có quán: “Như Lai ở trong sắc không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như Lai ở ngoài sắc không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như lai ở trong thọ... ở ngoài thọ... ở trong tướng... ở ngoài tướng... ở trong các hành... ở ngoài các hành... ở trong thức không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: “Như Lai ở ngoài thức không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, Ông có quán: “Sắc, thọ, tướng, hành, thức là Như Lai không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

20) - Ông nghĩ thế nào, này Anurādha, Ông có quán: “Cái phi sắc, phi thọ, phi tướng, phi hành, phi thức là Như Lai không?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anurādha, **ngay trong hiện tại không** tìm được một Như Lai thường còn, thường trú, **thời có hợp**

lý chẳng khi Ông trả lời: “Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: “Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết ?”

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anurādhā. **Trước kia và nay, này Anurādhā, Ta chỉ tuyên bố Khổ và Đao diệt khổ.**

(Hết trích kinh)

6.3.5 Kinh Ví Dụ Con Rắn (Trung I, bài 22)

(Trích đoạn)

“Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự Khổ và sự Diệt khổ.

Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắt, phi báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phẫn nộ.

Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không

thích thú.

Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: “Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm”.

- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ.***
- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú.***
- *Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: “Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm”.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- *Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ*

bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

- *Chư Tỷ-kheo, thọ không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, tướng không phải của các Ông, hãy từ bỏ tướng. Các Ông từ bỏ tướng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, các hành không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*
- *Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.*

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chăng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– *Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.*

– *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại*

hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành... thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ. Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên:

- *Những vị Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh tử) của những vị này không thể chỉ bày.***
- *Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các vị hóa sanh, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa.*
- *Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành bậc Nhất lai, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.*

- *Tỳ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành bác Dur lưu, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác.*
- *Tỳ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này sẽ hướng về chánh giác.*
- *Những vị nào chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.*”

(Hết trích kinh)

6.3.6 Kinh Thế Giới (Tăng I, 592)

(Trích kinh)

“Này các Tỳ-kheo,

- *Thế giới được Như Lai Chánh Đẳng Giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời.*
- *Thế giới tập khởi được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận.*
- *Thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ.*
- *Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập*

Này các Tỷ-kheo,

- *Cái gì trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Do vậy, được gọi là Như Lai.*
- *Từ đêm Như Lai được Chánh Đẳng Giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai.*
- *Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.*
- *Trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai”.*

(Hết trích kinh)

6.3.7 Lời kết

Như vậy, thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rõ: Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là: Bốn Chỗ Cần Quán Sát của người tu (Bốn Niệm Xứ), Bốn Việc Chân Chánh mà người tu cần phải thực hiện (Bốn Chánh Cần), Bốn Pháp Đưa đến Tâm Định Như Ý Muốn (Bốn Như Ý Túc), Năm Pháp Căn Bản người tu cần có (Năm Căn), Năm Pháp Tạo Sức Mạnh cho người tu (Năm Lực), Bảy Pháp Đưa Đến Sự Giác Ngộ Minh và Giải thoát (Bảy Giác Chi), Phương Pháp Tám Sự Chân Chánh (Bát Chánh Đạo). Đó là những pháp mà Đức Phật đã giảng dạy với thượng trí của Ngài khi Ngài còn tại thế.

Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật cũng đã khẳng định lại cho chúng ta rằng Ba mươi bảy Bồ-đề phân là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử của Ngài phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này, giáo pháp tu tập chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài người.

Trong kinh Anurādhā và kinh Ví Dụ Con Rắn, Đức Phật cũng đã khẳng định “trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường Diệt khổ”. Và Con đường Diệt khổ chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao Đức Phật lại tuyên bố như vậy? Vì cuộc đời của Đức Phật, sự xuất gia của Đức Phật là để đi tìm sự thật về sanh, già, bệnh, chết và tìm phương cách để thoát khỏi vắn nạn này. Và rồi Đức Phật, Ngài đã tìm ra được sự thật về sanh tử và tìm ra được phương pháp để thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi phiền não và khổ đau do sanh tử mang lại. Vì vậy, khi chuyển pháp luân, Đức Phật đã tuyên bố, đã truyền trao lại cho chúng sanh trí tuệ về sự thật của sanh tử, sự thật của khổ đau trong đời sống của chúng sanh. Trong hai bài kinh trên Đức Phật đã xác chứng rằng trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường Diệt khổ - Con đường chấm dứt sanh tử cho chúng sanh. Chúng sanh đang chìm đắm trong những nỗi khổ vì sanh, khổ vì già, khổ vì bệnh, khổ vì chết, chúng sanh đang chìm đắm trong những nỗi khổ vì tham sân si, khổ vì bản ngã, khổ vì nghiệp lực, khổ vì vô minh, khổ vì tham dục, khổ vì tham ái, khổ vì thù hận, khổ vì giận hờn, khổ vì ích kỷ, ganh tỵ, tật đố, hơn thua, khổ vì sắc, tài, danh lợi, thực, thù. Chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ, đang chết chìm trong biển khổ, trí tuệ của Đức Phật là chiếc thuyền Bát nhã đưa chúng sanh thoát ra khỏi biển

khổ trầm luân này. Và trí tuệ đó chính là trí về Khổ và trí về Con đường thoát khổ.

Đó là những điều mà Đức Phật đã giảng dạy, đã tuyên bố. Đó cũng chính là điều mà cuộc sống này cần được biết đến, thế giới này cần được biết đến, các chúng sanh cần được biết đến. Đó cũng chính là Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Và điều gì mà Đức Phật đã tuyên bố, đã chỉ dạy từ đêm Ngài chứng Chánh Đẳng Giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn, tất cả đều là như vậy, không có sai khác đi được. Đây là điều tuyệt đối quan trọng mà người con Phật cần ghi khắc trong tâm để xác định chánh tà, đúng sai đang trà trộn trong giáo pháp của Đức Phật trong khi giáo pháp này được truyền thừa trên hai ngàn năm trăm năm.

Người con Phật cần ghi nhớ những bài kinh này để tự xác định cho mình Chánh pháp mà Đức Phật đã giảng dạy là gì và khéo chọn cho mình con đường tu tập theo Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Người con Phật chân chánh khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng đường lối tu chân chánh này, trước vì lợi ích cho tự thân, sau vì lợi ích cho chúng sanh và vì lòng thương tưởng với đời.

6.4 Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bồ-đề phần

Ba mươi bảy Bồ-đề phần gồm có: Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

Ba mươi bảy Bồ-đề phân liên hệ thế nào với Ngũ uẩn?

- Bốn Niệm Xứ là Bốn chỗ cần quán sát để thấy biết rõ về Ngũ uẩn.
- Bốn Chánh Cần là Bốn việc chánh cần làm để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bốn Như Ý Túc là Bốn pháp để định tâm như ý muốn.
- Năm Căn là Năm nền tảng tu tập để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Năm Lực là Năm sức mạnh của người tu để tu tập diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Thất Giác Chi là Bảy pháp đến giác ngộ, đưa đến thấy biết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bát Chánh Đạo là Phương pháp tu Tám Đúng đưa đến diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám Đúng là: Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng (Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định). Chánh tri kiến hay thấy biết chân chánh, thấy biết đúng. Thấy biết chân chánh là Thấy biết rõ Bốn sự thật về Khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã giác

ngộ và khai thị cho chúng ta, tức là thấy biết rõ về Tứ Thánh Đế. **Tứ Thánh Đế** là Bốn sự thật về Khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn, hay Bốn sự thật về Cuộc đời. Đó cũng chính là Bốn Thánh trí về Khổ, hay Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Thánh trí về Thân tâm này và cuộc sống này. Thánh trí thứ tư trong Bốn Thánh trí đó chính là Trí về Phương Pháp Tám Đúng. Phương Pháp Tám Đúng chuyển vận trạng thái tâm từ vô minh trở thành trí tuệ, từ sự không thấy biết Ngũ uẩn, không thấy biết rõ thân tâm đến chỗ thấy biết rõ Ngũ uẩn, thấy biết rõ thân tâm, diệt tận vô minh, diệt tận tham ái đối với thân Ngũ uẩn vô thường, tạm bợ, duyên sanh này.

6.5 Sự phối hợp các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Bát Chánh Đạo:

- Tứ niệm xứ là chánh niệm trong Bát Chánh Đạo.
- Tứ chánh cần là chánh tinh tấn trong Bát Chánh Đạo.
- Tứ như ý túc là những phần cần có trong khi tu tập chánh định trong Bát Chánh Đạo.
- Năm căn thì Tín căn và Tuệ căn là pháp được thành tựu trong chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo. Còn tấn căn, niệm căn, định căn chính là chánh niệm, chánh tinh tấn và chánh định.

- Năm lực là năm sức mạnh của người tu được sanh khởi từ năm căn.
- Bảy Giác Chi là bảy pháp được sanh khởi từ sự tu tập chánh niệm trong Bát Chánh Đạo.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Tứ Niệm Xứ:

- Tứ Niệm Xứ là pháp chánh thứ bảy trong Bát Chánh Đạo, nghĩa là hay nói cách khác Tứ niệm xứ là chánh niệm trong Bát Chánh Đạo. Trước khi bước vào chánh niệm thì cần thành tựu chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.
- Lại nữa, ở năm phần niệm pháp trong Tứ niệm xứ có phần quán niệm Tứ Thánh Đế. Trong quán Tứ Thánh Đế có Bát Chánh Đạo. Trong Bát Chánh Đạo có đầy đủ Ba mươi bảy Bồ-đề phần như đã phân tích ở trên.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Tứ Chánh Cần:

- Tứ Chánh Cần là pháp chánh thứ sáu trong Bát Chánh Đạo, hay Tứ chánh cần là chánh tinh tấn trong Bát Chánh Đạo. Trước khi bước vào chánh tinh tấn thì phải thành tựu chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.

- Lại nữa, trong tinh cần tu tập thì đó chính là tu tập Bảy Giác Chi. Bảy Giác Chi bắt đầu tu tập bằng Niệm giác chi. Tu tập Niệm giác chi là tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và Ba mươi bảy Bồ-đề phần đã được phân tích ở trên.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Năm Căn:

- Tín căn và Tuệ căn là pháp được thành tựu trong chánh tri kiến trong Bát Chánh Đạo.
- Tấn căn là Bốn Chánh Cần.
- Niệm căn là Bốn Niệm Xứ
- Định căn là Tứ Thiền.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Năm Lực:

- Phân tích giống như Năm Căn.

Khảo sát sự phối hợp Ba mươi bảy Bồ-đề phần trong Bảy Giác Chi:

- Bảy Giác Chi bắt đầu tu tập bằng Niệm giác chi.
- Tu tập Niệm giác chi là tu tập Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ và Ba mươi bảy Bồ-đề phần đã được phân tích ở trên.

Như vậy, Ba mươi bảy Bồ-đề phần là những pháp phối hợp chặt chẽ trong Bát Chánh Đạo. Sự tu tập đầy đủ về Bát

Chánh Đạo chính là sự tu tập đầy đủ về Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Ba mươi bảy Bồ-đề phần có mặt đầy đủ trong Bát Chánh Đạo. Khi đi sâu vào chánh tri kiến, thành tựu trí tuệ về tự thân, khi ấy hành giả mới có thể thấu hiểu Ba mươi bảy Bồ-đề phần có mặt thế nào trong sự tu tập này.

Nếu không phải là hành giả mà chỉ là học giả, nếu chỉ học mà không hành, nếu chỉ đọc mà không tu tập, nếu chỉ biết mà không thực hành, không dẫn thân sâu vào con đường này, thì sẽ không thông hiểu được điều này và chỉ có thể giải thích các pháp này trên ngôn ngữ chữ nghĩa, hoặc đôi khi hiểu sai lệch đi các pháp. Nếu là một hành giả nhưng không đi theo con đường của Bát Chánh Đạo, không vào được cánh cửa của chánh kiến thì cũng không sao thông hiểu, thông giải được một cách chân thật, trọn vẹn, đầy đủ về các pháp này, và cũng không thể thực chứng, thực thấy, thực biết trọn vẹn các pháp. Khi ấy, sự tu, sự hành, sự giác, sự chứng và sự giảng dạy sẽ đi theo kinh nghiệm tu hành cá nhân của bản thân, không đi theo đạo lộ, pháp hành và trí tuệ của bậc Chánh đẳng Chánh giác.

Ba mươi bảy Bồ-đề phần là những pháp được phối hợp, được liên kết với nhau một cách chặt chẽ trong Bát Chánh Đạo hay trong Phương pháp Tám Đúng. Không thể nói rằng “tôi thích hợp tu theo Tứ Niệm Xứ, không hợp với Tứ Chánh Cần nên tôi chỉ cần tu theo Tứ Niệm Xứ là được”. Nếu cho rằng Ba mươi bảy Bồ-đề phần là ba mươi bảy

pháp để cho hành giả tùy nghi chọn lựa pháp môn thích hợp cho mình, nếu hiểu như vậy, thì đó là chưa thể nhập vào chánh kiến, chưa thành tựu trí về Ngũ uẩn, chưa thành tựu trí về Tứ Thánh Đế, chưa thực hành thâm sâu trong giáo pháp này, chưa tìm được chân đứng trong giáo pháp của Đức Phật, chưa có một trí tuệ thông suốt thấy biết rõ sự liên kết của tất cả các pháp trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao nói như vậy?

Khi hành giả đi sâu vào sự tu tập thực hành theo Tứ Niệm Xứ, khi ấy hành giả sẽ thấy biết rõ rằng: Để thực hành trọn vẹn Tứ Niệm Xứ thì hành giả cần phải thực hành trọn vẹn các pháp còn lại trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần là Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

Cũng vậy, khi thể nhập vào trí tuệ và pháp hành trong Tứ Chánh Cần, hành giả sẽ thấy biết rõ rằng: Để thực hành trọn vẹn Tứ Chánh Cần thì hành giả cần phải thực hành trọn vẹn các pháp còn lại trong Ba mươi bảy Bồ-đề phần.

Cũng vậy, đối với Tứ Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi và Bát Chánh Đạo, để thực hành trọn vẹn các pháp này thì hành giả cần phải thành tựu trí tuệ đầy đủ về Ba mươi bảy Bồ-đề phần và thực hành đầy đủ các pháp này.

Hành giả có thể nói rằng: “tôi đang trú tâm trên Bốn Niệm Xứ”, hay “tôi đang tinh cần tu tập Bốn Chánh Cần”, hay “tôi đang tu tập Bát Chánh Đạo”... Nhưng để có thể tu tập một cách chân chánh và đầy đủ các pháp này thì hành giả cần phải thành tựu được Chánh tri kiến. Và khi đã thành tựu Chánh tri kiến thì hành giả sẽ rõ biết tất cả những pháp có mặt trong Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần là gì và khi đó hành giả mới có thể thật sự thực hành đúng, thực hành chân chánh Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bát Chánh Đạo.

Tóm lại, thông qua các bài kinh trên (còn nhiều bài kinh nữa trong Nikāya, nhưng chúng tôi xin chỉ trích dẫn một số bài kinh), chúng ta thấy Đức Phật đã khẳng định rõ Chánh pháp mà Đức Phật đã giảng dạy, đã hướng dẫn với thượng trí mà Ngài đã chứng ngộ được đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Và Ba mươi bảy Bồ-đề phần chính là Ba mươi bảy pháp được phối hợp chặt chẽ với nhau trong phương pháp Tám đúng để bao vây vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận Vô minh, diệt tận Khát ái đối với Ngũ uẩn, giúp chúng sanh thoát khỏi cảnh sanh tử triền miên trong một mỗi, phiền não và khổ đau.

6.6 Có thể thêm bớt gì trong Chánh pháp không?

6.6.1 Kinh Thanh Tịnh (Trường II, bài 29)

(Trích đoạn)

14. Nay Cunda, nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, và **pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày, và các vị đệ tử của Ta tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người.** Nay Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành.

15. Nay Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất khả tư nghì. Nay Cunda, Ta lại có những Trung lạp Tỷ-kheo sáng suốt. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ-kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trung lạp Tỷ-kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo ni đệ tử. Nay Cunda,

nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc...

Này Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa mọi người.

16. Nay Cunda, đối với tất cả những vị đạo sĩ nay xuất hiện ở đời; nay Cunda, Ta không thấy một vị đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời; nay Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh, thành tựu hết thầy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: “Thành tựu hết thầy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố”.

Này Cunda, Uddaka con của Ràma thường nói: “Thấy mà

không thấy”. Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Nay Cunda, đây là nghĩa của câu: “Thấy mà không thấy”. Nay Cunda, ở đây Uddaka con của Ràma đề cập đến một vật dễ tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao.

Nay Cunda, nếu nói đúng đắn câu **“Thấy mà không thấy”**, thời phải nói như sau: “Thấy mà không thấy”. Vị ấy thấy cái gì mà không thấy?

- **Một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày. Chính vị ấy thấy Phạm hạnh này.**
- Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vi ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vi ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vi ấy sẽ không thấy gì.

Như vậy gọi là “Thấy mà không thấy”.

Nay Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết

thầy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: **“Phạm hạnh này thành tựu hết thầy tướng, cụ túc hết thầy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày”**.

17. Do vậy, này Cunda, những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Ngươi, tất cả các Ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người.

Này Cunda, **thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Ngươi, tất cả các Ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người?**

Những pháp ấy là **Bốn Niệm Xứ, Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Tám Thánh Đạo**. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng

tri và tuyên bố cho các Ngươi, tất cả các Ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài người.

6.6.2 Thấy mà không thấy

Trong đoạn kinh trên, Đức Phật đã xác nhận: Ngài là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, các pháp đã được Ngài khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn đưa đến an tịnh; đệ tử tại gia và xuất gia của Ngài đều tinh thông Chánh pháp; Ngài đã hướng dẫn hoàn toàn viên mãn đời sống tu hành trong sạch thanh tịnh (Phạm hạnh); các thứ bậc tu học được tỏ lộ rõ ràng, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người. Với một đường lối tu hành hoàn hảo, viên mãn như vậy, thành tựu hết thảy tướng, đầy đủ hết thảy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày bởi bậc Chánh Đẳng Giác, nhưng ai nghĩ rằng có thể thêm bớt vào trong đường lối tu hành hoàn hảo này, đó gọi là “thấy mà không thấy”.

“Thấy mà không thấy” có nghĩa là cho rằng mình thấy, mình biết, mình nắm, mình hiểu những lời dạy của Đức Phật, nhưng thật ra vị ấy không thấy, không biết, không nắm, không hiểu giáo pháp của Đức Phật. Vì sao? Vì rằng giáo pháp mà bậc Chánh Đẳng Giác đã chỉ dẫn là một đường lối tu tập hoàn hảo, thiện xảo, không thể thêm hay bớt trong đó, nếu nghĩ rằng có thể thêm hay bớt gì trong Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy thì đó là “thấy mà không thấy”.

Trong phần sau, Đức Phật còn khẳng định rõ: Những pháp do Ngài tự chứng tri và tuyên bố cho đệ tử của Ngài đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Người con Phật hãy hội họp lại và cùng nhau tu học các pháp này, chớ có cãi lộn với nhau để cho Chánh pháp này được tồn tại lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời.

6.6.3 Vì sao không thể thêm bớt giáo pháp của Đức Phật?

Như vậy, không thể thêm bớt trong một giáo pháp hoàn hảo, một đường lối tu hành hoàn hảo mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Và giáo pháp hoàn hảo, đường lối tu hành hoàn hảo đó chính là Ba mươi bảy Bồ-đề phần. Vì sao Ba mươi bảy pháp đưa đến thoát tử trên

được gọi là giáo pháp hoàn hảo, đường lối tu hoàn hảo để tu đạo thoát ly sanh tử mà Đức Phật đã truyền trao?

Nếu nói về quán niệm thì niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp là bốn chỗ quán niệm chân chánh mà một người tu chân chánh cần phải quán niệm. Người tu nào cũng cần phải an trú tâm trên thân, thọ, tâm, pháp.

- Thân đang như thế nào hành giả luôn cần phải nhớ biết và cần phải quán sát tất cả các góc độ, các khía cạnh, các sự thật về thân để thành tựu trí tuệ về thân.
- Thọ, những cảm giác trong thân tâm đang như thế nào, hành giả cần phải nhớ biết và cần phải quán sát thật cẩn trọng để thành tựu trí tuệ về thọ.
- Tâm, những hành tướng của tâm, hiện trạng thực tại của tâm đang như thế nào, hành giả cần phải nhớ biết, cần phải quán sát đầy đủ để thành tựu trí tuệ về tâm.
- Pháp, những gì đang hiện có trong thân tâm, những si ám đang che mờ thân tâm, hay những trí tuệ cần được khai mở trong thân tâm, hành giả cần phải nhớ biết, cần phải quán sát thận trọng để thành tựu trí tuệ về các pháp đang có trong tự thân.

Như vậy, xét về mặt sự quán niệm, sự nhớ biết thì thân, thọ, tâm, pháp là bốn chỗ chân chánh mà hành giả cần phải nhớ

biết, cần phải quán sát để thành tựu trí tuệ trọn vẹn về thân tâm này.

Ngoài bốn điều này thì không còn một chỗ nào khác, không còn một vấn đề nào khác cần phải thấy biết thêm, vì vậy, không thể thêm một pháp nào vào trong Bốn niệm xứ. Nếu nghĩ rằng bốn chỗ quán niệm này là còn thiếu trong sự quán niệm và cần phải thêm gì vào đó, thì đó là điều không thể có. Vì ngoài bốn lĩnh vực cần quán niệm này thì không còn có một lĩnh vực nào khác cần phải quán niệm, quán sát. Nếu có một lĩnh vực nào khác cần phải quán niệm, quán sát thêm thì bậc Chánh Đẳng Giác đã nhìn thấy rồi và đã thêm vào rồi. Vì vậy, bốn lĩnh vực quán niệm này là sự chánh niệm hoàn hảo, không thể thêm vào gì trong đó. Nếu nghĩ, có thể thêm gì vào thì đó gọi là “thấy mà không thấy”.

Trong bốn lĩnh vực cần quán niệm này thì không thể bớt ra một lĩnh vực quán niệm nào. Nếu hành giả bớt ra phần niệm thân thì sẽ không thể nhìn thấy rõ về thân. Khi hành giả không nhìn thấy rõ về thân thì sẽ không thể liễu tri tường tận về thân, không thể thành tựu trí tuệ đầy đủ về thân. Khi hành giả không thành tựu trí tuệ về thân tức không thể thấy rõ sự thật về thân. Khi hành giả không thấy rõ sự thật về thân thì khó lòng nhàm chán, ly tham đối với thân; khi không nhàm chán, ly tham đối với thân thì không đi đến sự giải thoát khỏi những thân xác tứ đại, duyên sanh, vô thường, tạm bợ này. Vì vậy, nếu muốn giải thoát khỏi

những thân xác vô thường này thì không thể bớt ra phần niệm thân trong bốn lĩnh vực quán niệm này.

Về phần niệm thọ, nếu bớt ra phần niệm thọ, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét các cảm thọ trong thân tâm. Khi hành giả không quán sát các cảm thọ trong thân tâm thì sẽ không thấy biết rõ về các cảm thọ, không thấy biết rõ những cảm giác cảm xúc đang có mặt, vận hành trong thân tâm. Khi hành giả không thấy biết rõ những cảm giác cảm xúc đang vận hành trong thân tâm thì sẽ không phát giác phát hiện ra những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, ganh tỵ, ích kỷ, hơn thua, tật đố, xảo trá, giả dối, dối trá, lậu hoặc, rác bần đang có mặt trong thân tâm. Khi hành giả không thấy biết rõ những lậu hoặc rác bần trong thân tâm thì không thể diệt tận hoàn toàn, không thể đào thải hoàn toàn những lậu hoặc rác bần khỏi nội tâm. Khi hành giả không tẩy sạch, không đào thải sạch những lậu hoặc rác bần khỏi nội tâm thì không thể đạt được sự hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, bất động, giải thoát. Khi tâm không hoàn toàn trong sạch, bất động (không động chuyển) thì sanh tử sẽ tiếp tục, mục đích của đời tu không đạt được, phiền não khổ đau sẽ tiếp diễn. Như vậy, nếu hành giả muốn thấy biết rõ những rác bần trong nội tâm, thì không thể bỏ phần quán niệm cảm thọ.

Về phần niệm tâm, nếu bớt ra phần niệm tâm, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét những tình trạng,

hiện trạng thực tế của tâm. Khi hành giả không quán sát hiện trạng, hành tướng của tâm trong những giây phút hiện tại sẽ không thấy biết rõ về tình trạng hiện tại của tâm, không thấy biết rõ hành tướng chung của thọ, tưởng, hành, thức, không nhìn ra được tướng chung, tướng tổng quát của tâm ở hiện tại. Khi hành giả không thấy rõ hành tướng chung của tâm ở thực tại thì khó lòng đối diện, khó lòng nhiếp phục những tình trạng tâm có tham, sân, si, tán loạn, nhỏ hẹp, giới hạn, không định, không giải thoát. Vì vậy, để thấy biết rõ thực trạng của tâm thì không thể bỏ qua phần niệm tâm trong Bốn Niệm Xứ.

Về phần niệm pháp, nếu bớt ra phần niệm pháp, tức là không quán sát, không nhớ biết, không xem xét những thứ đang sanh khởi và che mờ tâm trí, không quán sát thực trạng về Ngũ uẩn trong thân tâm, không quán sát việc sáu căn đang tiếp xúc với sáu trần, không quán sát bảy pháp có khả năng đưa đến giác ngộ giải thoát khỏi thân Ngũ uẩn, không quán sát Bốn sự thật về khổ hay không quán Bốn sự thật về Ngũ uẩn đang có mặt trong thân tâm. Khi hành giả không quán sát, không nhớ biết, không xem xét kỹ những pháp này trong thân tâm thì tâm sẽ không thấy biết rõ những pháp này. Khi tâm không thấy biết rõ những pháp này thì tâm không thể đi đến thành tựu trí tuệ về những pháp này. Khi tâm không thành tựu trí tuệ về những pháp này thì tâm không thể đi đến thành tựu sự nhiếp phục

những pháp bất thiện trong thân tâm và không thể đi đến thành tựu những thiện pháp cần phải thành tựu trong thân tâm. Khi hành giả không thành tựu sự đào thải sạch những bất thiện pháp khỏi tâm và không thành tựu các thiện pháp trong tâm thì tâm khó lòng đi đến sự thanh tịnh hoàn toàn, trong sạch hoàn toàn và giải thoát hoàn toàn khỏi những căn bã, những cấu uế, những rác bần lậu hoặc khỏi nội tâm.

Nếu không tu tập, không quán sát những pháp đang có mặt trong tự thân, đó là hành giả đã có một lỗ hổng lớn trong pháp hành, trong đường lối tu của mình. Hành giả sẽ khó lòng đi đến sự thấy biết tường tận về các pháp cần phải được thấy biết, khó lòng diệt tận những pháp cần phải được diệt tận hay khó lòng thành tựu những pháp cần phải được thành tựu trong sự tu tập nhiếp phục thân tâm. Vì vậy, trong sự tu tập thân tâm, không thể bỏ qua, không thể bỏ bớt đi phần niệm pháp trong Bốn Niệm Xứ.

Như vậy, thân, thọ, tâm, pháp là bốn chỗ cần được nhớ biết, quán sát để thành tựu trí tuệ về tự thân, để nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân và để thành tựu những thiện pháp đưa đến sự thoát ly sanh tử. Vì vậy, hành giả không thể bỏ bớt, bỏ qua, bỏ sót một lĩnh vực quán niệm nào trong Bốn Niệm Xứ.

Nếu ai nghĩ rằng có thể thêm bớt một điểm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó chính là lỗ hổng, chỗ sơ hở trong sự tu tập.

Và như vậy, những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu sẽ tiếp tục rò rỉ, tiếp tục rỉ chảy và tiếp tục lén lút dẫn dắt tâm đi trong các nẻo trầm luân của luân hồi sanh tử. Và ai nghĩ rằng có thể thêm bớt một điểm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó gọi là “Thấy mà không thấy”. Và như vậy, luân hồi, sanh tử, phiền não, khổ đau sẽ tiếp tục triền miên đối với tâm thức ấy. Với những ai chân chánh, nghiêm túc, cẩn trọng thực hành Bốn Niệm Xứ, không thêm vào hoặc bỏ bớt bất cứ phần nào trong Bốn Niệm Xứ thì chắc chắn những vị ấy sẽ đi đến thành tựu trí tuệ chân chánh mà bậc Chánh Đẳng Giác đã truyền trao. Đó là lý do trong nhiều bài kinh, như kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Bệnh, Đức Phật đã tuyên bố rằng: ***“Những ai, hiện nay hoặc sau khi Ta nhập diệt, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác, những vị ấy là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi”***.

Như vậy, người tha thiết học hỏi Bốn Niệm Xứ, tha thiết tu tập Bốn Niệm Xứ, dùng Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn, làm Chánh pháp, làm chỗ nương tựa đó là vị tối thượng trong hàng đệ tử của Đức Như Lai. Đây là chỗ người con Phật cần đặc biệt lưu tâm.

Tu tập Bốn Niệm Xứ, tu tập quán sát thân, thọ, tâm, pháp là sự tu tập chánh niệm hoàn hảo nhất, viên mãn nhất, đầy đủ nhất, tốt đẹp nhất. Khi niệm được an trú trong sự quán sát đầy đủ và trọn vẹn về thân thọ tâm pháp thì đó là sự chánh niệm, sự quán niệm, sự nhớ biết, sự quan sát trọn vẹn về thân tâm này. Không một chỗ nào trên thân tâm mà không được nhớ biết, không được quan sát, không được thấy biết, không được kiểm soát. Vì vậy, đây là sự chánh niệm hoàn hảo, viên mãn và trọn vẹn.

Và trước một sự chánh niệm hoàn hảo thì không thể thêm vào hoặc bớt ra bất cứ một phương diện quán niệm nào trong đó, tức là không thể thêm vào hoặc bớt ra bất cứ một phương diện nào trong Bốn Niệm Xứ. Nếu hành giả thật sự thấy pháp, ngộ pháp, chứng pháp thì sẽ nhìn thấy rõ giá trị của từng pháp trong Bốn Niệm Xứ. Và khi đã thấy rõ tác dụng, giá trị, lợi ích và ý nghĩa của từng pháp trong Bốn Niệm Xứ thì sẽ không dám và không thể thêm bớt gì vào trong Bốn Niệm Xứ. Không những thế, vị ấy còn tuân thủ nghiêm ngặt và hành trì nghiêm túc từng pháp hành trong Bốn Niệm Xứ, vị ấy không dám làm lệch lạc, không dám làm xiêu vẹo bất cứ pháp hành nào trong Bốn Niệm Xứ. Vì có sao? Vì khi một vị thật sự thấy pháp, thật sự thành tựu chánh kiến về tự thân, khi ấy, vị ấy sẽ sáng tỏ về mục đích, giá trị, tầm quan trọng, tánh thực tế trong sự quán sát Bốn Niệm Xứ nơi tự thân. Vị ấy sẽ biết rõ Bốn Niệm Xứ là tinh

hoa trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bốn Niệm Xứ là ánh hào quang thần diệu của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Bốn Niệm Xứ là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, giúp chúng sanh vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. (Kinh Niệm Xứ, Trung bộ, bài 10).

Và một khi đã sáng tỏ, đã thông hiểu được mục đích và tầm quan trọng của Bốn Niệm Xứ thì không một tâm tư nào dám thêm bớt một pháp hành nào, một phần nào trong con đường độc nhất này. Khi trí tuệ đã khai mở, trí tuệ đã trong sáng, hành giả sẽ thực thấy, thực biết rằng Bốn Niệm Xứ là Chánh pháp, là ngọn đèn, là pháp mà Đức Phật đã giảng dạy với thượng trí, với Chánh Đẳng Chánh Giác trí. Vì vậy, pháp hành này, con đường này là hoàn hảo, hoàn thiện, hoàn mỹ. Pháp hành là kiệt tác của trí tuệ bậc Chánh Giác, không có gì cần phải chỉnh sửa lại, không có gì cần phải thêm vào hay bớt ra. Vì vậy, người con Phật cần phải nghiêm túc nghiên cứu, học hỏi và đào sâu vào pháp hành này. Đừng để cho phàm phu trí, vô minh trí, ngã mạn trí, chấp thủ trí, cục bộ trí chen vào rồi thêm bớt, rồi chỉnh sửa vào trong lời dạy, trong pháp hành mà bậc Chánh Đẳng Chánh Giác Trí đã chỉ dạy, đã truyền trao.

Tóm lại, sự gom thâu của ba mươi bảy pháp với Bốn chỗ cần quán niệm, Bốn việc chân chánh cần làm, Bốn pháp để tâm định như ý muốn, Năm căn bản cần có của người tu,

Năm sức mạnh của người tu, Bảy pháp đưa đến Giác ngộ và Tám pháp chân chánh mà Đức Phật, bậc Thánh nhân đã tu tập là một trận đồ hoàn hảo để vây bủa vô minh, đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh và diệt tận khát ái đối với Ngũ uẩn, diệt tận tất cả các lậu hoặc rác bần trong nội tâm, đưa thân tâm thể nhập sự trong sạch, thanh tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Vì vậy, không thể thêm vào hoặc bớt ra một góc cạnh nào trong các pháp này, không thể thêm hoặc bớt một chút gì trong Chánh pháp hoàn hảo mà Đức Phật đã truyền trao. Sự thêm vào hay bớt ra một phần quán niệm nào trong Bốn Niệm Xứ thì đó gọi là “Thấy mà không thấy”. Tự cho mình là thấy, biết, hiểu, ngộ Chánh pháp nhưng thật ra lại chẳng thấy biết gì cả.

- “*Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.*”
- “*Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.*”
- “*Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì”. Như vậy gọi là “Thấy mà không thấy”.*”

6.7 Trường hợp không thể thâm nhập Chánh pháp

6.7.1 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 1 (Tăng II, 595)

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- *Khinh lời thuyết giảng,*
- *Khinh người thuyết giảng,*
- *Khinh tự mình,*
- *Nghe pháp với tâm tán loạn,*
- *Không nhất tâm và không như lý tác ý.*

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- *Không khinh lời thuyết giảng,*
- *Không khinh người thuyết giảng,*

- Không khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm không tán loạn,
- Nhất tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.2 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 2 (Tăng II, 596)

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Ác tuệ, đần độn, tâm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc,
- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.3 Kinh Quyết Định Tánh Về Diệu Pháp 3 (Tăng II, 597)

1. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn;
- Ác tuệ, đần độn, câm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là năm?

- *Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh;*
- *Nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyết điểm;*
- *Trong khi pháp giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn;*
- *Có trí tuệ, không đần độn, không cảm điếc,*
- *Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.*

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

6.7.4 Kinh Không Ưa Nghe (Tăng III, 252)

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, đầu được nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

- *Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không ưa nghe,*
- *Không có lóng tai,*
- *Không có an trú tâm liễu giải,*
- *Nắm giữ điều không lợi ích,*
- *Bỏ qua điều lợi ích,*
- *Không thành tựu tùy thuận nhân nhục.*

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

- *Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, có ưa nghe,*
- *Có lóng tai,*
- *Có an trú tâm liễu giải,*
- *Nắm giữ điều lợi ích,*
- *Bỏ qua điều không lợi ích,*
- ***Thành tựu tùy thuận nhân nhục.***

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.5 Kinh Chương Ngại (Tăng III, 250)

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

- Thành tựu **ngiệp chương**,
- Thành tựu **phiền não chương**,
- Thành tựu **dị thực chương**,
- Không có lòng tin,
- Không có ước muốn,
- Ác tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

- Không thành tựu **ngiệp chương**,
- Không thành tựu **phiền não chương**,

- Không thành tựu dị thực chướng,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.6 Kinh Nghiệp Chướng (Tăng III, 251)

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

- Đoạn mạng sống của mẹ;
- Đoạn mạng sống của cha;
- Đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Phá hòa hợp Tăng;
- Ác tuệ, si mê, căm ngong.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

- Không đoạn mạng sống của mẹ;
- Không đoạn mạng sống của cha;
- Không đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Không với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Không phá hòa hợp Tăng;
- Có trí tuệ, không si mê, tâm ngong.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

6.7.7 Kinh Không Có Cung Kính 1 (Tăng II, 325)

1. “Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thân trong, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.

- Không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, **sự kiện này có xảy ra**.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra”.

6.7.8 Kinh Không Có Cung Kính 2 (Tăng II, 326)

1. “Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

2. Này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.

- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra”.

6.7.9 Kinh Vô Thường (Tăng III, 259)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.
- Không thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.
- Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.

2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.
- Thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.

- *Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.”*

6.7.10 Kinh Khổ (Tăng III, 260)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- *Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.*
- *Không thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.*
- *Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.*

2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- *Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là khổ, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.*
- *Thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.*
- *Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra”.*

6.7.11 Kinh Vô Ngã (Tăng III, 260)

1. “Thật vậy, này các Tỷ-kheo,

- Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra.
 - Không thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này không thể xảy ra.
 - Không nhập vào **chánh tánh quyết định**, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.
2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,
- Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô ngã, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này có xảy ra.
 - Thành tựu **nhẫn nhục** tùy thuận, sẽ nhập vào **chánh tánh quyết định**, sự kiện này có xảy ra.
 - Nhập vào **chánh tánh quyết định**, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.”

6.7.12 Kinh Niết-bàn (Tăng III, 260)

“- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiện này không xảy ra...” (như kinh trên với những thay đổi cần thiết.)

6.7.13 Tổng kết

Tóm lại, người thành tựu các pháp sau đây thì dù gặp được Đức Phật, gặp được Chánh pháp, được nghe giảng đúng Chánh pháp, nhưng vẫn không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp, tức là không thể bước vào Dự lưu quả, không thể chứng quả Nhập lưu, còn nói gì đến các Thánh quả cao hơn.

1. *Khinh lời thuyết giảng*
2. *Khinh người thuyết giảng*
3. *Khinh tự mình*
4. *Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh*
5. *Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm*
6. *Nghe pháp với tâm tán loạn*
7. *Trong khi pháp được giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn*
8. *Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không ưa nghe*
9. *Không có lòng tai*
10. *Không có an trú tâm liễu giải*
11. *Nắm giữ điều không lợi ích*
12. *Bỏ qua điều lợi ích*

13. Không thành tựu tùy thuận nhãn nhục
14. Không nhất tâm và không như lý tác ý
15. Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết
16. Không có lòng tin
17. Không có ước muốn
18. Thành tựu nghiệp chướng
19. Thành tựu phiền não chướng
20. Thành tựu dị thực chướng
21. Đoạn mạng sống của mẹ
22. Đoạn mạng sống của cha
23. Đoạn mạng sống của vị A-la-hán
24. Với ác tâm làm Như Lai chảy máu
25. Phá hòa hợp Tăng
26. Ác tuệ
27. Đản độn
28. Cầm điếc
29. Không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh
30. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là thường còn

31. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là lạc

32. Suy nghĩ cho rằng một sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào đó là ngã (là mình, là của mình)

33. Suy nghĩ cho rằng Niết-bàn là khổ.

Trên đây là ba mươi ba pháp làm cho người nghe pháp không thể tiếp nhận được pháp, không thể đi sâu vào Thánh pháp thanh cao, thánh thiện mà Đức Phật đã truyền trao. Hành giả cần xem lại tự thân mình có hơi hướng một trong những pháp này hay không, nếu có, hành giả cần được phát lộ sám hối với vị có giới đức thành tựu chánh kiến, sau đó phát tâm dũng mãnh để nhiếp phục những bất thiện pháp này, phải làm như vậy thì hành giả mới có thể bước vào trong Thánh pháp này, thể nhập vào các Thánh quả, vượt thoát biển sanh tử khổ đau.

6.8 Phân biệt Tà Pháp và Chánh pháp

6.8.1 Kinh Che Giấu (Tăng I, 516)

1. Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

- Sở hành của nữ nhân, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

- *Chú thuật của Bà-la-môn, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Tà kiến, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

- *Vành tròn của mặt trăng, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Vành tròn của mặt trời, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Pháp luật được Thế Tôn tuyên thuyết, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

6.8.2 Kinh Pháp Tóm Tắt (Tăng III, 660)

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Mahāvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- *Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.*

- *Này Gotamī, những pháp nào bà biết:*
 - *“Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham.*
 - *Đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược.*
 - *Đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập.*
 - *Đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục.*
 - *Đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ.*
 - *Đưa đến tu hôi, không đưa đến nhàn tịnh.*
 - *Đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn.*
 - *Đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng”.*

Này Gotamī, hãy thọ trì nhất hướng rằng: “Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo Sư”.

- *Và này Gotamī, những pháp nào bà biết:*
 - *“Những pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục.*
 - *Đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược.*
 - *Đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập.*

- Đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn.
- Đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ.
- Đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội.
- Đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác.
- Đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng”.

Này Gotamī, **hãy thọ trì nhất hướng rằng**: “Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư”.

6.8.3 Kinh Thông Điệp (Tăng III, 479)

Rồi Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôngiã Upāli bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Này Upāli, những pháp nào Thầy biết: “Những pháp này không đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, thời này Upāli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: “Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn”.

Và này Upāli, những pháp nào Thầy biết: “Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, thời này Upāli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: “Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn”.

6.8.4 Kinh Bệnh (Tương V, 237)

(Trích đoạn)

6) Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con thấy Thế Tôn chịu đựng! Bạch Thế Tôn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng. Pháp không được tỏ rõ cho con vì Thế Tôn bị bệnh. Nhưng bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài không có lời đi giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

7) -- Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mọi gì nữa ở nơi Ta. Này Ānanda, Ta giảng pháp không có phân biệt trong ngoài. Vì, này Ānanda, **đối với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo Sư còn nắm tay.** Này Ānanda, những ai nghĩ rằng Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo, hay: Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta, thời này

*Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Nay Ānanda, Như Lai **không** có nghĩ rằng: “Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo”, hay “Chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có **lời di giáo** cho chúng Tỷ-kheo?*

8) *Này Ānanda, Ta nay đã già, bậc trưởng thượng, bậc trưởng lão, đã đạt đến đoạn cuối của đời, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ānanda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt. Cũng vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ dây thừng chằng chịt.*

9) *Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy, thân Như Lai được thoải mái.*

*Vậy này Ānanda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.***

Và này Ānanda, thế nào là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn

đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

10) Nay Ānanda, ở đây, Tỷ-kheo trú, quán **Thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán **Thọ** trên các thọ... quán **Tâm** trên tâm... quán **Pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Nay Ānanda, như vậy là Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa cho chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác.

11) Nay Ānanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một gì khác; những vị ấy, nay Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

(Hết trích kinh)

6.8.5 Lời kết

“Chánh pháp là những điều chân chánh, thiết thực ở hiện tại, không có thời gian, có hiệu quả tức thời, đến để mà

thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Đó là đặc tánh, đặc điểm, đặc trưng của Chánh pháp, là đặc trưng lời nói của Đức Phật, là đặc trưng của những điều mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Như vậy, *"Tà pháp là những điều không chân chánh, không thiết thực ở hiện tại, không thực tế, không rõ ràng, không sáng tỏ, che giấu, giấu giếm, bí mật, không minh bạch; kết quả hứa hẹn mơ hồ mông lung; đến thì phải tin, không được đòi hỏi phải thấy biết rồi mới tin; không có khả năng hướng thượng, không có khả năng đưa đến sự thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã trong tự thân, không có khả năng đưa đến sự diệt tận những cấu uế rác bần trong tự thân; được những trí tuệ kém cõi, những trí tuệ vụng về, những trí tuệ nhẹ dạ cả tin, nghe theo, tin theo, hoan hỷ theo*". Đó là đặc tánh, đặc điểm, đặc trưng, là biểu trưng, biểu lộ, biểu hiện của những tà pháp, tà thuyết, tà đạo, của những lời nói, những điều được nói ra không phải từ bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lời của Đức Phật có tinh thần trạch pháp, rạch ròi, phân minh, hiển lộ rõ ràng, thiết thực ở hiện tại, không mơ hồ, mông lung, không giấu giếm, không che đậy, không bí mật, không nửa kín nửa hở, không hứa hẹn mơ hồ, không bắt phải tin theo một cách mê muội, mê mờ mà không hiểu biết, không thấy biết rõ những điều mà mình đang đặt lòng tin. Người trí không dễ tin vào những điều hão huyền thiếu

thực tế, không thiết thực ở hiện tại. Trước lời nói của Đức Phật, người trí dùng tâm ngay thẳng, chân thật, chân chánh quán sát lời nói đó thực tế của thân tâm, thực tế của cuộc sống, quán sát để thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những điều đã được thấy, được nghe từ Bạc Chánh Giác.

Những bài kinh trên đã làm sáng tỏ tinh thần chân chánh, minh bạch, không mơ hồ, không mông lung trong lời nói của Đức Phật, chỉ dẫn rõ cách phân định chánh tà trong đạo Phật ngày nay, chỉ dẫn rõ cách phân định lời dạy nào là lời nói của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác và đâu là sự ngụy tạo, giả mạo lời nói của Bạc Chánh Giác.

Sự an trú tâm trong việc quán sát thân, quán sát thọ, quán sát tâm và quán sát pháp nơi tự thân là điều mà một người tu chân chánh cần tu tập, cần thực hành để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu trí tuệ về các cảm thọ đang có mặt trong thân tâm, thành tựu trí tuệ thấy biết rõ những trạng thái dao động biến đổi trong tâm và thành tựu trí tuệ về các pháp thiện và bất thiện đang có mặt trong thân tâm. Sự an trú tâm hướng nội như vậy chính là sự tu tập chân chánh của một người chân chánh tu đạo, tu tâm. Vì vậy, sự an trú này, sự quán sát này, sự hướng nội như vậy được gọi là Chánh pháp, là những điều chân chánh, thiết thực hiện tại, không cần có thời gian, có hiệu quả tức thời, đến để mà

thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Như vậy, Chánh pháp hay điều chân chánh cần làm của người tu chính là hướng tâm quay vào nhìn lại tự thân, nhìn lại thân tâm theo sự chỉ dẫn của bậc Chánh Đẳng Giác để phát hiện những dục, ái, bản ngã, tham, sân, si trong tự thân và đào thải hết tất cả những cấu uế lậu hoặc này khỏi nội tâm. Đó chính là Chánh pháp, là điều chân chánh phải làm, phải tu tập của một người tu chân chánh. Đây cũng chính là ý nghĩa trong lời nói cuối đời của Đức Phật: *“Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm ngọn đèn. Dùng Chánh pháp Bốn Niệm Xứ làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một gì khác”*.

Người con Phật ngày nay cần nắm biết rõ những thông điệp này để làm kim chỉ nam cho mình trong việc tìm kiếm, tìm hiểu, tìm đến một đạo Phật đã trải qua một quá trình truyền thừa dài với nhiều thêm bớt sau hai ngàn năm trăm năm.

6.9 Pháp truyền thống của các Đức Phật là gì?

6.9.1 Kinh Đại Bát Niết-Bàn (Trường I, bài 16)

(Trích đoạn)

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nālandā.

Tại đây, Thế Tôn ở Pāvārikambavana (Ba-ba-lợi Âm-bà-lâm).

16. Tôn giả Sāriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Nay Sāriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: “Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”.

Nay Sāriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Ngươi: “Nhưng Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiên định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sāriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Ngươi đã biết

tâm những vị này với tâm của Ngươi: “Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiên định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sāriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm Ta với tâm của Ngươi. “Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiên định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy?”

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sāriputta, như vậy Ngươi không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sāriputta, vì sao Ngươi lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan da, rống lên tiếng rống con sư tử: “Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác”?

*17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh,

thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền Cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào **Bốn Niệm Xứ**, đã chân chánh tu tập **Bảy Giác Chi**, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm Xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác Chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm

Triền Cái, những nhiệm tâm khiến cho trí tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm Xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác Chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

(Hết trích kinh)

6.9.2 Truyền thông tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác

Như vậy, truyền thông tu tập của các Đức Phật chính là: Sau khi các Ngài diệt trừ Năm Triền Cái, thì các Ngài đã an trú tâm trong Bốn Niệm Xứ để chân chánh tu tập Bảy Giác Chi. Đây là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành, là truyền thông Chánh pháp, truyền thông tu tập của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đường lối tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác là giống nhau, nhưng đó không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, không phải là một sự vô tình hay cố tình, không phải là tâm truyền tâm mà các Ngài đã truyền trao lại cho nhau. Đường lối tu hành này chính là logic của sự tự tu tập, là nguyên tắc chung của sự tự tu tập để đưa đến trí tuệ và giải thoát, đi đến Minh và Giải thoát.

Tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, khi còn trong sự mày mò tìm kiếm sự thật về sanh tử, các Ngài sẽ không thể sanh khởi được trí tuệ chân chánh nào cho đến khi các Ngài đã thanh lọc sạch khỏi thân tâm này những

thứ làm si ám nội tâm, làm yếu ớt trí tuệ, được gọi là Năm Triền Cái, tức là tham dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động hối tiếc (trạo hối), hoài nghi. Năm thứ này là những thứ làm si ám nội tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Cho đến khi các bậc tự tu thanh lọc tâm hết sạch những si ám này và an trú tâm hướng nội, nhìn vào tự thân, quán sát thân thọ tâm pháp trong tự thân, tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ thì khi ấy các Ngài mới đi đến sự thành tựu trí tuệ Minh và Giải thoát. Giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát tâm khỏi các cấu uế lậu hoặc.

Các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, các Ngài không hèn mà gặp, không hèn mà lại giống nhau trong đường lối tu hành, trong phương cách tu hành. Vì sao? Bởi vì đường lối tu hành này, phương pháp tu hành này, cách thức tu hành này là logic tu tập, là nguyên tắc tu tập của bất kỳ ai trong sự tự tu tập để đi đến sự khai mở trí tuệ, chấm dứt sanh tử. Các bậc Chánh Đẳng Giác, trước đó đã dấn thân trong nhiều pháp hành nhưng không sanh khởi được trí tuệ, không thấy biết rõ về sanh tử, cuối cùng, các Ngài đã từ bỏ hết tất cả những pháp hành đó rồi tự mình diệt trừ Năm Triền Cái, quán sát thân tâm, nhân duyên hội tụ đủ, các Ngài đã đi vào đúng đạo lộ đưa đến trí tuệ, đưa đến sự thoát tử.

Người tự mình mày mò tìm kiếm sự thật về sanh tử, tìm kiếm con đường đưa đến thoát tử, và rồi, cuối cùng đã tìm ra được con đường này và tu tập thành tựu con đường này. Đây gọi là bậc “Tự mình tu tập thành tựu trí tuệ về tự thân và thành tựu sự chấm dứt sanh tử”, đây là ý nghĩa của danh từ A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Người nghe thấy con đường này từ Bậc Chánh Giác và tu tập theo con đường này thì được gọi là đệ tử của bậc Chánh Giác.

Như vậy, truyền thống về Chánh pháp, hay truyền thống tu hành, hay nguyên tắc tu hành, hay phương cách tu hành của các bậc Chánh Đẳng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và tương lai chính là sự thanh lọc tâm hết sạch Năm Triền Cái - Tức là các Ngài bắt đầu tu tập bằng sự ly dục, ly tham, ly những ác bất thiện pháp; rồi an trú tâm trong tự thân, quán sát thân thọ tâm pháp trong tự thân và tu tập Bảy Giác Chi, tu tập bảy pháp đưa đến giác ngộ, và cuối cùng, các Ngài đã thành tựu được chánh trí, thành tựu Minh và Giải thoát.

Đó là đường lối tu tập, là truyền thống tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác, các bậc tự tu, tự chứng đắc. Khi các Ngài chứng đắc thì trí tuệ của các Ngài đã viên thành, từ đó, các Ngài hướng dẫn cho chúng sanh đường lối tu tập chân chánh, rõ ràng, thiết thực, cụ thể mà không phải mày mò tìm kiếm như các Ngài trước đó. Đường lối chân chánh mà các Ngài truyền dạy lại cho đời chính là thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh,

quán niệm chân chánh, định tâm chân chánh, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, đệ tử của các bậc Chánh Đăng Giác sẽ bắt đầu tu tập bằng trí tuệ, bằng chánh tri kiến, bằng sự thấy biết đúng về thân tâm thông qua sự chỉ dạy của Bậc Chánh Giác truyền trao, rồi sau đó dần thành tựu suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách rồi mới diệt trừ Năm Triền Cái, tu tập bốn thiền, diệt tận các lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, đệ tử của bậc Chánh Giác bắt đầu tu tập bằng chánh tri kiến, rồi đi đến diệt tận Năm Triền Cái chứ không phải bắt đầu tu tập bằng sự diệt trừ Năm Triền Cái, ly dục, ly tham như các bậc Chánh Giác. Người con Phật cần tuyệt đối thông tỏ vấn đề này để nắm rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

Tóm lại, thông qua bài kinh này, thông qua truyền thống tu hành của các Đức Như Lai, chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của Bốn Niệm Xứ, Bảy Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Đây chính là pháp hành, là đạo lộ tu hành, là truyền thống tu hành của các Đức Như Lai, của các bậc Chánh Đăng Chánh Giác. Vì vậy, sự tu tập theo các pháp này, sự kế thừa các pháp này được gọi là Phật thừa, là Như Lai thừa, là Chánh Đăng Chánh Giác thừa, tức là sự thừa tự đường lối tu hành, thừa tự phương pháp tu hành của các Đức Phật, của các

Đức Như Lai, của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Sự thừa tự này được gọi là tối thượng thừa, là sự thừa tự một pháp hành tối thượng, một đường lối tu tập tối thượng. Người con Phật cần tác ý điều này để cho tâm sanh khởi sự hoan hỷ, sự hân hoan khi tu tập theo đạo lộ này, theo Thánh pháp tối thượng vi diệu và đại trí tuệ này.

6.10 Hồi hướng

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách “Tinh Hoa Nikāya” và “Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya”, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu Chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiên Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con, những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, những đạo hữu đã hoan hỷ hỗ trợ chúng con trong việc in ấn pháp thí này, những chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này. Chúng con mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, tiêu tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

HẾT TẬP 2